

**BỘ TÀI CHÍNH**

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**TÀI LIỆU KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN  
GIAI ĐOẠN 2014-2016 CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH TRIỂN KHAI THỰC  
HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-BTC  
ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**HÀ NỘI, 2014**

## MỤC LỤC

<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....</b>	<b>3</b>
<b>MỞ ĐẦU.....</b>	<b>5</b>
<b>PHẦN I. TỔNG QUAN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2014 - 2016 (TÀI LIỆU MTAP).....</b>	<b>6</b>
I. MỤC TIÊU.....	6
II. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THỨ TỰ ƯU TIÊN.....	6
<b>PHẦN II. CÁC NỘI DUNG CỦA TÀI LIỆU MTAP.....</b>	<b>11</b>
A. MỤC TIÊU ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2014 -2016 .....	11
B. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ.....	12
C. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH 2011-2015 VÀ TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016-2020.....	42
<b>PHẦN III. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ, GIÁM SÁT.....</b>	<b>44</b>
<b>PHẦN IV. CHI TIẾT HÓA VÀ THEO DÕI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP.....</b>	<b>49</b>
BẢNG 1. KHUNG DỰ TÍNH KẾT QUẢ ĐẦU RA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP THEO CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHIẾN LƯỢC NGÀNH ĐẾN NĂM 2020.....	50
BẢNG 2: CHI TIẾT HÓA VÀ THEO DÕI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2014-2016.....	65
BẢNG 3. ƯỚC TÍNH NGUỒN LỰC VÀ CHI PHÍ THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2014-2016.....	104
BẢNG 4. KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP.....	120
BẢNG 5: CÁC ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2020.....	154
PHỤ LỤC I: CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC CÁC TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI TÀI TRỢ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020.....	167

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Ý nghĩa
BDS	Bất động sản
Bộ GDĐT	Bộ Giáo dục và đào tạo
Bộ KHCN	Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ KHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Cục KHTC	Cục Kế hoạch - Tài chính
Cục QLCS	Cục Quản lý Công sản
Cục QLG	Cục Quản lý giá
Cục QL&GSBH	Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm
Cục QLNT&TCĐN	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
Cục TCDN	Cục Tài chính doanh nghiệp
Cục TH&TKTC	Cục Tin học và Thống kê Tài chính
CNTT	Công nghệ thông tin
CNTT&TT	Công nghệ thông tin và truyền thông
DATC	Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
GTGT	Giá trị gia tăng
KBNN	Kho bạc Nhà nước
NSNN	Ngân sách nhà nước
SCIC	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
TCHQ	Tổng cục Hải Quan
Tài liệu MTAP	Tài liệu Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2014-2016 của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020
TCDTNN	Tổng cục Dự trữ Nhà nước
TCT	Tổng cục Thuế
TNCN	Thu nhập cá nhân

TTCK	Thị trường chứng khoán
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TSCĐ	Tài sản cố định
TSNN	Tài sản nhà nước
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
UBTVQH	Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Viện CL&CSTC	Viện Chiến lược và Chính sách tài chính
Vụ CĐKT	Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán
Vụ CST	Vụ Chính sách Thuế
Vụ ĐT	Vụ Đầu tư
Vụ HCSN	Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp
Vụ HTQT	Vụ Hợp tác quốc tế
Vụ I	Vụ I (Quản lý nhà nước về tài chính, ngân sách trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngân sách đảng và một số đơn vị)
Vụ NSNN	Vụ Ngân sách Nhà nước
Vụ PC	Vụ Pháp chế
Vụ TCCB	Vụ Tổ chức Cán bộ
Vụ TCNH	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
VPB	Văn phòng Bộ
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
XK-NK	Xuất khẩu, nhập khẩu
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

## MỞ ĐẦU

Ngày 18/4/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 450/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020, trong đó đề ra mục tiêu tổng quát và các nhiệm vụ cụ thể cho ngành Tài chính trong giai đoạn 2011-2020. Để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ này, Chiến lược tài chính đã đề ra 8 nhóm giải pháp, bao gồm: (1) Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia; (2) Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia; (3) Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hoá nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công; (4) Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNN; (5) Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính; (6) Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính; (7) Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia; (8) Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính; hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính.

Nhằm thực hiện các mục tiêu và giải pháp nêu trên, ngày 30/01/2013, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 224/QĐ-BTC về việc phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020. Theo đó, trên cơ sở 06 nhiệm vụ cụ thể xác định trong Chiến lược tài chính đến năm 2020, Chương trình hành động đã cụ thể hoá thành 82 Đề án. Trong đó, các Đề án triển khai đến năm 2020 được chia thành 02 giai đoạn: Giai đoạn 2011- 2015 và giai đoạn 2016-2020.

Để triển khai Chương trình hành động theo Quyết định này một cách có hiệu quả, với sự hỗ trợ của Dự án Quỹ Tín thác Đa biên giai đoạn 2 (MDTF 2), Bộ Tài chính đã xây dựng Tài liệu Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2014-2016 của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 (Sau đây gọi là Tài liệu MTAP), bao gồm 4 phần:

Phần I. Tổng quan về Tài liệu MTAP

Phần II. Các nội dung của Tài liệu MTAP

Phần III. Triển khai thực hiện và quản lý, giám sát Tài liệu MTAP

Phần IV. Chi tiết hóa và theo dõi thực hiện Tài liệu MTAP (Các bảng Tài liệu MTAP)

# **PHẦN I. TỔNG QUAN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2014 - 2016 (TÀI LIỆU MTAP)**

## **1. MỤC TIÊU**

Tài liệu MTAP được xây dựng để tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020, trọng tâm là giai đoạn 2014-2016, với các mục tiêu cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, Tài liệu MTAP xác định các đề án trọng tâm ngành Tài chính giai đoạn 2014-2016 cần triển khai nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 và nâng cao hiệu quả phối hợp triển khai giữa các đề án bộ phận trong tổng thể Chiến lược.

*Thứ hai*, Tài liệu MTAP là cơ sở để Bộ Tài chính tiến hành điều phối và tổ chức thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra trong Chiến lược tài chính đến năm 2020. Trong đó, phân công cụ thể các đơn vị trong Bộ Tài chính trong việc chủ trì và phối hợp xây dựng kịp thời, hiệu quả các đề án đã đặt ra nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

*Thứ ba*, Tài liệu MTAP cung cấp một bức tranh tổng thể về Chương trình hành động của ngành Tài chính giai đoạn 2014-2016 cũng như nhiệm vụ đến năm 2020, góp phần huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng các hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ tài chính theo một khuôn khổ đồng bộ và nhất quán. Trên cơ sở đó, giúp tăng cường phối hợp giữa các nhà tài trợ và Bộ Tài chính Việt Nam đối với quá trình tái cấu trúc nền tài chính quốc gia, bao gồm cả tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu thị trường tài chính và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.

Về tổng thể, Tài liệu MTAP được sử dụng để trình bày việc rà soát danh mục đề án/nội dung công việc sẽ được triển khai trong giai đoạn 2014-2016, xây dựng thứ tự ưu tiên, và đưa ra các bảng theo dõi, đánh giá, bao gồm: (1) Khung dự tính kết quả đầu ra quá trình thực hiện Tài liệu MTAP; (2) Chi tiết hóa và theo dõi thực hiện; (3) Ước tính nguồn lực và chi phí thực hiện; (4) Khung quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện; (5) Các đề án triển khai thực hiện Chiến lược tài chính giai đoạn 2011-2020. Tài liệu này sẽ góp phần giúp Bộ Tài chính và các nhà tài trợ thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2014-2016 triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 của ngành Tài chính một cách có hiệu quả.

## **2. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THỨ TỰ ƯU TIÊN**

Tài liệu MTAP được xây dựng dựa trên một số nguyên tắc và phương pháp sau đây:

### **2.1. Căn cứ lựa chọn, xác định các đề án**

Việc rà soát, xác định các đề án/hoạt động trong Tài liệu MTAP được thực hiện trên cơ sở đảm bảo triển khai 8 nhóm giải pháp đã được Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg. Đồng thời, việc xác định đề án cũng được dựa trên một số căn cứ sau:

**Một là**, các đề án/hoạt động đảm bảo phù hợp các Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, như: Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/06/2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII; Nghị quyết số 45/2013/QH13 ngày 18/06/2013 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2013 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014,...

**Hai là**, đảm bảo phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2010.

**Ba là**, đảm bảo yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính để cụ thể hóa việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội đặt ra trong các nghị quyết, kết luận, thông báo và chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, bao gồm (i) Các nghị quyết như: Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21/08/2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;... (ii) Các kết luận và thông báo: Kết luận số 50/KL-TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”; Kết luận số 63/KL-TW ngày 27/5/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020; Kết luận số 37-KL/TW ngày 26/05/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công; Nghị quyết 40/NQ-CP ngày 09/08/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”;... (iii) Các quyết định, chỉ thị: Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020; Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày

19/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020; Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015”; Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;...

**Bốn là**, đảm bảo sự liên kết giữa Chiến lược tài chính đến năm 2020 và các Chiến lược ngành, lĩnh vực có liên quan (09 chiến lược), đó là Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020; Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020; Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020; Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Chiến lược phát triển thị trường vốn đến năm 2020; Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020; Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030; các văn bản pháp luật có liên quan khác.

**Năm là**, đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội, trong đó chú trọng các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, người nghèo, phụ nữ, các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa,...

## **2.2. Rà soát xác định danh mục đề án triển khai trong giai đoạn 2014 - 2016**

Việc xác định các đề án/hoạt động trong Tài liệu MTAP được căn cứ vào Danh mục 82 đề án đã, đang và sẽ được thực hiện trong giai đoạn 2011-2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020. Đồng thời, rà soát, cập nhật để xác định bổ sung các đề án mới cũng như loại bỏ các đề án không còn phù hợp (Bảng 5). Cụ thể:

**(i) Tiêu chí lựa chọn đề án:** Tập trung vào các đề án lớn, cấp độ ban hành thuộc thẩm quyền Quốc hội, UBND, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; các đề án có quy mô ảnh hưởng đến nhiều đối tượng, nhiều ngành kinh tế và đến tổng thể nền kinh tế; các đề án là những đề án trọng tâm, trọng điểm trong chương trình công tác của ngành Tài chính.

**(ii) Bổ sung các đề án mới ngoài Quyết định số 224/QĐ-BTC:** Bổ sung và cập nhật các đề án, hoạt động quan trọng trong giai đoạn 2014-2016 phù hợp Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020.

**(iii) Không đưa vào Tài liệu MTAP 2014 - 2016 những đề án đã được thực hiện, như:** Kế hoạch tài chính – ngân sách 5 năm 2011-2015, 09 Chiến lược ngành, Hoàn thiện cơ chế hoạt động của SCIC; Tái cơ cấu và nâng cao



năng lực DATC; Phát triển hoạt động tư vấn thẩm định giá,...; những đề án sẽ được thực hiện ở giai đoạn 2017-2020 như; Luật Chứng khoán (sửa đổi); Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công,... hoặc tạm thời chưa thực hiện như Đề án thành lập Tổng cục quản lý, giám sát tài chính doanh nghiệp,...

*(iv) Không đưa vào Tài liệu MTAP 2014 - 2016 những đề án có các hoạt động chủ yếu là hoạt động thường xuyên, như: Quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước; Xây dựng lộ trình điều chỉnh giá một số mặt hàng thiết yếu; Phát triển hoạt động đại lý hải quan, đại lý thuế; Đánh giá tác động của hội nhập quốc tế đến chính sách tài chính; Phát triển nguồn nhân lực ngành Tài chính; Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với một số đơn vị, cục, vụ, viện thuộc Bộ Tài chính; Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020;...*

*(v) Không đưa vào Tài liệu MTAP 2014 - 2016 các đề án là những hoạt động phối hợp với các Bộ, ngành khác, như: Mô hình quản lý đầu tư công (phối hợp với Bộ KHĐT); Đổi mới cơ chế tài chính đối với một số lĩnh vực y tế (phối hợp với Bộ Y tế), giáo dục (phối hợp với Bộ GDĐT), khoa học công nghệ (phối hợp với Bộ KHCN); Đổi mới quy chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, cung cấp dịch vụ công sử dụng NSNN (phối hợp Bộ KHĐT);...*

### **2.3. Nguyên tắc và phương pháp xác định thứ tự ưu tiên các đề án/hoạt động trong giai đoạn 2014 - 2016**

Các đề án được sắp xếp theo 8 nhóm giải pháp của Chiến lược tài chính đến năm 2020. Trong mỗi nhóm giải pháp, xác định thứ tự ưu tiên đối với các đề án và các hoạt động của mỗi đề án. Trong đó, tiêu chí xác định thứ tự ưu tiên bao gồm:

**Thứ nhất**, căn cứ vào phạm vi (yêu cầu bắt buộc) hoặc thời gian phải hoàn thành của đề án. Căn cứ này dựa trên mốc thời gian phải hoàn thành đề án, đồng thời gắn với Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020,...

Theo đó, các đề án có mức độ ưu tiên cao sẽ là các dự án luật, pháp lệnh, các đề án xác định là trọng tâm, các khâu đột phá...; các đề án cần thực hiện để tạo cơ sở, tiền đề cho các biện pháp cải cách trong các lĩnh vực khác có liên quan... Ngoài ra, đối với một số đề án do yêu cầu mới của Quốc hội, Chính phủ cũng thuộc nhóm ưu tiên cao.

**Thứ hai**, đối với đề án có cùng mốc thời gian thực hiện thì việc xác định thứ tự ưu tiên sẽ căn cứ vào các yếu tố/nhân tố như: mục tiêu, hiệu quả, đánh giá tác động, nguồn lực và tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật của những đề án đó để quyết định thứ tự ưu tiên.

Ngoài ra, cũng cần cân nhắc tới các yếu tố khác khi xác định thứ tự ưu tiên của các đề án, các hoạt động của từng đề án, như: Quá trình hoàn thiện thể chế, luật pháp; các chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tài chính; Điều kiện thực hiện (thời gian, địa điểm, sự kiện); các hạn chế, rủi ro có liên quan; tính kế thừa, có rà soát;... Bên cạnh đó, việc xác định thứ tự ưu tiên

cũng được thực hiện trên cơ sở “dưới lên” theo đề xuất của các đơn vị trong Bộ cũng như rà soát “trên xuống” theo yêu cầu của lãnh đạo Bộ Tài chính.

Trên cơ sở các căn cứ lựa chọn đề án, rà soát danh mục đề án và nguyên tắc, tiêu chí xác định thứ tự ưu tiên trong giai đoạn 2014-2016, Tài liệu MTAP 2014-2016 được hình thành với 40 đề án, bao gồm 25 đề án đã được xác định tại Quyết định số 224/QĐ-BTC và 15 đề án bổ sung mới (Bảng 2, Phần IV).

## **PHẦN II. CÁC NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2014 - 2016 (TÀI LIỆU MTAP)**

### **A. MỤC TIÊU ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2014 – 2016**

Thực hiện mục tiêu tổng quát đã được phê duyệt tại Chiến lược tài chính đến năm 2020, bao gồm: Xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, đảm bảo giữ vững an ninh tài chính, ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính - tiền tệ, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội trong đó có bình đẳng giới; huy động, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng; cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện; đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực của công tác quản lý, giám sát tài chính, mà đã được cụ thể hóa bằng 06 nhiệm vụ. Trong đó, có xác định 03 khâu đột phá chiến lược:

- Đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế tài chính theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với trọng tâm là nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính, nguồn lực từ tài nguyên, đất đai; đưa giá cả hàng hóa và dịch vụ vận hành theo cơ chế thị trường.

- Thực hiện có hiệu quả các yêu cầu về tái cơ cấu nền tài chính quốc gia theo hướng nâng cao vai trò điều tiết, định hướng của tài chính nhà nước, tăng cường tiềm lực tài chính dân cư và doanh nghiệp trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới cơ bản chính sách tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập để cơ cấu lại chi NSNN, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học công nghệ.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với hiện đại hóa công nghệ quản lý và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện cải cách mạnh mẽ quy trình thủ tục hành chính, hình thành nền tài chính chuyên nghiệp, hiệu quả, hiện đại.

Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ và khâu đột phá trên, trọng tâm ưu tiên trong giai đoạn 2014 – 2016 sẽ là:

(1) Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia;

(2) Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia;

(3) Đổi mới cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công;

(4) Hoàn thiện chính sách cơ chế tài chính doanh nghiệp thực hiện tái cấu trúc DNNN;

(5) Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính;

(6) Tăng cường công tác kiểm soát thị trường, quản lý giá cả và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính.

## **B. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ**

### **1. Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia**

#### **1.1. Các mục tiêu chính**

- *Về chính sách thuế, phí, lệ phí và thu khác:* Xây dựng được một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, phù hợp với thông lệ quốc tế và có khả năng huy động đầy đủ, chủ động, hợp lý nguồn thu cho NSNN. Mở rộng cơ sở tính thuế, duy trì mức thuế suất hợp lý, đảm bảo công bằng, bình đẳng về thuế giữa các đối tượng nộp thuế; tạo động lực khuyến khích sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, đồng thời bảo hộ hợp lý và có chọn lọc theo mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên quốc gia, đảm bảo phù hợp với Luật Dầu khí, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ và phát triển rừng,... với mục đích khuyến khích sử dụng tài nguyên có khả năng tái tạo, hạn chế, điều tiết hợp lý việc khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo. Hệ thống chính sách thu từ đất đai được hoàn thiện phù hợp với các quy định của Luật đất đai (sửa đổi), đảm bảo huy động hiệu quả các nguồn lực từ đất đai cho phát triển kinh tế, xã hội. Đồng thời, thực hiện đơn giản hóa hệ thống chính sách ưu đãi thuế.

- *Về quản lý thuế:* Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, chống thất thoát, gian lận thuế. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực ngành thuế; cải cách và hiện đại hóa công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; đổi mới và tăng cường năng lực công tác thanh tra, kiểm tra người nộp thuế; đổi mới và tăng cường năng lực công tác quản lý đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, chế độ kế toán thuế; đổi mới và tăng cường năng lực công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; hiện đại hóa công tác quản lý thuế trên cơ sở phát triển hệ thống công nghệ thông tin gắn với hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật; hiện đại hóa cơ sở vật chất ngành thuế; phát triển trường nghiệp vụ thuế.

- *Một số chỉ tiêu định lượng:* (i) Mở rộng cơ sở thuế để phát triển nguồn thu, bao quát các nguồn thu mới phát sinh và cơ cấu lại theo hướng tăng nguồn thu nội địa (không kể thu từ dầu thô) đến năm 2015 đạt trên 70% tổng thu NSNN và đến năm 2020 đạt trên 80% tổng thu NSNN; (ii) Tỷ lệ huy động thu NSNN giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 23 - 24% GDP; (iii) Tỷ lệ đóng viên từ thuế, phí và lệ phí khoảng 22 - 23% GDP; (iv) Tốc độ tăng trưởng số thu thuế, phí và lệ phí bình quân hàng năm từ 16 - 18%/năm.

#### **1.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên**

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/06/2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII;

- Nghị quyết số 45/2013/QH13 ngày 18/06/2013 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2013 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại;

- Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/04/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;

- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 22/12/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/04/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;

- Nghị quyết số 535/NQ-UBTVQH13 ngày 12/10/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 08/11/2011 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015;

- Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về việc ban hành Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên;

- Quyết định số 2174/QĐ-TTg ngày 12/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai và tài sản nhà nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2013 - 2020";

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

- Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/05/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020.

### **1.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2014-2016**

Nhằm nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia giai đoạn 2014-2016 cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách huy động từ thuế, phí và lệ phí hợp lý nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước, khuyến khích xuất khẩu, khuyến khích đầu tư, nhất là đầu tư áp dụng công nghệ cao, đầu tư vào vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; hoàn thiện các chế độ, chính sách thu từ tài nguyên, khoáng sản quốc gia như thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thu đấu giá quyền khai thác khoáng sản và thu từ dầu khí,....

Cải cách chính sách huy động nguồn lực tài chính quốc gia giai đoạn 2014-2016 tập trung vào các nội dung sau:

*Một là*, triển khai thực hiện tốt Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT đã được Quốc hội thông qua. Đồng thời, định kỳ có đánh giá tổng kết về quá trình thực hiện nhằm phát hiện các vấn đề phát sinh mới để trình các cấp có thẩm quyền kịp thời điều chỉnh, bổ sung, đảm bảo phù hợp với các diễn biến của bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.

*Hai là*, sửa đổi Luật Hải quan theo hướng đổi mới toàn diện hoạt động hải quan, hiện đại hóa hải quan; đẩy mạnh cải cách thủ tục hải quan theo hướng đơn giản, rõ ràng, minh bạch, công khai, thuận tiện và thống nhất, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về hải quan, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, phương tiện vận tải; giảm chi phí, thời gian của người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hải quan, bảo đảm tính tương thích, chặt chẽ nhằm phục vụ yêu cầu đấu tranh phòng, chống các hành vi gian lận, trốn thuế làm thất thoát NSNN.

*Ba là*, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo hướng khuyến khích sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; hạn chế xuất khẩu tài nguyên chưa qua chế biến, giảm hàng hóa gia công giá trị gia tăng thấp; thu gọn số lượng mức thuế suất, từng bước đơn giản biểu thuế, mã số hàng hóa; sửa đổi quy định về giá tính thuế, tỷ giá tính thuế, phương pháp tính thuế; xây dựng lộ trình điều chỉnh các mức thuế suất thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

*Bốn là*, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB theo hướng bổ sung đối tượng chịu thuế để hướng dẫn điều tiết tiêu dùng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội; xây dựng lộ trình điều chỉnh thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu,... để điều tiết tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; sửa đổi, bổ sung quy định về giá tính thuế, phương pháp tính thuế, kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và thuế suất tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế.

*Năm là*, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi một số điều của Luật thuế TNCN nhằm tiếp tục hoàn thiện theo hướng phù hợp với các thông lệ quốc tế và bối cảnh của Việt Nam.

*Sáu là*, triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về việc ban hành Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên nhằm thúc đẩy khai thác tài nguyên gắn liền với chế biến sâu, hạn chế tối đa xuất khẩu tài nguyên chưa qua chế biến; khuyến khích sử dụng sản phẩm thay thế tài nguyên thiên nhiên nhằm góp phần bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác tài nguyên.

*Bảy là*, xây dựng Luật phí, lệ phí để thay thế cho Pháp lệnh phí, lệ phí hiện hành theo hướng phân định rõ phí và lệ phí; chuyển một số loại phí có bản chất là quan hệ cung ứng dịch vụ sang quản lý theo cơ chế giá dịch vụ; nâng mức một số loại phí bảo đảm mức thu phí bù đắp được chi phí áp dụng đối với các đối tượng có khả năng chi trả; phân cấp cho các địa phương trong việc quyết định các khoản thu phí, lệ phí thuộc ngân sách địa phương và gắn với chức năng quản lý nhà nước của chính quyền địa phương; quy định rõ thẩm quyền ban hành danh mục phí, lệ phí; khung mức phí, lệ phí; mức phí, lệ phí cụ thể.

*Tám là*, xây dựng các chính sách động viên từ đất đai phù hợp với yêu cầu đổi mới và Luật đất đai (sửa đổi), bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; xây dựng Luật thuế bất động sản theo hướng điều tiết đối với nhà, đất ở và tài sản có giá trị lớn; khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; điều tiết đối với những trường hợp sử dụng đất diện tích lớn, có tính chất đầu cơ; thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của thị trường bất động sản, bảo đảm động viên nguồn thu hợp lý cho NSNN; xây dựng và hoàn thiện chính sách thu đối với đất đai theo hướng quy định mức thu theo mục đích sử dụng của đất đai, góp phần hình thành thị trường bất động sản có tổ chức, quản lý hiệu quả, đồng thời mở rộng việc giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá; xây dựng Quỹ phát triển hạ tầng cơ sở nhằm huy động nguồn lực tài chính từ quỹ đất của các địa phương, tạo điều kiện cho các địa phương có được các nguồn lực cần thiết cho việc đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở trên địa bàn; bán quyền thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đối với những công trình kết cấu hạ tầng giao thông có khả năng và điều kiện thu thuận lợi; cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông; chuyển nhượng có thời hạn kết cấu hạ tầng giao thông đối với những kết cấu hạ tầng giao thông; khai thác quỹ đất hai bên đường để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông,...

*Chín là*, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật thuế bảo vệ môi trường và 5 năm thực hiện Luật Thuế tài nguyên nhằm tiếp tục hoàn thiện theo hướng phù hợp với các thông lệ quốc tế và bối cảnh của Việt Nam.

#### **1.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2014 - 2016**

- *Đề án 1*: Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật; (ii) Sơ kết 3 năm thực hiện Luật.

- *Đề án 2:* Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật; (ii) Sơ kết 3 năm thực hiện Luật.

- *Đề án 3:* Xây dựng Luật Hải quan (sửa đổi).

Hoạt động của Đề án: (i) Tổ chức thực hiện Luật; (ii) Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật; (iii) Sơ kết 3 năm thực hiện Luật.

- *Đề án 4:* Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật; (ii) Xây dựng đề án sửa đổi một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (iii) Tổ chức thực hiện Luật; (iv) Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật.

- *Đề án 5:* Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTDB.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế TTDB; (ii) Tổ chức thực hiện; (iii) Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật.

- *Đề án 6:* Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN; (ii) Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo.

- *Đề án 7:* Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên.

Hoạt động của Đề án: (i) Triển khai thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về biểu thuế suất thuế tài nguyên; (ii) Tổng kết đánh giá 05 năm triển khai thực hiện Luật thuế tài nguyên; (iii) Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo.

- *Đề án 8:* Xây dựng Luật phí, lệ phí.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Pháp lệnh phí, lệ phí; (ii) Xây dựng Dự án Luật.

- *Đề án 9:* Xây dựng chính sách động viên từ đất đai.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng Nghị định về thu tiền sử dụng đất; (ii) Xây dựng Nghị định về tiền thuê đất, thuê mặt nước; (iii) Tổ chức tuyên truyền phổ biến các nghị định, thông tư; (iv) Triển khai thực hiện Đề án khai thác nguồn lực từ đất đai và tài sản nhà nước để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2013 – 2020 theo Quyết định số 2174/QĐ-TTg.

- *Đề án 10:* Xây dựng Luật thuế bất động sản.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá chính sách thuế đối với bất động sản.



- *Đề án 11*: Tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; (ii) Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo.

- *Đề án 12*: Tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường; (ii) Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo.

Trong đó, các đề án được lựa chọn để thực hiện lồng ghép giới và đánh giá tác động của việc triển khai đề án đến an sinh xã hội và bình đẳng giới, bao gồm: Đề án 1, 2, 6, 8, 9, 10, 11.

### **1.5. Trách nhiệm thực hiện**

- Đề án 1, 2, 6, 11, 12: TCT; Vụ CST chủ trì, phối hợp Vụ PC, Cục KHTC, TCHQ và các đơn vị liên quan.

- Đề án 3: TCHQ chủ trì, phối hợp Vụ CST, Vụ HTQT, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 4, 5, 7, 8, 10: Vụ CST chủ trì, phối hợp Vụ PC, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan.

- Đề án 9: Cục QLCS chủ trì, phối hợp Vụ CST, TCT, Vụ PC và các đơn vị liên quan.

### **1.6. Yêu cầu nguồn lực**

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

### **1.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2016**

- Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện các luật sửa đổi, bổ sung liên quan đến thuế TNDN, GTGT, TTĐB, XK - NK, Biểu thuế suất thuế tài nguyên,...

- Triển khai giai đoạn 2 các nhiệm vụ có liên quan theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và các sáng kiến bổ sung mới.

## **2. Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính**

### **2.1. Các mục tiêu chính**

- Xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, đảm bảo giữ vững an ninh tài chính, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, bình đẳng giới. Trong đó, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội một cách hiệu quả, công bằng;

- Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính công, đặc biệt là nguồn vốn từ NSNN; tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN và thực hiện tái cấu trúc đầu tư công, tăng cường đầu tư phát triển con người, chú trọng đến các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như người nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số; cải cách cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công; cải cách tiền lương; củng cố hệ thống an sinh xã hội;

- Phát triển và hiện đại hoá quản lý ngân quỹ nhà nước hiệu lực, hiệu quả; đảm bảo gắn kết quản lý ngân quỹ nhà nước với quy trình quản lý NSNN, từ khâu lập dự toán, phân bổ, chấp hành, kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách; hoàn thiện chế độ thông tin, báo cáo tài chính; đổi mới công tác quản lý, kiểm soát chi qua KBNN trên cơ sở xây dựng cơ chế, quy trình quản lý, kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN phù hợp với thông lệ quốc tế để vận hành hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc;

- Sẵn sàng đáp ứng yêu cầu cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh; phục vụ động viên công nghiệp; đảm bảo an ninh lương thực; an ninh năng lượng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội;

- Các chỉ tiêu định lượng: (i) giảm mức bội chi NSNN xuống dưới 4,5% GDP vào năm 2015 (tính cả trái phiếu Chính phủ) và giai đoạn 2016 – 2020 tương đương 4% GDP; (ii) Phân đầu đến năm 2015, tổng mức dự trữ nhà nước đạt 0,8-1% GDP và đến năm 2020 đạt khoảng 1,5% GDP, đồng thời cơ cấu lại mặt hàng dự trữ, đảm bảo đáp ứng kịp thời các nhu cầu đột xuất, cấp bách của Nhà nước.

## **2.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên**

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/05/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020;

- Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Nghị quyết số 45/2013/QH13 ngày 18/06/2013 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2013 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014;

- Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/06/2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII;

- Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 08/11/2011 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015;

- Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 – 2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Quyết định số 2091/QĐ-TTg ngày 28/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020.

### **2.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2014 – 2016**

*Một là*, hoàn thiện khung pháp lý về phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính, trong đó nâng cao vai trò định hướng của nguồn lực tài chính nhà nước trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, thông qua việc xây dựng và triển khai thực hiện Luật NSNN (sửa đổi) phù hợp với yêu cầu cải cách và quản lý theo hướng đảm bảo nguồn lực cho ngân sách địa phương để chủ động thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, cùng với tăng cường trách nhiệm trong quản lý ngân sách của chính quyền địa phương; đảm bảo tập trung, thống nhất vai trò chủ đạo và điều phối của ngân sách trung ương:

- Sửa đổi quy định về hệ thống NSNN phù hợp với quy định của Hiến pháp về thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định, phân bổ, phê chuẩn quyết toán NSNN;

- Quy định rõ ràng về phạm vi thu, chi ngân sách; thu phí, lệ phí đảm bảo nguyên tắc đầy đủ của NSNN, thống nhất trong hạch toán; rà soát đưa khoản vay liên quan đến trách nhiệm trả nợ của nhà nước vào bội chi NSNN; sửa đổi phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách đảm bảo tính thống nhất của NSNN, phù hợp với phân cấp kinh tế - xã hội, vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tính chủ động của ngân sách địa phương;

- Bổ sung quy định xây dựng dự toán NSNN hàng năm, phải đảm bảo gắn kết với kế hoạch tài chính trung hạn, kế hoạch chi tiêu trung hạn, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị;

- Bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định về các biện pháp cần thiết khi có biến động lớn, bất thường về tình hình tài chính - ngân sách; quy định về trách nhiệm giải trình của các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách;

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác chấp hành, quyết toán, thanh tra, kiểm toán NSNN;

- Hoàn thiện quy định về quản lý chi đầu tư phát triển từ nguồn NSNN, quy định cụ thể về quyền hạn, trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý vốn đầu tư phát triển từ NSNN;

- Bổ sung quy định về công khai dự toán, quyết toán ngân sách đối với các cấp ngân sách và đơn vị sử dụng ngân sách;

- Rà soát các vấn đề có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11.

*Hai là*, cải cách quản lý ngân quỹ theo hướng an toàn, hiệu quả, gắn kết quản lý ngân quỹ với quản lý nợ chính phủ để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính Nhà nước và giảm nợ vay, bao gồm: thiết lập các công cụ quản lý ngân quỹ như hệ thống tài khoản thanh toán tập trung-TSA, quy trình dự báo luồng tiền, hệ thống quản lý và kiểm soát rủi ro ngân quỹ,...;

*Ba là*, đổi mới cơ cấu chi NSNN theo hướng tăng cường đầu tư cho con người, cơ cấu lại chi NSNN đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng phát triển kinh tế xanh, đảm bảo quốc phòng, an ninh, thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ; Tăng cường dự phòng, dự trữ tài chính; Thực hiện tái cấu trúc đầu tư công gắn với nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn vốn NSNN; Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá các dự án đầu tư cùng với việc theo dõi đánh giá, kiểm tra, thanh tra quản lý và sử dụng các dự án đầu tư bằng nguồn vốn NSNN; Thực hiện công khai các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách; Hướng tới đổi mới kế hoạch đầu tư trung hạn trên cơ sở kế hoạch tài chính - ngân sách trung hạn, đảm bảo chi đầu tư từ NSNN được giới hạn trong khả năng nguồn lực và thống nhất với các ưu tiên chính sách của Quốc hội, Chính phủ;

*Bốn là*, đổi mới hoạt động lập và phân bổ dự toán NSNN, hướng tới phân bổ ngân sách theo trung hạn, gắn với kết quả hoạt động; Thực hiện đổi mới quy trình ngân sách, trong đó có tính đến các khía cạnh giới có liên quan, áp dụng ngân sách trung hạn và thực hiện phân bổ ngân sách theo các ưu tiên chiến lược; Nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo tài chính-ngân sách;

*Năm là*, tăng cường công tác quản lý tài sản công, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản quốc gia, tăng cường tiềm lực và hiệu quả quản lý dự trữ nhà nước;

*Sáu là*, tăng cường quản lý giá hàng hóa, dịch vụ theo cơ chế thị trường, đẩy mạnh thanh kiểm tra và quản lý các yếu tố hình thành giá đối với các hàng hóa, dịch vụ độc quyền;

*Bây là*, hoàn thiện khung pháp lý để thực hiện chức năng Tổng kế toán nhà nước góp phần đánh giá nguồn lực tài chính quốc gia và hiệu quả chi tiêu công.

#### **2.4. Các các đề án thực hiện giai đoạn 2014 - 2016**

- *Đề án 1*: Nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực NSNN.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng dự án Luật NSNN (sửa đổi); (ii) Tổ chức thực hiện Luật; (iii) Tổ chức tuyên truyền phổ biến.

- *Đề án 2*: Cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng Nghị định về quản lý ngân quỹ và Thông tư hướng dẫn thực hiện (về tài khoản thanh toán tập trung-TSA, hệ thống dự báo nguồn tiền, hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro ngân quỹ); (ii) Xây dựng các hoạt động hỗ trợ phục vụ triển khai Nghị định; (iii) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị định.

- *Đề án 3*: Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước.

Hoạt động của Đề án: (i) Tham khảo kinh nghiệm quốc tế; (ii) Hội thảo để thảo luận về Báo cáo đánh giá thực trạng, chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước; (iii) Đăng ký vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; (iv) Xây dựng Dự án Luật.

- *Đề án 4*: Mô hình Tổng kế toán nhà nước.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá tổng kết việc thi hành Kế toán nhà nước; (ii) Xây dựng hệ thống kế toán nhà nước thống nhất, trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin hiện đại, hạch toán theo thông lệ quốc tế, đảm bảo yêu cầu quản lý ngân sách và tài chính công; (iii) Xây dựng khung pháp lý để thực hiện chức năng Tổng Kế toán nhà nước; (iv) Tổ chức bộ máy và hệ thống thông tin.

- *Đề án 5*: Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật giá.

#### **2.5. Trách nhiệm thực hiện**

- Đề án 1: Vụ NSNN chủ trì, phối hợp Cục KHTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 2: KBNN chủ trì, phối hợp Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLNT&TCĐN và các đơn vị liên quan.

- Đề án 3: Cục QLCS chủ trì, phối hợp Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 4: KBNN chủ trì phối hợp với Vụ CĐKT, Vụ NSNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 5: Cục QLG chủ trì, phối hợp Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan.

#### **2.6. Yêu cầu nguồn lực**

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

## **2.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2016**

- Các hoạt động đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật NSNN sửa đổi.

- Phát triển chiến lược KBNN đến 2020.

- Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược dự trữ quốc gia.

## **3. Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập**

### **3.1. Các mục tiêu chính**

- Đổi mới căn bản cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cung cấp dịch vụ gắn với nhu cầu của xã hội, phù hợp với khả năng ngân sách, thúc đẩy xã hội hoá cũng như đảm bảo để các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo, nhất là đối với phụ nữ và người dân tộc thiểu số được tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu;

- Đổi mới cơ chế giá dịch vụ, nhà nước quy định khung giá sản phẩm dịch vụ đối với các loại dịch vụ cơ bản thiết yếu, đồng thời, cho phép các đơn vị sự nghiệp công từng bước tính đúng tính đủ chi phí về tiền lương, chi phí khấu hao tài sản cố định trong giá dịch vụ cung cấp;

- Tăng cường xã hội hoá dịch vụ sự nghiệp công nhằm đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư trong xã hội cho phát triển các lĩnh vực sự nghiệp công, đặc biệt là giáo dục, y tế, nghiên cứu khoa học;

- Xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công theo 3 mức: (1) Mức giá tính đủ tiền lương; (2) Mức giá tính đủ tiền lương và chi phí quản lý; (3) Mức giá tính đủ lương, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định;

- Đối với các đơn vị sự nghiệp cung cấp những dịch vụ sự nghiệp công có đủ điều kiện, trước hết là các đơn vị sự nghiệp kinh tế, thực hiện cơ chế hoạt động theo mô hình doanh nghiệp và từng bước cổ phần hóa theo quy định;

- Thực hiện cơ cấu lại và đổi mới phương thức đầu tư, cấp phát NSNN theo hướng: (i) NSNN đảm bảo kinh phí thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ở các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, biên giới và hải đảo; (ii) Từng bước chuyển từ việc giao dự toán ngân sách cho các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập như hiện nay sang thực hiện phương thức “đặt hàng”, “mua” dịch vụ;

- Đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hóa cao, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động (các trường đại học, bệnh viện và một số cơ sở dạy nghề) theo hướng: giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đồng bộ cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính, tài sản khi cung cấp dịch vụ gắn với nhu cầu xã hội;

- Quy định và thực hiện lộ trình đổi mới cơ chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghiên cứu đề thực hiện khoán ổn định kinh phí hỗ trợ của nhà nước trong một số năm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

### **3.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên**

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Kết luận số 63/KL-TW ngày 27/05/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020;

- Nghị quyết số 35/2009/QH12 ngày 19/06/2009 về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Kết luận số 37-KL/TW ngày 26/05/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 – 2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020.

### **3.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2014-2016**

*Một là*, đổi mới phương thức đầu tư từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của các đơn vị, phù hợp với khả năng của NSNN và thực hiện việc cơ cấu lại chi NSNN đối với từng lĩnh vực cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cộng, ưu tiên cho các đơn vị sự nghiệp có nguồn thu thấp, không đảm bảo bù đắp chi phí hoạt động, như các trường tiểu học, các bệnh viện chữa trị bệnh phong, lao, tâm thần, các cơ sở y tế dự phòng, các đơn vị hoạt động sự nghiệp công lập khác,...

*Hai là*, đổi mới phương thức đầu tư từ NSNN đối với một số hoạt động sự nghiệp theo hướng chuyển đổi cơ chế phân bổ chi thường xuyên từ NSNN sang cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ có gắn với hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chí, tiêu chuẩn của từng loại hình dịch vụ cũng như số lượng, chất lượng sản phẩm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ; chuyển cơ chế cấp kinh phí trực tiếp cho các cơ sở cung ứng dịch vụ sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng dịch vụ;

*Ba là*, đổi mới cơ chế giá dịch vụ trong cung cấp dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nhà nước sẽ quy định khung giá dịch vụ đối với những dịch vụ cơ bản có vai trò quan trọng trong xã hội như quy định về khung học phí, viện phí trên cơ sở từng bước tính đúng, tính đủ chi phí tiền lương, chi phí hoạt động thường xuyên, chi phí khấu hao tài sản cố định trong giá dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp;

*Bốn là*, các đơn vị sự nghiệp công lập được phép tính đủ chi phí (tiền lương và chi phí hoạt động thường xuyên...) trong giá dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở khung giá do Nhà nước quy định. Từ đó, hình thành cơ chế cạnh tranh trong việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công với mục đích cải thiện chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị này, hạn chế sự can thiệp của Nhà nước, cung - cầu dịch vụ điều tiết bởi các lực lượng thị trường, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội;

*Năm là*, hoàn thiện cơ chế chính sách tài chính, khuyến khích việc huy động các nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển sự nghiệp công, nhất là sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, nghiên cứu khoa học và văn hoá xã hội. Tiếp tục hoàn thiện quy định về việc các cơ sở công lập hợp tác, liên kết với địa phương, doanh nghiệp, cá nhân trong việc xây dựng cơ sở vật chất. Tiếp tục thực hiện việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất đối với các cơ sở ngoài công lập; các cơ sở ngoài công lập huy động vốn để đầu tư phát triển cơ sở vật chất.

### **3.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2014 - 2016**

- *Đề án 1*: Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Hoạt động của Đề án: (i) Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; (ii) Ban hành Thông tư hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện.



- Đề án 2: Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng Nghị định; (ii) Ban hành Thông tư hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

### **3.5. Trách nhiệm thực hiện**

- Đề án 1, 2: Vụ HCSN chủ trì, phối hợp Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan.

### **3.6. Yêu cầu nguồn lực**

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

### **3.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2016**

- Đánh giá tình hình đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế và khoa học công nghệ.

## **4. Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính doanh nghiệp**

### **4.1. Các mục tiêu chính**

- DNNN có cơ cấu hợp lý hơn, tập trung vào ngành, lĩnh vực then chốt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội và quốc phòng, an ninh, làm nòng cốt để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng, điều tiết nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô;

- Nâng cao sức cạnh tranh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đối với doanh nghiệp kinh doanh; hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội, quốc phòng, an ninh đối với doanh nghiệp hoạt động công ích;

- Thực hiện phân loại, sắp xếp lại các DNNN, tập trung vào các lĩnh vực chính gồm công nghiệp quốc phòng, các ngành, lĩnh vực công nghiệp độc quyền tự nhiên hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và một số ngành công nghiệp nền tảng, công nghệ cao có sức lan tỏa lớn; Đẩy mạnh cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu các DNNN mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% sở hữu. Đối với từng tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư và ngành nghề kinh doanh, tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính; Đẩy nhanh thực hiện theo nguyên tắc thị trường việc thoái vốn nhà nước đã đầu tư vào các ngành không phải kinh doanh chính hoặc không trực tiếp liên quan đến ngành kinh doanh chính và vốn nhà nước ở các công ty cổ phần mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối;

- Đổi mới, phát triển và tiến tới áp dụng đầy đủ khung quản trị hiện đại theo thông lệ tốt của kinh tế thị trường đối với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Thực hiện nghiêm pháp luật, kỷ cương hành chính nhà nước và kỷ luật thị trường, đổi mới hệ thống đòn bẩy khuyến khích bảo đảm DNNN hoạt động theo cơ chế thị trường và cạnh tranh bình đẳng như các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác;

- Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân; khuyến khích hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân có tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

#### **4.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên**

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Kết luận số 74-KL/TW, ngày 17/10/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về “Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014” và “Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế - xã hội, trọng tâm là ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng”;

- Kết luận số 50/KL-TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”;

- Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2011;

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012;

- Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 09/05/2012 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2012;

- Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015”;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 – 2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể

tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020.

### **4.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2014 – 2016**

*Một là*, hoàn thiện hệ thống pháp luật tài chính đối với doanh nghiệp trên cơ sở tôn trọng quyền tự do kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, ổn định, minh bạch, thông thoáng, cạnh tranh lành mạnh nhằm giải phóng, phát triển sức sản xuất của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; hạn chế độc quyền trong kinh doanh; chống tình trạng biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp;

*Hai là*, tập trung phát triển DNNN trong những ngành, lĩnh vực quan trọng có ý nghĩa then chốt của nền kinh tế, đảm bảo cân đối lớn, ổn định vĩ mô, an ninh quốc phòng và trên một số địa bàn quan trọng. Xây dựng các tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh về tiềm lực tài chính, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và làm tốt vai trò công cụ điều tiết vĩ mô. Nhà nước chỉ đầu tư vốn vào các tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong những lĩnh vực, ngành nghề then chốt sau khi cơ cấu lại. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước chỉ tập trung vào những ngành nghề kinh doanh chính; kiên quyết thực hiện thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần chi phối và thoái vốn đã đầu tư vào các hoạt động ngoài ngành kinh doanh chính;

Thiết lập và tăng cường kiểm tra, giám sát về tài chính đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; phát hiện xử lý và cảnh báo việc chấp hành chính sách pháp luật về tài chính và khả năng mất cân đối về tài chính của doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm túc việc kiểm toán bắt buộc đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; thực hiện công khai kết quả hoạt động của DNNN, đặt DNNN vào môi trường cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác;

*Ba là*, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính để thực hiện việc sắp xếp, đổi mới DNNN (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước); chỉ duy trì DNNN trong những ngành, lĩnh vực then chốt mà Nhà nước cần nắm giữ chi phối, có ý nghĩa chiến lược đối với việc phát triển và ổn định kinh tế - xã hội. Thực hiện cổ phần hóa theo nguyên tắc thị trường, có chính sách thu hút và chọn lựa nhà đầu tư chiến lược phù hợp với từng doanh nghiệp, xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập;

*Bốn là*, đổi mới cơ chế về đầu tư vốn của Nhà nước và cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu; phân định rõ quyền sở hữu của Nhà nước và quyền kinh doanh của doanh nghiệp cũng như mối quan hệ giữa Nhà nước và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Hoàn thiện cơ chế quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả và tạo tính chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của người sở hữu và quyền và nghĩa vụ của người được chủ sở hữu giao quản lý, sử dụng tài sản, vốn để kinh doanh;

Năm là, thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa. Các đơn vị sự nghiệp công lập có thu thực hiện tốt cơ chế quản lý giá dịch vụ, có thể tiếp tục thực hiện chuyển đổi các đơn vị này sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Bước đầu, thực hiện trước đối với các đơn vị sự nghiệp kinh tế (các trung tâm giống, trung tâm ứng dụng chuyên giao công nghệ...), sự nghiệp văn hóa (các nhà xuất bản, phát hành, các dịch vụ văn hóa nghệ thuật, giải trí...), lĩnh vực thể dục thể thao (trung tâm thể thao, câu lạc bộ thể thao...),...

#### **4.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2014 - 2016**

- Đề án 1: Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng dự thảo Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; (ii) Tổ chức thực hiện Luật; (iii) Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật.

- Đề án 2: Thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá thực trạng cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa; (ii) Xây dựng nội dung và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa; (iii) Triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

#### **4.5. Trách nhiệm thực hiện**

- Đề án 1, 2: Cục TCDN chủ trì, phối hợp Vụ ĐT, Vụ NSNN, Vụ PC, Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan.

#### **4.6. Yêu cầu nguồn lực**

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

#### **4.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2016**

- Đánh giá 2 năm thực hiện Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

- Đánh giá 2 năm thực hiện Đề án thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa.

### **5. Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính**

#### **5.1. Các mục tiêu chính**

- Thực hiện phát triển đồng bộ các loại thị trường, tái cấu trúc thị trường tài chính và dịch vụ tài chính; mở rộng và đa dạng hóa các hình thức hoạt động trên thị trường để động viên các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển kinh tế - xã hội;

- Phát triển thị trường chứng khoán ổn định, vững chắc, hoạt động hiệu quả, vận hành an toàn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường, có khả năng cạnh tranh trong khu vực; thúc đẩy sự phát triển thị trường trái phiếu;

- Phát triển bộ máy giám sát tài chính đồng bộ, có khả năng phân tích, đánh giá, cảnh báo trung thực mức độ rủi ro của toàn bộ hệ thống tài chính và từng phân đoạn trong hệ thống tài chính;

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kế toán, kiểm toán và thống kê, ban hành hệ thống chuẩn mực quốc gia phù hợp với hệ thống chuẩn mực quốc tế;

- Các chỉ tiêu định lượng: (i) Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu khoảng 50% GDP vào năm 2015 và 70% GDP vào năm 2020; (ii) Dư nợ thị trường trái phiếu đạt 30% GDP vào năm 2020; (iii) Tổng doanh thu ngành bảo hiểm đạt 2 - 3% GDP vào năm 2015 và 3 - 4% GDP vào năm 2020.

## **5.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên**

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Nghị quyết số 45/2013/QH13 ngày 18/06/2013 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2013 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014;

- Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/06/2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII;

- Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 08/11/2011 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011- 2015;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 – 2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Quyết định số 261/QĐ-BTC ngày 01/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về phê duyệt lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam đến năm 2020;

- Quyết định số 304/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/02/2013 phê duyệt Đề án nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia;

- Quyết định số 1826/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/12/2012 về phê duyệt đề án “Tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm”;

- Quyết định số 128/QĐ-TTg ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường vốn đến năm 2020;

- Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 01/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 06/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm;

- Quyết định số 193/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/02/2012 về Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

- Quyết định số 480/QĐ-TTg ngày 18/03/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

### **5.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2014 - 2016**

*Một là*, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý điều tiết hệ thống thị trường tài chính và dịch vụ tài chính, thúc đẩy sự phát triển của hệ thống các thị trường tài chính theo chiều sâu trên cơ sở đa dạng hóa các định chế tài chính, các hàng hóa trên thị trường tài chính, tăng cường qui mô, tính thanh khoản trên các thị trường tài chính. Trong đó: (i) Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về dịch vụ bảo hiểm; (ii) Nghiên cứu để sau năm 2015 sửa đổi Luật Chứng khoán; (iii) Phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; đa dạng hoá dịch vụ thanh toán, đẩy mạnh ứng dụng thanh toán điện tử; (iv) Phát triển hệ thống quỹ hưu trí tự nguyện để mở rộng cơ sở nhà đầu tư vốn dài hạn trên thị trường tài chính;

*Hai là*, hoàn thiện cấu trúc của thị trường chứng khoán, bao gồm: (i) Cơ cấu lại thị trường chứng khoán đảm bảo sự phát triển đồng bộ, cân đối giữa thị trường cổ phiếu, trái phiếu, thị trường các công cụ phái sinh; (ii) Đa dạng hóa các loại hình sản phẩm trên thị trường tài chính đạt mức độ tương đương với các nước trong khu vực; (iii) Xây dựng và triển khai hoạt động công bố thông tin, quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế; (iv) Thúc đẩy hợp lý và đa dạng hóa các tổ chức đầu tư chuyên nghiệp trong nước, nhà đầu tư có tổ chức;

*Ba là*, tăng cường năng lực hoạt động của các tổ chức tham gia thị trường tài chính và dịch vụ tài chính. Trong đó: (i) Tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm; (ii) Hình thành và phát triển các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định mức tín nhiệm hoạt động trên thị trường vốn; (iii) Hoàn thiện mô hình doanh nghiệp kinh doanh xổ số, tăng cường kiểm soát của Nhà nước đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng, trong đó có casino; (iv) Tiếp tục phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt

động và vai trò của các hiệp hội nghề nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, giá, thuế và hải quan;

*Bốn là*, hoàn thiện hệ thống quy định, chuẩn mực về kế toán, kiểm toán. Trong đó: Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp. Cập nhật và hoàn thiện toàn bộ hệ thống chuẩn mực kiểm toán độc lập. Xây dựng Hệ thống chuẩn mực kế toán công tại Việt Nam.

#### **5.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2014 - 2016**

- *Đề án 1*: Phát triển thị trường chứng khoán phái sinh.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng Nghị định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh; (ii) Tổ chức triển khai, ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định.

- *Đề án 2*: Phát triển hoạt động định mức tín nhiệm.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổ chức tuyên truyền phổ biến Nghị định về phát triển hoạt động định mức tín nhiệm.

- *Đề án 3*: Hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng đề án; (ii) Xây dựng Nghị định, Thông tư về thành lập và tổ chức hoạt động Quỹ hưu trí tự nguyện; (iii) Tuyên truyền phổ biến.

- *Đề án 4*: Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá vai trò, vị trí, chức năng nhiệm vụ của UBCKNN giai đoạn trước khi ban hành Luật Chứng khoán (sửa đổi); (ii) Kiện toàn tổ chức nâng cao vị thế của UBCKNN trong hoạt động quản lý TTCK.

- *Đề án 5*: Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá tổng kết việc thực hiện các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kiểm toán; (ii) Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung Hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam; (iii) Tuyên truyền, phổ biến.

- *Đề án 6*: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Kế toán; (ii) Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán; (iii) Tổ chức thực hiện Luật; (iv) Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật.

#### **5.5. Trách nhiệm thực hiện**

- Đề án 1, 4: UBCKNN chủ trì, phối hợp Vụ PC, Vụ TCNH, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 2, 3: Vụ TCNH chủ trì, phối hợp UBCKNN, Cục TCDN, Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 5, 6: Vụ CĐKT chủ trì, phối hợp Cục TCDN, TCT, Vụ PC, Cục KHTC, KBNN, và các đơn vị liên quan.

## **5.6. Yêu cầu nguồn lực**

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

## **5.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2016**

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán nhằm hoàn thiện thị trường tài chính và dịch vụ tài chính: (i) Tạo lập một mặt bằng pháp lý mới chặt chẽ, minh bạch và phù hợp, đáp ứng yêu cầu hội nhập thị trường tài chính khu vực và thế giới; (ii) Giải quyết những vấn đề vướng mắc trong thực tiễn hoạt động của thị trường chứng khoán và thực tế thi hành Luật Chứng khoán, đảm bảo phù hợp với Chiến lược phát triển thị trường vốn và Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán.

- Đánh giá 2 năm thực hiện Nghị định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

- Đánh giá 2 năm thực hiện Nghị định quy định về điều kiện thành lập và hoạt động của tổ chức định mức tín nhiệm, trong đó gồm: tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện Nghị định và sơ kết, đánh giá thực hiện.

- Đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện Nghị định thành lập và tổ chức hoạt động Quỹ hưu trí tự nguyện.

## **6. Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính**

### **6.1. Các mục tiêu chính**

- Thực hiện mở rộng đối thoại chính sách và trao đổi kinh nghiệm về tài chính - tiền tệ với các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế;

- Đa dạng hóa nội dung, hình thức và các đối tác hợp tác quốc tế, gắn hợp tác quốc tế với yêu cầu hiện đại hóa ngành Tài chính;

- Mở rộng các kênh khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong lĩnh vực tài chính, trong đó bao gồm hỗ trợ nâng cao năng lực đáp ứng các yêu cầu về lồng ghép giới trong quá trình thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Chủ động xây dựng chính sách hội nhập tài chính hiệu quả, nhất quán; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập, kịp thời điều chỉnh hợp lý, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đối với an ninh, an toàn tài chính và nền kinh tế trong nước.

### **6.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên**

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020;



- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 05/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới;

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị khóa IX về hội nhập kinh tế quốc tế;

- Kết luận số 74-KL/TW, ngày 17/10/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014” và “Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế - xã hội, trọng tâm là ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng”.

### **6.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2014 - 2016**

*Một là*, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác tài chính.

- Chủ động đề xuất và tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế, nâng cao tiếng nói và vị thế của Việt Nam trên các diễn đàn hợp tác tài chính quốc tế. Từng bước tiếp cận với các thị trường tài chính tiên tiến;

- Mở rộng đối thoại chính sách và trao đổi kinh nghiệm về tài chính - tiền tệ với các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế. Đa dạng hóa nội dung, hình thức và các đối tác hợp tác quốc tế, gắn hợp tác quốc tế với yêu cầu hiện đại hóa ngành Tài chính;

- Mở rộng các kênh khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong lĩnh vực tài chính;

*Hai là*, củng cố và tăng cường hội nhập quốc tế về tài chính.

- Thực hiện điều chỉnh và xây dựng các cơ chế, chính sách tài chính phù hợp với các quy định và cam kết trong khuôn khổ đa biên, khu vực và điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Thực hiện có trách nhiệm các cam kết hội nhập trong lĩnh vực tài chính mà Việt Nam đã đưa ra;

- Chủ động xây dựng chính sách hội nhập tài chính hiệu quả, nhất quán; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập, kịp thời điều chỉnh hợp lý, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của quá trình này.

### **6.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2014 - 2016**

- *Đề án 1*: Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá tổng kết việc thực hiện các cam kết; (ii) Đề xuất các giải pháp tiếp theo; (iii) Triển khai thực hiện và sơ kết đánh giá.

## **6.5. Trách nhiệm thực hiện**

- Đề án 1: Vụ HTQT chủ trì, phối hợp Cục QLN&TCĐN, Viện CL&CSTC, Vụ PC, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan.

## **6.6. Yêu cầu nguồn lực**

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

## **6.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2016**

- Nâng cao tiếng nói và vị thế của Việt Nam trên các diễn đàn hợp tác tài chính quốc tế.

- Tiếp tục mở rộng đối thoại chính sách và trao đổi kinh nghiệm về tài chính - tiền tệ với các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế.

- Tiếp tục mở rộng các kênh khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong lĩnh vực tài chính.

- Tiếp tục thực hiện điều chỉnh và xây dựng các cơ chế, chính sách tài chính phù hợp với các quy định và cam kết trong khuôn khổ đa biên, khu vực và điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam.

- Tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập, kịp thời điều chỉnh hợp lý, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực.

## **7. Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia**

### **7.1. Các mục tiêu chính**

- Tạo khung pháp lý có giá trị cao và đồng bộ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Hoàn thiện cơ chế phát hiện và đấu tranh chống các hành vi gây lãng phí;

- Tăng cường chất lượng công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành Tài chính. Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của hệ thống giám sát nội bộ trong tất cả các lĩnh vực. Hoàn thiện cơ chế phối hợp thanh tra, giám sát giữa các cơ quan chức năng;

- Nâng cao kỷ luật tài khóa. Tăng cường thực hiện chế độ công khai tài chính, ngân sách;

- Tăng cường giám sát khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là DNNN. Hoàn thiện theo lộ trình các cơ chế và hệ thống tiêu chí giám sát tài chính doanh nghiệp phù hợp với thông lệ quốc tế;

- Giám sát an toàn về nợ công, nợ quốc gia. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các công cụ quản lý nợ, quản lý rủi ro. Duy trì các chỉ số nợ ở mức an toàn theo các chỉ tiêu quy định và phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm an toàn nợ và an ninh tài chính quốc gia;

- Đổi mới và củng cố phương thức giám sát đối với thị trường tài chính và dịch vụ tài chính. Xác định rõ phạm vi, nhiệm vụ của Nhà nước trong việc tổ chức, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức tham gia thị trường tài chính, đảm bảo thị trường vận hành an toàn, lành mạnh, minh bạch, đồng thời bảo đảm lợi ích của người đầu tư. Hoàn thiện cơ chế giám sát và áp dụng các tiêu chí, chuẩn mực giám sát thị trường;

- Xây dựng và ứng dụng các mô hình phân tích và dự báo kinh tế - tài chính vĩ mô trong đó có phân tích, đánh giá tác động của chính sách đến các vấn đề an sinh xã hội như đối với người nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số,...;

- Các chỉ tiêu định lượng:

(i) Vay trong và ngoài nước để bù đắp bội chi NSNN theo hướng giảm dần bội chi NSNN, phân đầu đến năm 2015 (tính cả trái phiếu chính phủ) dưới 4,5% GDP, giai đoạn 2016 - 2020 tương đương khoảng 4% GDP và giai đoạn sau năm 2020 bình quân khoảng 3% GDP;

(ii) Tổ chức phát hành trái phiếu chính phủ để thực hiện chương trình đầu tư cho các công trình giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục để cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn trái phiếu giai đoạn 2011 - 2015 với tổng mức tối đa 225 nghìn tỷ đồng, bình quân 45 nghìn tỷ đồng/năm (chưa bao gồm 170.000 tỷ đồng phát hành bổ sung vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2014 - 2016 theo Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội về phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2014 - 2016);

(iii) Huy động vốn vay để bổ sung cho thực hiện đề án xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 550 nghìn tỷ đồng, bình quân tối đa 55 nghìn tỷ đồng/năm;

(iv) Cơ cấu dư nợ nước ngoài của Chính phủ trong tổng số dư nợ của Chính phủ giảm xuống dưới 50%, đảm bảo duy trì cơ cấu dư nợ vay ODA tối thiểu đạt khoảng 60% so với tổng dư nợ nước ngoài của Chính phủ vào năm 2020;

(v) Giảm thiểu rủi ro về tái cấp vốn, thanh khoản, tỷ giá, đồng tiền, có cơ chế thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu chính phủ và phân đầu kéo dài thời hạn vay qua phát hành trái phiếu chính phủ trong nước giai đoạn 2011 - 2015 trung bình khoảng từ 4 - 6 năm và giai đoạn 2016 - 2020 lên khoảng từ 6 - 8 năm;

(vi) Nợ công (bao gồm nợ chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương) đến năm 2020 không quá 65% GDP, trong đó dư nợ chính phủ không quá 55% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP;

(vii) Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ (không kể cho vay lại) so với tổng thu NSNN hàng năm không quá 25% và nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm dưới 25% giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ;

(viii) Đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ dự trữ ngoại hối nhà nước so với tổng dư nợ nước ngoài ngắn hạn hàng năm trên 200%;

(ix) Từng bước giảm dần nợ công, đến năm 2030 nợ công không quá 60% GDP, trong đó nợ chính phủ không quá 50% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 45% GDP.

## **7.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên**

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Nghị quyết số 45/2013/QH13 ngày 18/06/2013 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2013 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014;

- Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/06/2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII;

- Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21/08/2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí;

- Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 08/11/2011 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015;

- Chỉ thị số 33/2008/CT-TTg ngày 20/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nghiêm chính sách tài khóa và các kết luận, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 27/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội về phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2014 - 2016.

### **7.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2014 - 2016**

*Một là*, triển khai thực hiện tốt Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi);

*Hai là*, tăng cường năng lực phân tích, đánh giá tác động, dự báo các vấn đề kinh tế tài chính. Cụ thể: Tập trung đào tạo nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức về các vấn đề kinh tế tài chính nói chung. Hoàn thiện cơ sở thông tin dữ liệu và hệ thống hóa các chỉ tiêu thu thập thông tin, phân tích và xử lý các dữ liệu kinh tế - tài chính vĩ mô. Xây dựng và ứng dụng các mô hình phân tích và dự báo kinh tế - tài chính vĩ mô;

*Ba là*, tăng cường chất lượng công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành Tài chính. Cụ thể: Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của hệ thống giám sát trong tất cả các lĩnh vực. Tăng cường thanh tra, kiểm tra tài chính đối với cơ quan, tổ chức sử dụng vốn NSNN. Áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong các khâu của công tác thanh tra, kiểm tra;

*Bốn là*, tăng cường giám sát nợ công. Cụ thể: Đánh giá việc thi hành các quy định về quản lý nợ công, nợ quốc gia; Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các công cụ quản lý nợ, đặc biệt là chiến lược nợ, chương trình quản lý nợ trung hạn; Chú trọng công tác quản lý rủi ro đối với danh mục nợ; Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả các dự án, chương trình sử dụng vốn vay nước ngoài; Công khai, cung cấp thông tin về tình hình vay, trả nợ trong nước và nước ngoài của Chính phủ; Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

### **7.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2014 - 2016**

- *Đề án 1*: Triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi).

Hoạt động của Đề án: (i) Tổ chức thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi) (xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật); (ii) Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật; Sơ kết 3 năm thực hiện Luật.

- *Đề án 2*: Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính.

Hoạt động của Đề án: (i) Phân tích dự báo và xây dựng mô hình; (ii) Đánh giá tác động chính sách.

- *Đề án 3*: Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

Hoạt động của Đề án: (i) Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có; (ii) Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu, trang thông tin; (iii) Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua; (iv) Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về nợ công và nợ nước ngoài.

## **7.5. Trách nhiệm thực hiện**

- Đề án 1: Vụ PC chủ trì, phối hợp Vụ ĐT, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Vụ TCNH, Vụ I, Cục QLN&TCĐN, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 2: Viện CL&CSTC chủ trì, phối hợp Cục TH&TKTC, Cục KHTC, TCT, TCHQ, Vụ NSNN và các đơn vị liên quan.

- Đề án 3: Cục QLN&TCĐN chủ trì, phối hợp Vụ NSNN, Vụ ĐT, Cục KHTC, Viện CL&CSTC, KBNN và các đơn vị liên quan.

## **7.6. Yêu cầu nguồn lực**

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

## **7.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2016**

- Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi).

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các mô hình phân tích dự báo và mô hình đánh giá tác động chính sách.

- Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Đề án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

## **8. Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính**

### **8.1. Các mục tiêu chính**

- Xây dựng đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; tiếp tục cắt giảm và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; đơn giản hóa và công khai hóa quy trình, thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt là trong lĩnh vực hải quan, thuế và kho bạc. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Luật Hải quan (sửa đổi) và các quy trình, thủ tục quản lý thu NSNN. Thực hiện hiện đại hóa nền tài chính quốc gia với trọng tâm là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tích hợp và đồng bộ các hệ thống thông tin tài chính;

- Hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính, củng cố năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách. Phát triển công tác phân tích và dự báo tài chính - ngân sách. Nâng cao sự phối hợp và trao đổi thông tin giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa ngay từ khâu xây dựng và hoạch định chính sách. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin chính sách trong lĩnh vực tài chính;

- Tiếp tục thực hiện hiện đại hóa nền tài chính quốc gia với trọng tâm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài chính, xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin lớn trong ngành Tài chính (ngân sách, kho bạc, thuế, hải quan, chứng khoán, dự trữ nhà nước); tích hợp, đồng bộ các hệ thống thông tin tài chính; hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu tài chính quốc gia và xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; thiết lập hệ thống thông tin quản lý, tăng cường khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin và phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, bao gồm Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ;

Một số chỉ tiêu định lượng:

(1) *Về quản lý thuế*: (i) Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính thuế để phân đầu đến năm 2015 là một trong năm nước đứng đầu khu vực Đông Nam Á được xếp hạng có mức độ thuận lợi về thuế; (ii) Đến năm 2015 tối thiểu có: 60% doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ thuế điện tử; 50% doanh nghiệp đăng ký thuế, khai thuế qua mạng internet; 70% số người nộp thuế hài lòng với các dịch vụ mà cơ quan thuế cung cấp; (iii) Tỷ lệ tờ khai thuế đã nộp trên tổng số tờ khai thuế phải nộp tối thiểu là 90%; tỷ lệ tờ khai thuế đúng hạn đạt tối thiểu là 85%; tỷ lệ tờ khai thuế được kiểm tra tự động qua phần mềm ứng dụng của cơ quan thuế đạt tối thiểu là 95%; (iv) Thời gian thực hiện thủ tục hành chính thuế đến năm 2020 là một trong bốn nước đứng đầu khu vực Đông Nam Á được xếp hạng có mức độ thuận lợi về thuế; (v) Đến năm 2020 tối thiểu có: 90% doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ thuế điện tử; 65% doanh nghiệp đăng ký thuế, khai thuế qua mạng internet; 80% số người nộp thuế hài lòng với các dịch vụ mà cơ quan thuế cung cấp; (vi) Tỷ lệ tờ khai thuế đã nộp trên tổng số tờ khai thuế phải nộp tối thiểu là 95%; tỷ lệ tờ khai thuế đúng hạn đạt tối thiểu là 95%; tỷ lệ tờ khai thuế được kiểm tra tự động qua phần mềm ứng dụng của cơ quan thuế là 100%;

(2) *Về thủ tục hành chính hải quan*: (i) Cục Hải quan tại các địa bàn trọng điểm (cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ quốc tế, các khu kinh tế trọng điểm), 60% các loại hình hải quan cơ bản, 70% kim ngạch xuất nhập khẩu, 60% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử. Đến 2020 có 100% các cục hải quan, 100% các chi cục hải quan, 100% các loại hình hải quan cơ bản, 90% kim ngạch xuất nhập khẩu, 80% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử; (ii) Thời gian thông quan hàng hóa đến 2015 bằng với mức trung bình của các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á tại thời điểm 2010 và đến 2020 phân đầu bằng với mức của các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á tại cùng thời điểm; (iii) Tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa đến 2015 là dưới 10% và đến 2020 phân đầu đạt dưới 7%; (iv) Tỷ lệ các giấy phép xuất nhập khẩu thực hiện trong cơ chế một cửa hải quan quốc gia đến 2015 là 50% và đến 2020 là 90%; (v) Tập trung hóa xử lý dữ liệu điện tử của hệ thống thông tin hải quan vào năm 2015.

## **8.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên**

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020;

- Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/06/2012 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII;

- Nghị quyết số 45/2013/QH13 ngày 18/06/2013 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2013 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014;

- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 – 2020;

- Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/05/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020;

- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020;

- Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 21/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020.

### **8.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2014 - 2016**

*Một là*, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; Đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; đơn giản hóa và công khai hóa quy trình, thủ tục hành chính theo hướng bình đẳng, minh bạch, khả thi, phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của Việt Nam và tiến trình hội nhập quốc tế;

*Hai là*, triển khai phương thức quản lý thuế, hải quan hiện đại; cải cách thủ tục hành chính để giảm chi phí tuân thủ pháp luật thuế, hải quan. Phát triển dịch vụ tư vấn thuế, đại lý hải quan theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả;

*Ba là*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin chính sách đảm bảo tiếp cận thông tin đến các đối tượng vùng sâu, vùng xa người nghèo, phụ nữ và dân tộc thiểu số. Hình thành hệ thống thu nhận thông tin phản hồi về các chính sách, cơ chế tài chính từ người dân và doanh nghiệp;

*Bốn là*, xây dựng Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ và Kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính nhằm cung cấp thông tin một



cách đầy đủ và toàn diện để Bộ Tài chính, Chính phủ có thể đối chiếu, tổng hợp, đánh giá, giám sát và báo cáo các thông tin dữ liệu liên quan đến tài chính công của quốc gia một cách hiệu lực và hiệu quả;

*Năm là, thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, đảm bảo công tác điều hành giá cũng như thông tin công khai, minh bạch về giá cho người dân và doanh nghiệp.*

#### **8.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2014 - 2016**

- *Đề án 1: Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính.*

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế.

- *Đề án 2: Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính.*

Hoạt động của Đề án: (i) Tổ chức công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính.

- *Đề án 3: Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ.*

Hoạt động của Đề án: (i) Nghiên cứu mô hình và lộ trình xây dựng Hệ thống Thông tin Quản lý Tài chính Công; (ii) Trình và phê duyệt mô hình và lộ trình triển khai Hệ thống Thông tin Quản lý Tài chính Công; (iii) Chuẩn bị đầu tư (Giai đoạn trước khi triển khai; (iv) Thực hiện đầu tư (Giai đoạn triển khai); (v) Kết thúc đầu tư, đưa Hệ thống vào sử dụng (Giai đoạn sau khi triển khai).

- *Đề án 4: Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025.*

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá kết quả triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2011 – 2015; (ii) Phát triển tầm nhìn CNTT&TT và kế hoạch tổng thể về CNTT&TT của ngành Tài chính; (iii) Phát triển khung kiến trúc tác nghiệp, ứng dụng, thông tin và hạ tầng cho ngành Tài chính; (iv) Phát triển khung giám sát, quản lý CNTT&TT ngành Tài chính; (v) Đào tạo kỹ năng ứng dụng và nâng cao năng lực quản lý chiến lược và quản trị CNTT&TT ngành Tài chính.

- *Đề án 5: Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.*

Hoạt động của Đề án: (i) Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có; (ii) Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu; (iii) Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua tại một số đơn vị, địa phương; (iv) Áp dụng rộng rãi Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

- *Đề án 6: Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước.*

Hoạt động của Đề án: (i) Nâng cấp lần 1 phần mềm đăng ký quản lý TSNN hiện hành: mục đích cập nhật tất cả TSNN đủ điều kiện là TSCĐ tại khu vực Hành chính sự nghiệp vào phần mềm; (ii) Nâng cấp, xây dựng phần mềm để cập nhật TSNN là công trình cấp nước sạch nông thôn; (iii) Nâng cấp, xây dựng phần mềm để cập nhật TSNN là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

### **8.5. Trách nhiệm thực hiện**

- Đề án số 1: Vụ PC chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan.
- Đề án số 2: Vụ PC chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan.
- Đề án 3 và 4: Cục TH&TKTC chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan.
- Đề án 5: Cục QLG chủ trì, phối hợp Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương.
- Đề án 6: Cục QLCS chủ trì, phối hợp Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương.

### **8.6. Yêu cầu nguồn lực**

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.
- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

### **8.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2016**

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài chính quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.
- Đánh giá 2 năm triển khai áp dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.
- Xây dựng dữ liệu đối với một số loại TSNN còn lại để kết nối vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN.

## **C. ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2020 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Việc triển khai đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược tài chính giai đoạn 2011-2015 là một trong những nội dung quan trọng của Tài liệu MTAP, phù hợp với yêu cầu đánh giá tổng kết định kỳ 5 năm của mỗi Chiến lược, đồng thời thực hiện theo đúng yêu cầu đặt ra của Quyết định số 224/QĐ-BTC là định kỳ 5 năm tổng kết việc thực hiện Chương trình hành động theo từng giai đoạn 5 năm (2011 - 2015 và 2016 - 2020) trên cơ sở gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ tài chính - ngân sách đặt ra cho từng giai đoạn. Trên cơ sở đó, Tài liệu MTAP sẽ tập trung vào 03 đề án lớn, bao gồm:

**Một là, “Xây dựng Kế hoạch tài chính – ngân sách 5 năm 2016-2020”**, trong đó thực hiện: (i) Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch tài chính – ngân sách 5 năm 2011 - 2015, xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tài chính – ngân sách giai đoạn 2016 - 2020; (ii) Hoàn thiện Kế hoạch tài chính – ngân sách 5 năm 2016 - 2020. Đề án này sẽ do Vụ NSNN chủ trì, phối hợp với Vụ ĐT, Cục TCDN, Cục KHTC, Vụ HCSN và các đơn vị liên quan.

**Hai là, “Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 – 2020”** do Viện CL&CSTC chủ trì, phối hợp với các đơn vị Vụ NSNN, Vụ ĐT, Cục TCDN, Cục KHTC, Vụ TCNH,

UBCKNN, Cục QLGSBH, Vụ CST, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan. Nhiệm vụ này đã được quy định tại Quyết định số 224/QĐ-BTC, đồng thời có ý nghĩa quan trọng gắn kết giữa đánh giá thực hiện kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 và 3 trọng tâm tái cơ cấu nền kinh tế là: Tái cơ cấu đầu tư công; Tái cơ cấu hệ thống tài chính - ngân hàng; Tái cơ cấu DNNN.

**Ba là, “Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016-2020”** do Vụ PC chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan. Đây là một trong những đề án quan trọng để phục vụ Quốc hội khóa XIV. Trong đó, thực hiện khảo sát, đánh giá hệ thống pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2011-2015 để đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo việc triển khai thực hiện Chiến lược tài chính giai đoạn 2016 - 2020 đạt hiệu quả cao.

## **PHẦN III. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT TÀI LIỆU MTAP**

Nguyên tắc rà soát dựa vào việc theo dõi tiến độ thực hiện của các hoạt động trong từng đề án cụ thể. Để đảm bảo việc theo dõi và cập nhật tiến độ cũng như giám sát quá trình thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020, Tài liệu MTAP sẽ được theo dõi và cập nhật phù hợp và đồng bộ với hệ thống theo dõi và thực hiện các hoạt động của Bộ Tài chính và Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 thông qua Nhóm điều phối cải cách, theo đó:

### **1. Phương thức hoạt động**

- Định kỳ 6 tháng, các đơn vị chủ trì mỗi đề án/hoạt động có trách nhiệm báo cáo Nhóm điều phối cải cách để Nhóm điều phối cải cách tổng hợp Báo cáo đánh giá quá trình thực hiện các đề án/hoạt động của Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 và Tài liệu MTAP trình Lãnh đạo Bộ. Báo cáo 6 tháng sẽ tập trung vào việc thực hiện các đề án/hoạt động và các bước hoàn thiện tiếp theo, bao gồm cả các vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện hoạt động.

- Định kỳ hàng năm, gắn với Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động (theo Quyết định số 224/QĐ-BTC), tiến hành cập nhật, bổ sung các đề án/hoạt động của Tài liệu MTAP.

Tài liệu MTAP sẽ cập nhật, bổ sung các đề án/hoạt động mới, cũng như điều chỉnh các đề án/hoạt động trong Tài liệu MTAP nhằm đảm bảo sự phù hợp với bối cảnh, hoàn cảnh cũng như các yêu cầu đặt ra của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính cũng như các Bộ, ngành có liên quan. Số liệu/chỉ tiêu kết quả và đầu ra hàng năm cũng sẽ được cập nhật.

### **2. Nâng cao năng lực về tổ chức, theo dõi và giám sát quá trình thực hiện Tài liệu MTAP**

Để đảm bảo quá trình triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020, trọng tâm là các kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2014 – 2016 đạt được hiệu quả cao, cần chú trọng nâng cao năng lực cho Nhóm điều phối cải cách về tổ chức, theo dõi và giám sát quá trình thực hiện Tài liệu MTAP, bao gồm:

- Năng lực xây dựng và lập kế hoạch;
- Năng lực phân tích, dự báo;
- Năng lực rà soát và lồng ghép giới trong quá trình thực hiện đề án;
- Năng lực điều phối và triển khai trong quá trình thực hiện;
- Năng lực giám sát, đánh giá quá trình thực hiện Tài liệu MTAP.

### **3. Các bảng giám sát việc thực hiện Tài liệu MTAP**

#### **3.1. Khung dự tính kết quả đầu ra của quá trình thực hiện Tài liệu MTAP (Bảng 1)**

Khung dự tính kết quả đầu ra của Tài liệu MTAP sẽ dựa trên các mục tiêu định tính theo Chiến lược tài chính đến năm 2020 tại Quyết định số 450/QĐ-TTg và số liệu đã được tính toán trước đó tại Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020, Chiến lược tài chính đến năm 2020, các Chiến lược ngành, Báo cáo của các đơn vị liên quan trong Bộ Tài chính (Cục TCDN, TCT, Cục QLNT&TCDN,...) và Báo cáo Chi tiêu công và trách nhiệm giải trình (PEFA).

### **3.2. Bảng Chi tiết hoá và theo dõi thực hiện Tài liệu MTAP (Bảng 2)**

Bảng Chi tiết hóa và theo dõi thực hiện Tài liệu MTAP là một phần rất quan trọng của Tài liệu MTAP và có thể xem là “Khung theo dõi quá trình triển khai Chiến lược tài chính đến năm 2020”.

Bảng Chi tiết hóa và theo dõi thực hiện Tài liệu MTAP sẽ giúp Bộ Tài chính theo dõi, đánh giá và giám sát việc triển khai thực hiện Chiến lược của từng đơn vị trong Bộ, đồng thời là căn cứ xác định và huy động nguồn lực cho việc thực hiện các nhiệm vụ để đạt được các mục tiêu của Chiến lược đã đề ra. Bảng Chi tiết hóa và theo dõi thực hiện Tài liệu MTAP là một quá trình liên tục với phân hồi, giám sát và hiệu chỉnh thường xuyên khi các điều kiện và yêu cầu thay đổi.

### **3.3. Ước tính nguồn lực và chi phí thực hiện (Bảng 3)**

Để tính toán nguồn lực thực hiện đề án, Tài liệu MTAP thực hiện phân nhóm nguồn lực thành 02 nguồn: Nguồn lực trong nước và nguồn lực từ bên ngoài.

Việc phân nhóm nguồn lực như vậy nhằm hình thành cơ sở để các nhà tài trợ xác định, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ tài chính theo một khuôn khổ đồng bộ và nhất quán. Qua đó, góp phần huy động tốt nhất các nguồn lực trong và ngoài nước, phục vụ kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ triển khai Chiến lược tài chính đến năm 2020.

Đối với việc xác định nguồn lực, cần đảm bảo nguyên tắc “huy động toàn bộ nguồn lực của các đơn vị chủ trì và tham gia thực hiện đề án”. Đồng thời, căn cứ vào thực tế triển khai của các dự án, đề án trong phê duyệt kinh phí từ nguồn NSNN của Bộ Tài chính và hỗ trợ của các tổ chức quốc tế (WB, ADB, EU, IMF, JICA,...).

Về cơ bản, các yêu cầu về hỗ trợ nguồn lực từ bên ngoài trong quá trình triển khai các đề án, hoạt động trong giai đoạn 2014-2016 chủ yếu tập trung vào: (i) Hỗ trợ triển khai các cuộc hội thảo, tọa đàm và khảo sát; (ii) Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ ngành Tài chính trong quá trình xây dựng và triển khai các đề án, hoạt động; (iii) Hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng các mô hình phân tích, đánh giá tác động; (iv) Hỗ trợ phần mềm liên quan đến một số đề án về hoàn thiện cơ sở dữ liệu của ngành và quốc gia. Tài liệu MTAP cũng cập nhật tình hình tài trợ của các tổ chức quốc tế đối với những hoạt động, đề án đã và đang nhận được sự tài trợ của các tổ chức này (Phụ lục I).

Tuy nhiên, việc xác định nguồn lực cần phải tính đến các yếu tố đầu vào và bối cảnh xác định nguồn lực để đảm bảo các nguồn lực phải được điều chỉnh

một cách liên tục và phù hợp với mỗi đề án, mỗi giai đoạn của đề án. Đồng thời, cũng cần phải có sự rà soát nguồn lực để tránh sự trùng lặp và đảm bảo sử dụng hiệu quả và hợp lý nhất các nguồn lực sẵn có.

#### **3.4. Khung quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện Tài liệu MTAP (Bảng 4)**

Rủi ro khi thực hiện đề án trong hệ thống tổng thể Chiến lược tài chính đến năm 2020 bao gồm những vấn đề/tác động tiêu cực có thể xảy ra trong quá trình thực hiện, ảnh hưởng đến một hoặc một số đề án, thậm chí có thể ảnh hưởng lên toàn bộ Chương trình hành động của Chiến lược.

Quản lý rủi ro trong Tài liệu MTAP được thiết kế để dự kiến trước một số thách thức lớn sẽ/có thể xảy ra và chuẩn bị các biện pháp hành động để đối phó, đồng thời xác định chủ thể chịu trách nhiệm thực hiện việc đối phó với các rủi ro.

Rủi ro có thể gặp phải trong quá trình thực hiện và triển khai đề án của Tài liệu MTAP, bao gồm:

**(1) Rủi ro về nguồn lực tài chính:** Là rủi ro có thể gặp phải trong quá trình thực hiện khi không đủ kinh phí để thực hiện đề án, có thể do NSNN chưa bố trí đủ hoặc do chưa kêu gọi được sự hỗ trợ từ bên ngoài. Giải pháp để hạn chế rủi ro này là: *Đối với NSNN*, cần có sự rà soát và cập nhật để đảm bảo các đề án được bố trí, hỗ trợ nguồn lực một cách kịp thời trong quá trình thực hiện. *Đối với nguồn lực bên ngoài*, việc huy động các nguồn lực bên ngoài cần cân đối đối với các đề án và các hoạt động của đề án nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất của các nguồn lực này;

**(2) Rủi ro về nguồn nhân lực, bao gồm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực:** Nhiều đề án trong quá trình triển khai có thể không thực hiện được hoặc việc thực hiện không đảm bảo hiệu quả do hạn chế về nguồn nhân lực. Để hạn chế rủi ro này: (i) Về phía cán bộ tham gia đề án, cần chủ động học hỏi, trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ. Bên cạnh đó, các đơn vị cần tăng cường đào tạo nâng cao đào tạo cán bộ có trình độ, kinh nghiệm. Đồng thời, có biện pháp động viên, khuyến khích tinh thần và vật chất phù hợp đối với các cán bộ làm công tác nghiên cứu và soạn thảo các văn bản pháp luật; Tăng cường vai trò và chức năng của lãnh đạo các cấp trong vấn đề bố trí nguồn nhân lực, phân công đầu mối đảm nhiệm các công việc của đề án và của mỗi hoạt động; (ii) Về nguồn nhân lực bên ngoài, tăng cường sử dụng các cơ chế tư vấn, các chuyên gia trong và ngoài nước; Nâng cao vai trò và sự tham gia của cá nhân và cộng đồng xã hội trong việc thực hiện đề án; Tận dụng tốt nhất các ý kiến đóng góp của cá nhân và cộng đồng. Điều này cũng đòi hỏi trách nhiệm của cá nhân và cộng đồng trong việc tham gia ý kiến để đảm bảo tính hiệu quả và thực tiễn đối với mỗi vấn đề của từng đề án cụ thể;

**(3) Rủi ro do không nhận được sự đồng thuận của các bên có liên quan hoặc mâu thuẫn về lợi ích.** Rủi ro này thường xảy ra đối với những đề án có tính nhạy cảm cao (ví dụ Luật đất đai, Thuế bất động sản,...), hoặc có tác động đến lợi ích của các đối tượng có liên quan. Giải pháp để hạn chế rủi ro này là: (i)

Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất phù hợp; (ii) Tiến hành phân tích tác động của các đề án đến các nhóm lợi ích khác nhau, xác định nhóm ưu tiên cụ thể, đồng thời đề ra phương án thực hiện phù hợp thực tiễn; (iii) Trong quá trình xây dựng cần tham khảo, lắng ý kiến của các bên liên quan,...

**(4) *Rủi ro trong quá trình phối hợp thực hiện giữa các đơn vị liên quan:*** Việc thiếu sự phối hợp, chia sẻ thông tin có thể dẫn đến đề án/chính sách ban hành ra hoặc không có căn cứ thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả, thậm chí không triển khai được. Để hạn chế rủi ro này cần: (i) Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan; (ii) Nâng cao vị thế và tinh thần trách nhiệm của cơ quan điều phối; (iii) Đồng thời, quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị chủ trì và các đơn vị liên quan;

**(5) *Rủi ro do số liệu thiếu tính tin cậy và không đầy đủ:*** Việc đánh giá tổng kết đề án, đặc biệt là đánh giá tác động của đề án sẽ không hiệu quả và chính xác nếu các thông tin, số liệu đầu vào cho quá trình tổng kết đánh giá không đảm bảo chất lượng và thiếu tính tin cậy. Bên cạnh đó, chất lượng nguồn nhân lực thực hiện đánh giá, tổng kết cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện đánh giá, tổng kết đề án. Để hạn chế rủi ro này: (i) Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; (ii) Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; (iii) Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu; (iv) Áp dụng phương pháp thu thập và xử lý số liệu tiên tiến, phù hợp với thực tiễn; (v) Nâng cao và tăng cường đào tạo cán bộ trong công tác phân tích, dự báo và xử lý số liệu;

**(6) *Rủi ro do đề án được ban hành không phù hợp với bối cảnh kinh tế hoặc thiếu hiệu lực pháp lý:*** Một số đề án khi xây dựng xong có thể không triển khai được do tác động của các yếu tố từ bên ngoài như thay đổi về điều kiện kinh tế, xã hội. Bên cạnh đó, có thể việc ban hành đề án không đảm bảo tính đồng bộ với các đề án khác. Để hạn chế rủi ro này, cần: (i) Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế; (ii) Có cơ chế đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng sau khi văn bản pháp luật được ban hành; (iii) Tiến hành rà soát, xin ý kiến của các đơn vị liên quan tránh trùng lặp, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật,...

Bên cạnh đó, còn có những rủi ro đặc thù đối với từng đề án/hoạt động cụ thể (Bảng 4, Phần IV).

### **3.5. Các đề án triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 (theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và rà soát bổ sung mới) (Bảng 5)**

Bảng này tập hợp: (i) 47 đề án đã hoàn thành trong giai đoạn 2011-2015; (ii) 05 đề án đã và đang phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan (Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, Bộ KHĐT); 05 Đề án sẽ triển khai trong giai đoạn 2017-2020; và 40 đề án được ưu tiên triển khai trong giai đoạn 2014-2016.

Ngoài ra, vấn đề lồng ghép giới đã và đang được nhiều nước đặc biệt quan tâm trong quá trình xây dựng các chương trình hành động trung hạn, tuy nhiên đây còn là vấn đề rất mới đối với Việt Nam. Do đó, có thể có những thách thức,

khó khăn trong quá trình thực hiện Tài liệu MTAP như: Các kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng của cán bộ về lồng ghép giới còn yếu, thiếu các chuyên gia tư vấn trong nước về vấn đề này, thiếu nguồn lực để triển khai thực hiện các đề án có lồng ghép giới. Vì vậy, để hạn chế rủi ro này cần tăng cường nâng cao năng lực cán bộ và kêu gọi sự hỗ trợ từ bên ngoài trong việc xây dựng cũng như triển khai các đề án nói riêng và Tài liệu MTAP nói chung.



#### **PHẦN IV. CHI TIẾT HÓA VÀ THEO DÕI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP (CÁC BẢNG TÀI LIỆU MTAP)**

Như đã đề cập ở phần III, Tài liệu MTAP gồm có 05 Bảng chi tiết hóa và theo dõi thực hiện, bao gồm: (1) Khung dự tính kết quả đầu ra quá trình thực hiện Tài liệu MTAP; (2) Chi tiết hóa và theo dõi thực hiện; (3) Ước tính nguồn lực và chi phí thực hiện; (4) Khung quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện; (5) Các đề án triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 (theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và rà soát bổ sung mới).

**BẢNG 1. KHUNG DỰ TÍNH KẾT QUẢ ĐẦU RA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP  
THEO CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHIẾN LƯỢC NGÀNH ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu	
			2012	2013	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
			(Ước TH lần 2)	(Ước TH lần 1)	2011-2015	2016-2020		
<b>I. Mục tiêu tổng quát</b>								
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, đảm bảo giữ vững an ninh tài chính, ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính tiền tệ, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội trong đó có bình đẳng giới;</li> <li>- Huy động, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng;</li> <li>- Cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện;</li> <li>- Đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực của công tác quản lý, giám sát tài chính.</li> </ul>					Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 về việc phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020	
<b>II. Mục tiêu cho các nhóm giải pháp</b>								
II.1	<b>Xử lý tốt mối quan hệ giữa tiết kiệm và đầu tư</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến khích đầu tư phát triển;</li> <li>- Thu hút nguồn lực để đầu tư cho cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội.</li> </ul>					Chiến lược tài chính đến năm 2020	
		Tỷ trọng đầu tư toàn xã hội	30,5% GDP	30,4% GDP	33,5-35 %GDP	-	TCTK 2012, 2013	Chiến lược tài chính đến năm 2020
II.2	<b>Đảm bảo an toàn tài chính quốc gia</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm dần tỷ lệ bội chi ngân sách;</li> <li>- Duy trì dư nợ chính phủ và nợ quốc gia trong giới hạn an toàn;</li> <li>- Tăng cường dự trữ nhà nước.</li> </ul>					Chiến lược tài chính đến năm 2020	
		Bội chi NSNN	4,8% GDP	5,3%	< 4,5% GDP	Khoảng 4% GDP	Số liệu công khai NSNN, Bộ Tài chính	Chiến lược tài chính đến năm 2020
		Nợ công (bao gồm nợ chính phủ, nợ được chính phủ bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương)	55,7% GDP	56,2% GDP	≤65% GDP (2015)	≤65% GDP (2020)	Bộ Tài chính	Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu	
		2012 (Ước TH lần 2)	2013 (Ước TH lần 1)	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
				2011-2015	2016-2020		
	Dư nợ nước ngoài quốc gia	41,1% GDP	39,5% GDP	≤55% GDP (2015)	≤50% GDP (2020)		2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
	Dư nợ chính phủ	43,3% GDP	42,6% GDP	≤55% GDP (2015)	≤55% GDP (2020)		
	Tổng mức dự trữ nhà nước	-		0,8-1% GDP (2015)	1,5% GDP (2020)		Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020
	Cơ cấu dư nợ nước ngoài của Chính phủ trong tổng số dư nợ của Chính phủ	-		-	≤50% (2020)		Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030
	Cơ cấu dư nợ vay ODA so với tổng dư nợ nước ngoài của Chính phủ	-		-	≥60% (2020)		
	Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ (không kể cho vay lại) so với tổng thu NSNN hàng năm	-		≤25%			
	Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm so với giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	-		≤25%			
	Tỷ lệ dự trữ ngoại hối nhà nước so với tổng dư nợ nước ngoài ngắn hạn hàng năm	-		>200%			
<b>II.3</b>	<b>Phát triển đồng bộ thị trường, dịch vụ tài chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tái cấu trúc thị trường tài chính;</li> <li>- Phát triển thị trường trái phiếu;</li> <li>- Hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với thị trường tài chính và dịch vụ tài chính;</li> <li>- Phát triển bộ máy giám sát tài chính.</li> </ul>				Chiến lược tài chính đến năm 2020	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu		
			2012 (Ước TH lần 2)	2013 (Ước TH lần 1)	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
					2011-2015	2016-2020		
	Tuân thủ các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành	-			50%	100%		Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011-2020
	Thời hạn vay qua phát hành trái phiếu chính phủ trong nước	-			4-6 năm	6-8 năm		
	Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu	23,6% GDP	31% GDP		50% GDP	70% GDP	UBCKNN	Chiến lược tài chính đến năm 2020
	Dư nợ thị trường trái phiếu, %GDP	28% GDP	-		-	30% GDP	UBCKNN	
	Tổng doanh thu ngành Bảo hiểm, %GDP	1,55% GDP	1,24% GDP		2%-3% GDP	3%-4% GDP	Bộ Tài chính	Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011-2020
	Quy mô các quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	1,25 lần so với 2010	1,38 lần so với 2010		Tăng 2 lần so với năm 2010	Tăng 4,5 lần so với năm 2010		
	Tổng vốn huy động của các doanh nghiệp bảo hiểm	1,11 lần so với 2010	1,31 lần so với 2010		Tăng 1,7 lần so với năm 2010	Tăng 3,5 lần so với năm 2010, tương đương 3%-4% GDP		
<b>II.4</b>	<b>Đạt mức độ huy động ngân sách hợp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục thực hiện cải cách hệ thống thuế, phí;</li> <li>- Đổi mới chính sách thu đối với đất đai, tài nguyên.</li> </ul>						Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2010
	Tỷ lệ huy động thu NSNN	22,9% GDP	22,06% GDP		23%-24% GDP	-	Tính toán dựa trên số liệu công khai NSNN, Bộ Tài chính	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu		
			2012 (Ước TH lần 2)	2013 (Ước TH lần 1)	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
					2011-2015	2016-2020		
		Tổng thu NSNN từ thuế và phí	22,9% GDP	20,8% GDP	22%-23% GDP	21%-22% GDP	Tính toán theo Báo cáo Ước thực hiện 2013 (lần 1) và Ước thực hiện năm 2012, Số liệu công khai NSNN, Bộ Tài chính	Chiến lược tài chính đến năm 2020
		Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô) trong tổng thu NSNN (%)	62,9% GDP	67,02% GDP	>70% (2015)	>80% (2020)	Tính toán theo Báo cáo Cân đối NSNN và Số liệu NSNN 2013 - 2014, Số liệu công khai NSNN, Bộ Tài chính	
		Phát hành trái phiếu chính phủ để thực hiện chương trình đầu tư cho các công trình giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục để đáp ứng nhu cầu vốn trái phiếu	85,5 nghìn tỷ (2011-2012)	-	≤225 nghìn tỷ, trung bình 45 nghìn tỷ/năm	≤500 nghìn tỷ	Báo cáo bổ sung tình hình Đầu tư phát triển năm 2012 và triển khai kế hoạch đầu tư phát triển năm 2013 (Bộ KHĐT)	
<b>II.5</b>	<b>Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính công</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đổi mới cơ cấu chi NSNN theo hướng tái cơ cấu đầu tư công, tăng cường đầu tư phát triển con người, đảm bảo an sinh xã hội và bình đẳng giới;</li> <li>- Cải cách cơ chế tài chính đối với lĩnh vực sự nghiệp công: Cơ chế giá dịch vụ; thực hiện cơ chế hoạt động theo mô hình doanh nghiệp và từng bước cổ phần hóa; tăng cường cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm;...</li> <li>- Tái cấu trúc DNNN.</li> </ul>				Chiến lược tài chính đến năm 2020		
<b>II.6</b>	<b>Hoàn thiện thể chế tài chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành Tài chính;</li> <li>- Nâng cao khả năng giám sát đối với khu vực doanh nghiệp, thị trường tài chính;</li> <li>- Tăng cường công tác giám sát, quản lý rủi ro và bảo đảm an toàn về nợ quốc gia;</li> <li>- Cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hiện đại hóa nền tài chính quốc gia;</li> <li>- Tăng cường hội nhập quốc tế về tài chính.</li> </ul>						

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu		
			2012 (Ước TH lần 2)	2013 (Ước TH lần 1)	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
					2011-2015	2016-2020		
	Thực hiện thủ tục hải quan điện tử	62% Cục Hải quan; 91% Chi cục hải quan trọng điểm; 83,3% kim ngạch XNK; 88,7% doanh nghiệp		100% Cục hải quan 100% Chi cục hải quan trọng điểm 60% các loại hình hải quan cơ bản 70% kim ngạch XNK 60% doanh nghiệp	100% Cục hải quan 100% Chi cục hải quan trọng điểm 100% các loại hình hải quan cơ bản 90% kim ngạch XNK 80% doanh nghiệp	Bộ Tài chính, 2013		
	Tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa	-		<10%	<7%			
	Tỷ lệ các giấy phép XNK thực hiện trong cơ chế một cửa hải quan quốc gia	-		50%	90%			
	Doanh nghiệp sử dụng dịch vụ thuế điện tử	-		60%	90%			
	DN đăng ký thuế, khai thuế qua Internet	-		50%	65%			
	Người nộp thuế hài lòng với dịch vụ do cơ quan thuế cung cấp	-		70%	80%			
	Tờ khai thuế đã nộp/Tổng tờ khai thuế phải nộp	-		≥ 90%	95%			
	PEFA PI 15 (i) Tỷ lệ phần trăm nợ đọng thuế (bao gồm cả các khoản thuế đang có khiếu nại)	C		C	B (Trong điều kiện nợ đọng còn cao (trên 2% tổng số thu hàng năm), đòi hỏi từ 75-90% số dư nợ đầu năm phải thu được trong năm)	PEFA – Báo cáo đánh giá 2012	PEFA – Tiến trình cải cách của Chính phủ	
	Tỷ lệ tờ khai thuế đúng	-		≥ 85%	95%		Chiến lược cải	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu	
		2012 (Ước TH lần 2)	2013 (Ước TH lần 1)	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
	hạn			<b>2011-2015</b>	<b>2016-2020</b>		
	Tỷ lệ tờ khai thuế được kiểm tra tự động	-		≥ 95%	100%		cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2010
<b>III. Mục tiêu của các đề án/sáng kiến</b>							
<b>A.</b>	<b>CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ</b>						
<b>A.1</b>	<b>Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia</b>						
<b>A.1.8</b>	<b>Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN</b>	<p>Đảm bảo mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi nhằm khuyến khích sản xuất kinh doanh đồng thời tăng thu cho NSNN, thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện và đơn giản chính sách ưu đãi thuế TNDN;</li> <li>- Phù hợp với thông lệ quốc tế;</li> <li>- Thúc đẩy cải cách hành chính và hiện đại hoá công tác quản lý thuế;</li> <li>- Giảm thuế suất sẽ khuyến khích mở rộng sản xuất kinh doanh và thành lập doanh nghiệp mới, qua đó tăng thu NSNN.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
<b>A.1.9</b>	<b>Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT</b>	<p>Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện. Thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo điều kiện thuận lợi nhằm thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, nuôi dưỡng nguồn thu;</li> <li>- Phù hợp với thông lệ quốc tế;</li> <li>- Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
<b>A.1.10</b>	<b>Luật Hải quan (sửa đổi)</b>	<p>Hoàn thiện chế độ quản lý nhà nước về Hải quan và hỗ trợ người nộp thuế, người làm thủ tục hải quan nhằm giảm chi phí thủ tục hành chính, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai phương thức quản lý hải quan hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế;</li> <li>- Hoạt động có hiệu quả, hiệu lực, đáp ứng các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội;</li> <li>- Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan,....</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
<b>A.1.11</b>	<b>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu</b>	<p>Sửa đổi bổ sung Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005, thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Luật quản lý thuế, Luật Hải quan và phù hợp với thông lệ quốc tế;</li> <li>- Khắc phục hạn chế, bất cập, hỗ trợ tích cực cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế;</li> <li>- Đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu		
			2012	2013	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
			(Ước TH lần 2)	(Ước TH lần 1)	2011-2015	2016-2020		
A.1.12	<b>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB</b>	- Hướng dẫn sản xuất, tiêu dùng của xã hội, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng một cách hợp lý; - Tăng cường quản lý sản xuất, kinh doanh đối với một số hàng hoá và dịch vụ. Thuế suất cao áp dụng đối với nhiều mặt hàng như thuốc lá, rượu, bia, ô tô du lịch, kinh doanh vũ trường,... không chỉ nhằm mục tiêu động viên nguồn thu cho NSNN mà còn thực hiện vai trò định hướng tiêu dùng.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
A.1.13	<b>Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN</b>	- Đảm bảo các mục tiêu: Công bằng, hợp lý, đơn giản, minh bạch,.... - Phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
A.1.14	<b>Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên</b>	- Bảo vệ và khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với các quy định của Luật dầu khí, Luật tài nguyên nước, Luật khoáng sản, Luật bảo vệ và phát triển rừng,....; - Đảm bảo cân bằng sinh thái và bảo vệ môi trường; - Đồng thời nuôi dưỡng nguồn thu cho NSNN, tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển bền vững.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013; Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/04/2011; Nghị quyết số 535/NQ-UBTVQH13 ngày 12/10/2012	
A.1.15	<b>Luật phí, lệ phí</b>	- Nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước là đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công, nhưng vẫn phải đảm bảo công bằng xã hội và chú trọng đến lợi ích của các nhóm đối tượng như người nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số,....; - Phân định rõ hơn theo bản chất của các khoản phí, lệ phí và gắn với tính chất hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp; - Phù hợp với thông lệ quốc tế; - Tăng cường phân cấp cho các địa phương trong quản lý nguồn thu phí và lệ phí; - Nâng cao vai trò quản lý và thẩm quyền của các cơ quan có liên quan.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
A.1.16	<b>Xây dựng chính sách động viên từ đất đai</b>	- Đảm bảo ổn định và phát triển nguồn thu NSNN; - Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với người sử dụng đất; khuyến khích đầu tư, thông qua chính sách (i) thu tiền sử dụng đất và (ii) thu tiền thuê đất hợp lý.						
A.1.17	<b>Xây dựng Luật thuế bất động sản</b>	- Có chính sách, mức thu hợp lý để nuôi dưỡng nguồn thu; - Khuyến khích sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm; đối tượng chịu thuế bao gồm cả đất, nhà ở và tài sản khác gắn					Quyết định số 224/QĐ-BTC	



STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu		
			2012 (Ước TH lần 2)	2013 (Ước TH lần 1)	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
					2011-2015	2016-2020		
		liên với đất; - Hạn chế tình trạng đầu cơ bất động sản, giúp thị trường BĐS minh bạch và người dân sẽ dễ dàng tiếp cận với các loại hình BĐS hơn.					ngày 30/01/2013	
A.1.18	<b>Đề án tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	- Đảm bảo các mục tiêu: Công bằng, hợp lý, đơn giản, minh bạch,... - Phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam.					Luật đất đai (sửa đổi), Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012	
A.1.19	<b>Đề án tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường</b>	- Đảm bảo các mục tiêu: xây dựng môi trường xanh, sạch; - Phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam.					Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012	
A.2	<b>Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia</b>							
A.2.12	<b>Luật NSNN (sửa đổi)</b>	- Khắc phục được những tồn tại cơ bản của Luật hiện hành, để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý NSNN, tạo động lực phát triển các nguồn lực, phân bổ ngân sách tập trung, hợp lý, đảm bảo công bằng, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước; ổn định và phát triển nền tài chính quốc gia, tăng trưởng kinh tế bền vững, thực hiện xóa đói giảm nghèo và đảm bảo bình đẳng giới; - Làm rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của các bộ ngành trung ương, HĐND, UBND các cấp và đơn vị sử dụng ngân sách trong lĩnh vực NSNN; - Đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự điều tiết của Nhà nước và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; - Từng bước đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được NSNN cấp kinh phí.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
	PEFA PI-1 Thực chi so với dự toán ngân sách gốc được phê duyệt	C		B	B (Thực chi chênh lệch một khoản tương đương trên 10% so với ngân sách chi tiêu, trong không quá một năm của 3 năm gần đây).	PEFA – Báo cáo đánh giá 2012	Mục 2.2 (Điểm 4) và PEFA 2012 (Tiến trình cải cách của Chính phủ)	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu		
			2012 (Ước TH lần 2)	2013 (Ước TH lần 1)	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
			2011-2015	2016-2020				
		PEFA PI -12 (i) Dự báo ngân sách và phân bổ ngân sách trung hạn	D		D	D	PEFA – Báo cáo đánh giá 2012	- Mục 2.2 (Điểm 3) và PEFA 2012 (Tiến trình cải cách của Chính phủ) - Dự thảo Luật NSNN sửa đổi có quy định về lập Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 5 năm được sử dụng làm cơ sở để xây dựng dự toán NSNN hàng năm.
		PEFA PI -12 (iii) Chiến lược ngành và nhu cầu chi đầu tư và thường xuyên trong trung hạn	C		C	C	PEFA – Báo cáo đánh giá 2012	Mục 2.2 (Điểm 3 và 4);
		PEFA PI -25 (ii) Mức độ kịp thời trong nộp báo cáo tài chính	C		C	B (Báo cáo thực hiện ngân sách được trình cho kiểm toán 12 tháng sau khi kết thúc năm liên quan).	PEFA – Báo cáo đánh giá 2012	Dự thảo Luật NSNN sửa đổi
<b>A.2.13</b>	<b>Cải cách quản lý Ngân quỹ nhà nước</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đổi mới công tác quản lý ngân quỹ nhà nước trên cơ sở hoàn thiện khung khổ pháp lý; xây dựng các công cụ quản lý ngân quỹ nhà nước tiên tiến; Gắn kết cải cách quản lý ngân quỹ theo nguyên tắc an toàn, hiệu quả với quy trình quản lý NSNN từ khâu lập dự toán, phân bổ, chấp hành, kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách; cải cách công tác kế toán NSNN, hoàn thiện chế độ thông tin, báo cáo;</li> <li>- Đổi mới công tác thống kê thu, chi quỹ NSNN phù hợp với chuẩn mực quốc tế về kế toán công và thống kê tài chính chính phủ; Đổi mới công tác quản lý, kiểm soát chi qua Kho bạc nhà nước theo hướng phân cấp và gắn liền với định hướng phát triển kiểm toán nội bộ tại các đơn vị sử dụng NSNN.</li> </ul>						Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu		
			2012 (Ước TH lần 2)	2013 (Ước TH lần 1)	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
					2011-2015	2016-2020		
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính Nhà nước;</li> <li>Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy về quản lý ngân quỹ nhà nước theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế;</li> <li>Nâng cao vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý ngân quỹ. Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tài chính, cơ quan chủ quản, cơ quan Kho bạc nhà nước và các đơn vị sử dụng ngân sách.</li> </ul>						
		PEFA PI – 16 (i) Mức độ dự báo và giám sát dòng tiền	B		B <sup>+</sup>	A (nâng cao tính kịp thời và mức độ chính xác trong dự báo dòng tiền ra-vào).	PEFA – Báo cáo đánh giá 2012	PEFA 2012 (Tiến trình cải cách của Chính phủ)
		PEFA PI – 17 (ii) Mức độ tổng hợp số dư tồn ngân của Chính phủ	B		A	A	PEFA – Báo cáo đánh giá 2012	Hệ thống tài khoản duy nhất TSA
<b>A.2.14</b>	<b>Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng Tài sản nhà nước</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khai thác, sử dụng và quản lý có hiệu quả tài sản quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phát triển bền vững;</li> <li>Tất cả các tài sản nhà nước đều được quản lý bằng pháp luật;</li> <li>Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức, sử dụng tài sản nhà nước; triển khai cơ chế mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung trên phạm vi cả nước;</li> <li>Đổi mới cơ chế quản lý TSNN tại đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tách bạch phân cấp quản lý tài sản nhà nước giữa khu vực hành chính và khu vực sự nghiệp; Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
<b>A.2.15</b>	<b>Mô hình Tổng kế toán nhà nước</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng hệ thống kế toán nhà nước thống nhất, trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin hiện đại, hạch toán theo thông lệ quốc tế, đảm bảo yêu cầu quản lý ngân sách và tài chính công;</li> <li>Lộ trình từng giai đoạn đến năm 2015, hoàn thành việc xây dựng các nội dung cụ thể của mô hình Tổng kế toán nhà nước: cơ chế chính sách; tổ chức bộ máy và hệ thống thông tin; đến năm 2020, triển khai thực hiện mô hình Tổng kế toán nhà nước.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
		PEFA PI-25 (i) Mức độ đầy đủ của các báo cáo tài chính	D		B	B (Báo cáo hợp nhất được lập hàng năm, bao gồm các thông tin về thu, chi và tài sản tài chính/nghĩa vụ nợ)	PEFA – Báo cáo đánh giá 2012	Chiến lược Phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu		
			2012	2013	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
			(Ước TH lần 2)	(Ước TH lần 1)	2011-2015	2016-2020		
A.2.16	<b>Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật giá</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá đồng bộ chính xác tình hình triển khai thực hiện Luật;</li> <li>- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Luật trong giai đoạn tiếp theo.</li> </ul>						
<b>A.3</b>	<b>Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hoá nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công</b>							
A.3.5	<b>Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cung cấp dịch vụ gắn với nhu cầu của xã hội;</li> <li>- Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đối với dịch vụ công cơ bản, ở các địa bàn vùng sâu, đồng bào dân tộc ít người, trong đó chú trọng đến các đối tượng là phụ nữ và trẻ em;</li> <li>- Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng, đẩy mạnh thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ công.</li> </ul>						
A.3.6	<b>Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cung cấp dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác nhưng vẫn có cơ chế nhằm đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội;</li> <li>- Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ, đẩy mạnh thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ.</li> </ul>						
<b>A.4</b>	<b>Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNN</b>							
A.4.6	<b>Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào SXKD</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo lập cơ chế quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nhà nước;</li> <li>- Điều chỉnh cơ cấu kinh tế, duy trì vai trò chủ đạo của Nhà nước đối với sự phát triển KT-XH trong từng giai đoạn;</li> <li>- Nâng cao vai trò và trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo toàn và gia tăng giá trị vốn đầu tư của Nhà nước.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
A.4.7	<b>Thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng cơ chế thực hiện thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa nhưng không thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập độc lập hiện có;</li> <li>- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu		
			2012 (Ước TH lần 2)	2013 (Ước TH lần 1)	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
			2011-2015	2016-2020				
	phần hóa.							
<b>A.5</b>	<b>Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính</b>							
<b>A.5.12</b>	<b>Phát triển thị trường chứng khoán phái sinh</b>	- Ban hành, hoàn thiện khung pháp lý, các văn bản hướng dẫn thi hành phải được xây dựng một cách rõ ràng, chặt chẽ và toàn diện đảm bảo sự ra đời và phát triển của TTCK phái sinh được an toàn, lành mạnh, công bằng và bền vững.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
<b>A.5.13</b>	<b>Phát triển hoạt động định mức tín nhiệm</b>	- Xây dựng khung khổ pháp lý về thành lập và hoạt động của tổ chức định mức tín nhiệm; - Từng bước đồng bộ các quy định về định mức tín nhiệm trong các văn bản quy phạm pháp luật, quy định về quản lý Nhà nước khác.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
<b>A.5.14</b>	<b>Hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện</b>	- Mở rộng cơ sở nhà đầu tư vốn dài hạn trên thị trường tài chính.					Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 6/12/2012	
<b>A.5.15</b>	<b>Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán</b>	- Củng cố vị thế của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán, bảo đảm khắc phục được sự chậm trễ trong điều hành thị trường, được trao quyền hướng dẫn các hoạt động về chứng khoán, quản lý toàn diện các đối tượng tham gia thị trường.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
<b>A.5.16</b>	<b>Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán</b>	- Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung hệ thống Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp; Đến năm 2015 hoàn thành việc cập nhật, hoàn thiện 26 chuẩn mực kế toán đã ban hành và đến năm 2020 ban hành bổ sung đầy đủ các chuẩn mực kế toán còn thiếu so với hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế; - Cập nhật và hoàn thiện toàn bộ hệ thống chuẩn mực kiểm toán độc lập; nghiên cứu, ban hành bổ sung các chuẩn mực kiểm toán mà Việt Nam chưa ban hành để áp dụng thống nhất, đồng bộ, phù hợp với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; - Nghiên cứu, hướng dẫn áp dụng và xây dựng, ban hành, công bố hệ thống chuẩn mực kế toán công tại Việt Nam trên cơ sở hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế, đảm bảo đồng bộ với cải cách quản.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
<b>A.5.17</b>	<b>Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán</b>	- Xây dựng Luật, các Nghị định quy định chi tiết đảm bảo phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, đảm bảo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật, phù hợp với thông lệ phổ biến thế giới và các chuẩn mực kế toán quốc tế; - Đảm bảo phù hợp với yêu cầu mở cửa, hội nhập với khu vực, thế giới và điều kiện phát triển công nghệ tin học kế toán.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
		PEFA PI-25 (iii) Các chuẩn mực kế toán được sử dụng	B		B	A (Các chuẩn mực kế toán công Việt Nam trên cơ sở	PEFA – Báo cáo đánh giá 2012	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu	
		2012 (Ước TH lần 2)	2013 (Ước TH lần 1)	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
				2011-2015	2016-2020		
					Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) phù hợp với thực trạng Việt Nam).		
<b>A.6</b>	<b>Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính</b>						
<b>A.6.2</b>	<b>Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy mạnh tiến độ ban hành các văn bản pháp luật thực hiện các cam kết hội nhập;</li> <li>- Giám sát thực hiện cam kết trong lĩnh vực tài chính;</li> <li>- Hình thành các phương án đàm phán Hiệp định thương mại tự do - FTA nhiều bên;</li> <li>- Nâng cao tính phù hợp, hội nhập.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
<b>A.7</b>	<b>Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia</b>						
<b>A.7.6</b>	<b>Triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)</b>	Hướng dẫn thực hiện Luật đảm bảo: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng tính hiệu quả, hiệu lực của các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;</li> <li>- Tăng tính thống nhất, đồng bộ với các pháp luật liên quan; đảm bảo tính khả thi, minh bạch và thuận lợi cho tổ chức thực hiện.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
<b>A.7.7</b>	<b>Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển công tác phân tích dự báo tài chính – ngân sách theo hướng: (1) Thực hiện độc lập và có cơ sở tính toán khoa học; (2) Sử dụng các phương pháp phân tích, dự báo khách quan; (3) Được cập nhật định kỳ; (4) Có đánh giá đến tác động xã hội, bao gồm yếu tố giới;</li> <li>- Củng cố năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
<b>A.7.8</b>	<b>Đề án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, tin cậy và thống nhất;</li> <li>- Tăng cường tính minh bạch và công khai thông tin về nợ công và quản lý nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.</li> </ul>					Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 27/7/2012
<b>A.8</b>	<b>Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính.</b>						
<b>A.8.7</b>	<b>Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cắt giảm và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính;</li> <li>- Đơn giản hóa và công khai hóa quy trình, thủ tục hành chính theo hướng bình đẳng, minh bạch, khả thi.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu		
			2012	2013	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
			(Ước TH lần 2)	(Ước TH lần 1)	2011-2015	2016-2020		
A.8.8	<b>Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính</b>	- Nâng cao sự phối hợp và trao đổi thông tin giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa ngay từ khâu xây dựng và hoạch định chính sách; - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin chính sách, đảm bảo tiếp cận thông tin đến các đối tượng vùng sâu, vùng xa người nghèo, phụ nữ và dân tộc thiểu số.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
A.8.9	<b>Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ - GFMIS</b>	- Xây dựng mô hình và lộ trình triển khai, phát triển Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ (GFMIS) nhằm cung cấp thông tin một cách đầy đủ và toàn diện để Bộ Tài chính, Chính phủ có thể đối chiếu, tổng hợp, đánh giá, giám sát và báo cáo tất cả các thông tin dữ liệu liên quan đến tài chính công của quốc gia một cách hiệu lực và hiệu quả; - Trong giai đoạn 2014 – 2016 thực hiện thiết kế và triển khai Mô đun Tổng hợp/tích hợp GFMIS cho phép thu thập và tổng hợp dữ liệu từ các ứng dụng phần mềm khác nhau được sử dụng tại các đơn vị thuộc Bộ Tài chính để lập các Báo cáo và phân tích theo các kịch bản, cung cấp báo cáo và phổ biến thông tin nhằm thiết lập hệ thống thông tin quản lý, tăng cường khai thác hiệu quả các thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, phân tích và dự báo; - Mô đun Tổng hợp/tích hợp GFMIS là một hệ thống cơ sở dữ liệu tài chính quốc gia được thiết lập dựa trên nền tảng Tổng kho dữ liệu (Data Warehouse).					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
A.8.10	<b>Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025</b>	- Đổi mới cải cách toàn diện công tác quản lý tài chính, triển khai các hệ thống CNTT toàn diện, tập trung, thực hiện tốt Chiến lược Tài chính đến năm 2020; - Nâng cao năng lực của Bộ Tài chính trong công tác quản lý chiến lược, giám sát và quản lý CNTT&TT.					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
A.8.11	<b>Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá</b>	- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đảm bảo tính đồng bộ, cập nhật, phục vụ công tác quản lý điều hành của Nhà nước; - Từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ thu thập, phân tích số liệu về giá.						
A.8.12	<b>Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước</b>	- Khai thác, sử dụng và quản lý có hiệu quả tài sản quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; - Tất cả các tài sản nhà nước đều được quản lý bằng pháp luật; - Đổi mới cơ chế quản lý TSNN tại ĐVSN công lập theo hướng tách bạch, phân cấp quản lý tài sản nhà nước giữa khu vực hành chính và khu vực sự nghiệp; Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công.						
<b>B.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2010 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020</b>							

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra				Nguồn số liệu		
			2012	2013	Mục tiêu		Năm 2012, 2013	Mục tiêu
			(Ước TH lần 2)	(Ước TH lần 1)	2011-2015	2016-2020		
B.1	<b>Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 -2020</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý chi tiêu công, đầu tư công. Đảm bảo NSNN có tính đến an sinh xã hội và yếu tố giới;</li> <li>- Đẩy mạnh cải cách thể chế tài chính;</li> <li>- Chủ động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tài chính;</li> <li>- Tăng cường công khai, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính.</li> </ul>					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
B.2	<b>Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 – 2015 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 – 2020</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo việc thực hiện chiến lược tài chính đến 2020 gắn với 03 trọng tâm tái cấu trúc nền kinh tế là Tái cơ cấu đầu tư công; Tái cơ cấu hệ thống tài chính – ngân hàng; Tái cơ cấu DNNN;</li> <li>- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các đề án, sáng kiến thực hiện chiến lược tài chính giai đoạn 2016 – 2020;</li> <li>- Chú trọng các vấn đề về an sinh xã hội và lồng ghép giới trong quá trình xây dựng, triển khai thực hiện các đề án giai đoạn 2016 – 2020.</li> </ul>					Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012	
B.3	<b>Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chương trình pháp luật ngành Tài chính phục vụ Quốc hội nhiệm kỳ XIV;</li> <li>- Đảm bảo hoàn thiện hệ thống pháp luật để triển khai thực hiện chiến lược tài chính 2016 – 2020 đạt hiệu quả cao;</li> <li>- Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong quá trình xây dựng pháp luật nói chung và pháp luật ngành Tài chính nói riêng.</li> </ul>					Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012	



**BẢNG 2: CHI TIẾT HÓA VÀ THEO DÕI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2014-2016**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**Danh mục các đề án:**

**A. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ**

**Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia**

1. Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN
2. Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT
3. Luật Hải quan (sửa đổi)
4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu
5. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB
6. Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN
7. Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên
8. Luật phí, lệ phí
9. Xây dựng chính sách động viên từ đất đai
10. Xây dựng Luật thuế bất động sản
11. Đề án tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
12. Đề án tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường

**Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia**

1. Luật NSNN (sửa đổi)
2. Cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước

3. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước
4. Mô hình Tổng kế toán nhà nước
5. Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật giá

**Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hoá nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công**

1. Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập
2. Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

**Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN**

1. Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp
2. Thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa

**Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính**

1. Phát triển thị trường chứng khoán phái sinh
2. Phát triển hoạt động định mức tín nhiệm
3. Hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện
4. Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán
5. Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán
6. Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán

**Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính**

1. Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế

**Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia**

1. Triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)
2. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính
3. Đề án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia

**Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính**

1. Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính
2. Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính
3. Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ - GFMIS
4. Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025
5. Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá
6. Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước

**B. ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2010 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

1. Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 - 2020
2. Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 – 2015 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 – 2020
3. Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
<b>CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ</b>										
<b>A.1</b>	<b>Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia</b>									
<b>A.1.8</b>	<b>Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN</b> - Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội							2013-2017	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Cục KHTC, các đơn vị liên quan
A.1.8.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật							Đã hoàn thành	TCT	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.8.2	Hoạt động 2: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN							Đã hoàn thành	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.8.3	Hoạt động 3: Ban hành Nghị định và Thông tư hướng dẫn	- Hoàn thiện dự thảo Nghị định, Thông tư; - Gửi thẩm định và trình.						2014	Vụ CST, TCT	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.8.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	Tổ chức các chương trình, hội nghị tập huấn, tuyên truyền phổ biến Luật.						2014	TCT	Các đơn vị liên quan
A.1.8.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật						- Tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện Luật; - Sơ kết, đánh giá thực hiện sau 3 năm; - Đề xuất giải pháp.	2016/2017	TCT	Vụ CST và các đơn vị liên quan
<b>A.1.9</b>	<b>Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT</b> - Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội							2013 - 2016	Vụ CST	TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
										liên quan
A.1.9.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật							Đã hoàn thành	TCT	Vụ CST, TCHQ, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.9.2	Hoạt động 2: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT							Đã hoàn thành	Vụ CST	TCT, TCHQ, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.9.3	Hoạt động 3: Ban hành Nghị định và Thông tư hướng dẫn	- Hoàn thiện dự thảo Nghị định, Thông tư; - Gửi thẩm định và trình.						2014	Vụ CST, TCT	TCHQ, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.9.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- Tổ chức Các chương trình, hội nghị tập huấn, tuyên truyền phổ biến Luật.						2014	TCT, TCHQ	Các đơn vị liên quan
A.1.9.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật						- Tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện Luật; - Sơ kết, đánh giá 3 năm thực hiện Luật.	2016	TCT	TCHQ, Vụ CST, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
<b>A.1.10</b>	<b>Luật Hải quan (sửa đổi)</b>							2013 - 2018	TCHQ	Vụ PC các đơn vị liên quan
A.1.10.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật							Đã hoàn thành	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.10.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật Hải quan (sửa đổi)	- Hoàn thiện dự án Luật; - Trình Quốc hội thông qua.						2014	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.10.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Dự thảo (các) Nghị định và Thông tư hướng dẫn; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Gửi thẩm định và trình.						2014	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.10.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật		- Tổ chức Các chương trình, hội nghị tập huấn, tuyên truyền phổ biến Luật.					2014 - 2015	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.10.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật							2018	TCHQ	Cục KHTC, các đơn vị liên quan
<b>A.1.11</b>	<b>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu</b>							2016 - 2020	Vụ CST	TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.11.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật						- Báo cáo Tổng kết việc thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.	2016	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, TCT, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu						Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu. Bao gồm: - Tờ trình và thuyết minh; - Dự thảo Luật sửa đổi; - Báo cáo đánh giá tác động; - Báo cáo Kinh nghiệm quốc tế; - Giải trình tiếp thu ý kiến;	2016 - 2017	Vụ CST	Vụ PC, TCHQ, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
								- Thẩm định và Trình Quốc hội.		
A.1.11.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật							2017	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.11.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật							2017 - 2018	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.11.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật							Dự kiến 2019/2020	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
<b>A.1.12</b>	<b>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB</b>							2013-2019	Vụ CST,	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.12.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật							Đã hoàn thành	TCT, TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế TTĐB	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng dự thảo Luật ;</li> <li>- Đánh giá tác động;</li> <li>- Kinh nghiệm quốc tế;</li> <li>- Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website;</li> <li>- Gửi thẩm định và trình Quốc hội.</li> </ul>						2014	Vụ CST	TCT, TCHQ, Cục KHTC, các đơn vị liên quan
A.1.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo (các) Nghị định, Thông tư hướng dẫn;</li> <li>- Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website;</li> <li>- Gửi thẩm định và trình.</li> </ul>					2014-2015	Vụ CST, TCT, TCHQ	Vụ PC, Cục KHTC, các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.12.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật			- Tổ chức các chương trình, hội nghị tập huấn, tuyên truyền phổ biến Luật.					TCT, TCHQ	Vụ CST, Cục KHTC, các đơn vị liên quan
A.1.12.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật							2018/2019	TCT, TCHQ	Vụ CST, Cục KHTC, các đơn vị liên quan
<b>A.1.13</b>	<b>Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN</b>							2016	TCT	Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.13.1	Hoạt động 1: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật					- Tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện Luật; - Sơ kết, đánh giá thực hiện.		2016	TCT	Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.13.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo					- Hội thảo; - Đề xuất giải pháp; - Triển khai thực hiện.		2016	Vụ CST	Các đơn vị liên quan
<b>A.1.14</b>	<b>Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên</b>							2013-2016	Vụ CST	TCT, QLCS và các đơn vị liên quan
A.1.14.1	Hoạt động 1: Xây dựng biểu thuế suất thuế tài nguyên							Đã hoàn thành	Vụ CST	TCT, Cục QLCS, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.14.2	Hoạt động 2: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH 13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về biểu thuế suất thuế tài nguyên	- Tổ chức tuyên truyền phổ biến.						2014	TCT	Cục QLCS, Vụ CST và các đơn vị liên quan



TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.14.3	Hoạt động 3: Tổng kết đánh giá 05 năm triển khai thực hiện Luật thuế tài nguyên			- Tiến hành khảo sát và xây dựng báo cáo khảo sát; - Báo cáo tổng hợp đánh giá; - Hội thảo lấy ý kiến.				2015	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan
A.1.14.4	Hoạt động 4: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo				- Hội thảo; - Đề xuất giải pháp; - Triển khai thực hiện.			2015	Vụ CST	TCT, các đơn vị liên quan
A.1.14.5	Hoạt động 5: Sơ kết đánh giá 3 năm thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH 13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về biểu thuế suất thuế tài nguyên							2017	TCT	Cục QLCS, Vụ CST, các đơn vị liên quan
<b>A.1.15</b>	<b>Luật phí, lệ phí</b>							2016 - 2019	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Vụ HCSN, Cục TCDN, Vụ I, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.15.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Pháp lệnh phí, lệ phí				- Đánh giá tổng kết việc thực hiện các quy định trong Pháp lệnh phí, lệ phí năm 2001; - Chỉ rõ những bất cập trong thực tế; - Trên cơ sở những bất cập, kiến nghị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung,...			2015 - 2016	TCT	Vụ CST, Vụ PC, Vụ HCSN, Cục TCDN, Vụ I, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật					- Xây dựng dự thảo Luật và Nghị định quy định chi tiết; - Đánh giá tác động; - Kinh nghiệm quốc tế; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Gửi thẩm định và trình.		2016	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Vụ HCSN, Cục TCDN, Vụ I, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.15.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật							dự kiến 2017	Vụ CST, TCT	Vụ PC, Vụ HCSN, Cục TCDN, Vụ I, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.15.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật							dự kiến 2018	TCT	TCT, Vụ HCSN, Cục TCDN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.15.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật							dự kiến 2019/2020	TCT	Vụ CST, Vụ PC, Vụ HCSN, Cục TCDN, Vụ I, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
<b>A.1.16</b>	<b>Xây dựng chính sách động viên từ đất đai</b>							2013-2015	Cục QLCS	TCT, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.16.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về thu tiền sử dụng đất	- Dự thảo Nghị định, Thông tư hướng dẫn; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Gửi thẩm định và trình.						2013-2014	Cục QLCS	TCT, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.16.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định về tiền thuê đất, thuê mặt nước		- Dự thảo Nghị định, Thông tư hướng dẫn; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Gửi thẩm định và trình.					2014-2015	Cục QLCS, TCT	Vụ CST, Vụ PC, và các đơn vị liên quan
A.1.16.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền phổ biến các thông tư, nghị định				- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến.			2015 - 2016	Cục QLCS, TCT,	Vụ PC, Vụ CST và các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.16.4	Hoạt động 4: Triển khai thực hiện Đề án khai thác nguồn lực từ đất đai và tài sản nhà nước	- Triển khai thực hiện Đề án khai thác nguồn lực từ đất đai và tài sản nhà nước để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2013 – 2020 tại Quyết định số 2174/QĐ-TTg ngày 12/11/2013.						2014 - 2020	Cục QLCS,	Vụ PC, TCT, Vụ CST và các đơn vị liên quan và địa phương
<b>A.1.17</b>	<b>Xây dựng Luật thuế bất động sản</b>							2016- 2020	Vụ CST	TCT, Cục QLCS, Vụ PC, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.17.1	Hoạt động 1: Đánh giá chính sách thuế đối với bất động sản						- Báo cáo đánh giá tổng kết.	2016	TCT	Vụ CST, Cục QLCS, Vụ PC, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.17.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật và Nghị định quy định chi tiết						-	2017 - 2018	Vụ CST	TCT, Cục QLCS, Vụ PC, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.17.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật							2018 - 2019	Vụ CST, TCT	Các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.17.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật							2019	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan và địa phương

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.17.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật							Dự kiến 2021	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan và địa phương
<b>A.1.18</b>	<b>Đề án tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>							2015	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan
A.1.18.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			- Tiến hành khảo sát và xây dựng báo cáo khảo sát; - Báo cáo tổng hợp đánh giá; - Hội thảo lấy ý kiến.				2015	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan
A.1.18.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo				- Hội thảo; - Đề xuất giải pháp; - Triển khai thực hiện.			2015	Vụ CST	TCT, các đơn vị liên quan
<b>A.1.19</b>	<b>Đề án tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường</b>							2015	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan
A.1.19.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường			- Tiến hành khảo sát và xây dựng báo cáo khảo sát; - Báo cáo tổng hợp đánh giá; - Hội thảo lấy ý kiến.				2015	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan
A.1.19.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo				- Hội thảo; - Đề xuất giải pháp; - Triển khai thực hiện.			2015	Vụ CST	Các đơn vị liên quan
<b>A.2</b>	<b>Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia</b>									
A.2.12	Luật NSNN (sửa đổi)							2013 - 2017	Vụ PC	Vụ HCSN, Vụ ĐT,

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
										Vụ I, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ NSNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.12.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật							Đã hoàn thành	Vụ PC	Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ I, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ NSNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật NSNN (sửa đổi)			- Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan; - Trình Chính phủ; - Hoàn thiện và báo cáo các cơ quan của Quốc hội để trình Quốc hội xin ý kiến tại kỳ họp thứ bảy (tháng 5/2014); - Trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ tám (tháng 10/2014).				2014	Vụ PC	Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ I, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ NSNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật			- Dự thảo Nghị định quy định chi tiết; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Gửi thẩm định và trình.				2015	Vụ PC	Vụ HCSN, Vụ ĐT, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ NSNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.12.4	Hoạt động 4: Tuyên truyền phổ biến				- Tổ chức các hội thảo, hội nghị tuyên truyền phổ biến; - Tổ chức các khóa đào tạo cho các đơn vị liên quan.			2015 - 2016	Vụ PC	Vụ HCSN, Vụ ĐT, TCT, TCHQ, KBNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.12.5	Hoạt động 5: Sơ kết							2017/2018	Vụ PC	Vụ HCSN, Vụ ĐT,

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
	3 năm thực hiện Luật									TCT, TCHQ, KBNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
<b>A.2.13</b>	<b>Cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước</b>							2013 - 2017	KBNN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.13.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về quản lý ngân quỹ và Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện			- Hoàn thiện dự thảo Nghị định (thực hiện sau khi Quốc hội thông qua Luật NSNN (sửa đổi)); - Xây dựng Thông tư hướng dẫn Nghị định (về tài khoản thanh toán tập trung-TSA, hệ thống dự báo luồng tiền, hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro ngân quỹ); - Lấy ý kiến và trình.			2014 - 2015	KBNN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan	
A.2.13.2	Hoạt động 2: Xây dựng các hoạt động hỗ trợ phục vụ triển khai Nghị định			- Xây dựng các công cụ để phục vụ quản lý ngân quỹ; - Xây dựng phương án tổ chức bộ máy.			2015 - 2016	KBNN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan	
A.2.13.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền phổ biến, tập huấn và sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị định			- Tổ chức hội nghị tập huấn, phổ biến Nghị định, Thông tư hướng dẫn; - Sơ kết, đánh giá 2 năm ban hành Nghị định.			2015 - 2017	KBNN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan	
<b>A.2.14</b>	<b>Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước</b>							2013 - 2015	Cục QLCS	Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
										vị liên quan
A.2.14.1	Hoạt động 1: Đánh giá sơ kết 05 năm triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và đề xuất hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách							Đã hoàn thành	Cục QLCS	Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.14.2	Hoạt động 2: Tham khảo kinh nghiệm quốc tế	- Xây dựng báo cáo kinh nghiệm quốc tế.						2013 - 2014	Cục QLCS	Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.14.3	Hoạt động 3: Hội thảo đề thảo luận về Báo cáo đánh giá thực trạng chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước	- Tổ chức các hội thảo; - Hoàn thiện báo cáo trình Chính phủ.						2014	Cục QLCS	Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.14.4	Hoạt động 4: Đăng ký vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật	- Xây dựng tờ trình về đề xuất Xây dựng Dự án Luật;						2014	Cục QLCS	Các đơn vị liên quan
A.2.14.5	Hoạt động 5: Xây dựng Dự án Luật	- Xây dựng các dự thảo, dự kiến gồm: (1) Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý sử dụng tài sản Nhà nước; (2) Nghị định của Chính phủ;						2014-2015	Cục QLCS	Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
		(3) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (về hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng TSNN); (4) Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính. - Tham vấn ý kiến về dự thảo; - Hoàn thiện Dự án và trình; - Tập huấn, tuyên truyền.								vị liên quan
<b>A.2.15</b>	<b>Mô hình Tổng kế toán nhà nước</b>							2012 - 2020	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CĐKT, Vụ TCCB, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thi hành Kế toán nhà nước							Đã hoàn thành	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CĐKT, Vụ TCCB, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng Mô hình Tổng kế toán nhà nước (về cơ chế chính sách)		- Tham khảo kinh nghiệm quốc tế; - Xây dựng mô hình Tổng kế toán Nhà nước; - Dự thảo Nghị định của Chính phủ về mô hình Tổng kế toán Nhà nước; - Tổ chức lấy ý kiến và trình.					2014 - 2016	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CĐKT, Vụ TCCB, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.15.3	Hoạt động 3: Xây dựng khung pháp lý để thực hiện chức năng Tổng Kế toán nhà nước		- Xây dựng (các) Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; Tổng hợp và nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến đóng góp; - Hoàn thiện và trình.					2014 - 2016	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CĐKT, Vụ TCCB, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.15.4	Hoạt động 4: Tổ chức bộ máy và hệ	- Xây dựng phương án tổ chức bộ máy;						2014 -2020	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CĐKT, Vụ TCCB,



TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
	thông tin	- Tiến hành xây dựng tổ chức bộ máy; - Tổ chức hệ thống thông tin.								Cục KHTC và các đơn vị liên quan
<b>A.2.16</b>	<b>Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật giá</b> - Luật số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội về Luật giá								Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.16.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thi hành pháp lệnh Giá							Đã hoàn thành	Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.16.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật giá							Đã hoàn thành	Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.16.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật							Đã hoàn thành	Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.16.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật							Đã hoàn thành	Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.16.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật			- Tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện Luật; - Sơ kết, đánh giá thực hiện.				2015	Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
<b>A.3</b>	<b>Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hoá nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công</b>									
A.3.5	<b>Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập</b>							2012 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC,

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
										Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.3.5.1	Hoạt động 1: Đánh giá tình hình thực hiện Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Tổng kết đánh giá Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006)							Đã hoàn thành	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.3.5.2	Hoạt động 2: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ	- Hoàn thiện Dự thảo và trình.						2013 - 2014	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.3.5.3	Hoạt động 3: Ban hành Thông tư hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện		- Dự thảo Thông tư hướng dẫn; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Gửi thẩm định và trình; - Tổ chức tuyên truyền phổ biến Thông tư (Dự kiến thực hiện sau khi Nghị định được thông qua).					2014 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.3.6	<b>Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.</b>							2013 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC, Viện

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
										CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.3.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá hệ thống chính sách về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác							Đã hoàn thành		
A.3.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định	- Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Gửi thẩm định và trình.						2013 - 2014	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.3.6.3	Hoạt động 3: Ban hành Thông tư hướng dẫn, tổ chức thực hiện		- Đăng ký chương trình công tác; - Dự thảo Thông tư hướng dẫn; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Gửi thẩm định và trình; - Tổ chức tuyên truyền phổ biến Thông tư (Dự kiến thực hiện sau khi Nghị định được thông qua).					2014 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC, và các đơn vị liên quan
<b>A.4</b>	<b>Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNN</b>									

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
A.4.6	<b>Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp</b>							2013 - 2017	Cục TCDN	Vụ ĐT, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC, và các đơn vị liên quan
A.4.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá thực trạng chính sách, pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất kinh doanh							Đã hoàn thành		
A.4.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng dự thảo Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp	- Phối hợp với các cơ quan trong tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Dự án Luật; - Thẩm định và Trình Quốc hội.						2013 -2014	Cục TCDN	Vụ ĐT, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC, và các đơn vị liên quan
A.4.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật			- Ban hành Nghị định quy định chi tiết; - Ban hành Thông tư hướng dẫn.				2015	Cục TCDN	Vụ ĐT, Vụ PC, Cục KHTC, và các đơn vị liên quan
A.4.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật			- Xây dựng (các) sổ tay hướng dẫn; - Tổ chức các chương trình, hội nghị tập huấn; thông báo qua đường công văn,...				2015 - 2016	Cục TCDN	Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.4.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật							2017	Cục TCDN	Viện CL&CSTC, Cục KHTC, và các đơn vị liên quan
A.4.7	<b>Thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần</b>							2013 - 2016	Cục	Vụ PC, Vụ HCSN,

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
	<b>hóa</b>								TCDN	Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.7.1	Hoạt động 1: Đánh giá thực trạng cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa							Đã hoàn thành	Cục TCDN	Vụ PC, Vụ HCSN, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.7.2	Hoạt động 2: Xây dựng nội dung và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa	- Hoàn thiện Đề án và chuẩn bị hồ sơ trình.						2014	Cục TCDN	Vụ PC, Vụ HCSN, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.7.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ		- Xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện và quy trình giám sát; - Xây dựng hệ thống báo cáo giám sát việc thực hiện thí điểm.					2014 - 2015	Cục TCDN	Vụ PC, Vụ HCSN, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.7.4	Hoạt động 4: Đánh giá sơ kết 2 năm thực hiện							2017	Cục TCDN, Vụ HCSN	Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
<b>A.5</b>	<b>Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính.</b>									

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
A.5.12	<b>Phát triển thị trường chứng khoán phái sinh</b>							2014 - 2016	UBCKNN	Vụ PC, các đơn vị liên quan
A.5.12.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh			- Hoàn thiện dự thảo Nghị định; - Tổ chức lấy ý kiến, đăng website; - Trình Chính phủ thông qua.				2014 - 2015	UBCKNN	Vụ PC, các đơn vị liên quan
A.5.12.2	Hoạt động 2: Tổ chức triển khai, ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định			- Dự thảo Thông tư hướng dẫn; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Gửi thẩm định và trình; - Tổ chức tuyên truyền phổ biến Thông tư.				2014 - 2016	UBCKNN	Vụ PC, các đơn vị liên quan
A.5.12.3	Hoạt động 3: Sơ kết 2 năm thực thi Nghị định							2017 - 2018	UBCKNN	Vụ PC, các đơn vị liên quan
A.5.13	<b>Phát triển hoạt động định mức tín nhiệm</b>							2013 - 2017	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.13.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định quy định về thành lập và hoạt động của tổ chức định mức tín nhiệm							Đã hoàn thành	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.13.2	Hoạt động 2: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Nghị định, và xây dựng Thông tư hướng dẫn	- Dự thảo thông tư hướng dẫn; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Tổ chức tuyên truyền phổ biến						2014	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
		Thông tư.								
A.5.13.3	Hoạt động 3: Sơ kết 2 năm thực thi Nghị định							2016 - 2017	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục TCDN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
<b>A.5.14</b>	<b>Hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện</b>							2013 - 2016	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.14.1	Hoạt động 1: Xây dựng Đề án hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện							Đã hoàn thành	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.14.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định về thành lập và tổ chức hoạt động Quỹ hưu trí tự nguyện	- Xây dựng dự thảo Nghị định; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Gửi thẩm định và trình.						2014	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.14.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền phổ biến	- Xây dựng Thông tư hướng dẫn; - Tổ chức các chương trình, hội nghị tập huấn, tuyên truyền phổ biến Nghị định.						2014 - 2015	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.14.4	Hoạt động 4: Sơ kết 2 năm triển khai Nghị định							2017	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
<b>A.5.15</b>	<b>Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán</b>							2015 - 2016	UBCKNN	Vụ TCNH, Viện CL&CSTC, và các

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
										đơn vị liên quan
A.5.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá vai trò, vị trí, chức năng nhiệm vụ của UB CKNN giai đoạn trước khi ban hành Luật Chứng khoán (sửa đổi)			- Xây dựng báo cáo đánh giá về kết quả, tồn tại nguyên nhân và các giải pháp để tháo gỡ các vướng mắc về vai trò, chức năng và nhiệm vụ của UBCKNN là cơ quan quản lý TTCK trong giai đoạn 2007-2014; - Căn cứ để đưa vào Luật Chứng khoán (sửa đổi).				2014 - 2015	UBCKNN	Vụ TCNH, Viện CL&CSTC, và các đơn vị liên quan
A.5.15.2	Hoạt động 2: Kiện toàn tổ chức nâng cao vị thế của UBCKNN trong hoạt động quản lý TTCK			- Tham khảo kinh nghiệm quốc tế; - Xây dựng Đề án “Nâng cao vị thế của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán”; - Hội thảo tổ chức lấy ý kiến các cơ quan tổ chức có liên quan và hoàn thiện Đề án; - Chuẩn bị hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án.				2015 - 2016	UBCKNN	Vụ TCNH, Viện CL&CSTC, và các đơn vị liên quan
<b>A.5.16</b>	<b>Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán</b>							2012 -2020	Vụ CĐKT	Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.16.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thực hiện các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kiểm toán	- Đánh giá tổng kết hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp; - Tổng kết việc thực hiện Thông tư 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính.						2014 - 2015	Vụ CĐKT	Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.16.2	Hoạt động 2: Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung Hệ thống chuẩn mực kế toán			- Tham khảo kinh nghiệm quốc tế; - Xây dựng Thông tư ban hành hệ thống các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp; Thông tư				2015 - 2016	Vụ CĐKT	Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên



TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
	doanh nghiệp, Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam			ban hành hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; Tổng hợp và nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến đóng góp; - Hoàn thiện Dự thảo và trình.						quan
A.5.16.3	Hoạt động 3: Tuyên truyền, phổ biến					- Tổ chức các hội nghị tuyên truyền phổ biến; - Tổ chức các chương trình tập huấn.		2016	Vụ CĐKT	Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
<b>A.5.17</b>	<b>Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán</b>							2014 - 2018	Vụ CĐKT	Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.17.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Kế toán	- Tổng kết đánh giá thực trạng.						2014	Vụ CĐKT	Vụ PC, Vụ TCCB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.17.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán	- Xây dựng Dự án Luật; - Đánh giá tác động; - Kinh nghiệm quốc tế; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Chuẩn bị hồ sơ và gửi thẩm định; - Hoàn thiện hồ sơ và trình Quốc hội.						2014	Vụ CĐKT	Vụ PC, Cục TCDN, Vụ TCNH, Cục QL&GSBH, TCT, Cục KHTC các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
A.5.17.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật			- Xây dựng Nghị định, Thông tư hướng dẫn; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Chuẩn bị hồ sơ và gửi thẩm định Bộ Tư pháp; - Hoàn thiện hồ sơ và trình.				2015	Vụ CĐKT	Vụ PC, Cục TCDN, Vụ TCNH, Cục QL&GSBH, TCT, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.17.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật				- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến.			2015 - 2016	Vụ CĐKT	Vụ PC, Cục TCDN, Vụ TCNH, Cục QL&GSBH, TCT, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.17.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực thi Luật							Dự kiến 2017/2018	Vụ CĐKT	Các đơn vị liên quan
<b>A.6</b>	<b>Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính</b>									
<b>A.6.2</b>	<b>Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế</b>							2014 – 2016	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ CĐKT, Cục QL&GSBH, UBCKNN, Cục KHTC, TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.6.2.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thực hiện các cam kết	- Xây dựng báo cáo tổng hợp việc thực hiện cam kết của ngành Tài chính; - Đánh giá rà soát, ban hành các văn bản pháp luật thực hiện các cam kết trong khuôn khổ WTO						2014	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ CĐKT, Cục QL&GSBH, UBCKNN, Cục KHTC, TCT,

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
		và FTA giai đoạn 2012-2014 và các giai đoạn tiếp theo; - Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực hội nhập tài chính, chủ động đề xuất kịp thời việc điều chỉnh và xây dựng các cơ chế chính sách phù hợp.								TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.6.2.2	Hoạt động 2: Đề xuất các giải pháp tiếp theo để thực hiện cam kết trong giai đoạn mới.		- Xây dựng tờ trình, đề xuất phương án.					2014	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ CĐKT, Cục QL&GSBH, UBCKNN, Cục KHTC, TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.6.2.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện các giải pháp được đưa ra và sơ kết đánh giá			- Tổ chức phổ biến đến các đơn vị liên quan; - Lên chương trình, phương án giám sát tình hình thực hiện; - Xây dựng các phương án đàm phán hình thành FTA nhiều bên; - Dự kiến sẽ ban hành thông tư hướng dẫn các FTA.	- Kết quả điều tra khảo sát; - Báo cáo sơ kết thực hiện.			2015 - 2016	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ CĐKT, Cục QL&GSBH, UBCKNN, Cục KHTC, TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan
<b>A.7</b>	<b>Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia</b>									
<b>A.7.6</b>	<b>Triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)</b> - Luật số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội							2013 - 2016	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.7.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá triển khai thực hiện Luật thực hành							Đã hoàn thành	Vụ PC	Các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
	tiết kiệm, chống lãng phí 2005									
A.7.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)							Đã hoàn thành	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.7.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Dự thảo Nghị định, Thông tư hướng dẫn; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; - Gửi thẩm định và trình.						2013 - 2014	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.7.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật		- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến.					2014 - 2015	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.7.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật						- Tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện luật; - Sơ kết, đánh giá thực hiện.	2016 - 2017	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
<b>A.7.7</b>	<b>Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính</b>							2011 - 2020	Viện CL&CSTC	Các đơn vị liên quan
A.7.7.1	Hoạt động 1: Phân tích dự báo và xây dựng mô hình	- Tham khảo kinh nghiệm quốc tế.	- Xây dựng mô hình dự báo và đánh giá tác động.	- Tổ chức hội thảo; - Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực trong phân tích			- Ứng dụng mô hình.	2014 - 2016	Viện CL&CSTC	Cục TH&TKTC, TCT, TCHQ, Vụ NSNN, Vụ TCNH,

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
					dự báo.					Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.7.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá tác động chính sách	- Tham khảo kinh nghiệm quốc tế.	- Xây dựng và lựa chọn phương pháp đánh giá tác động.		- Tổ chức hội thảo.		- Tổ chức các khóa đào tạo; - Ứng dụng mô hình đánh giá tác động chính sách.	2014 - 2016	Viện CL&CSTC	Cục TH&TKTC, TCT, TCHQ, Vụ NSNN, Vụ TCNH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
<b>A.7.8</b>	<b>Đề án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia</b>							2014 - 2018	Cục QLN&TC ĐN	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan
A.7.8.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có	- Rà soát đánh giá hệ thống cơ sở dữ liệu hiện có về mức độ đáp ứng với yêu cầu; - Báo cáo về kết quả, đề ra phương hướng cải thiện hệ thống.						2014 - 2018	Cục QLN&TC ĐN	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.7.8.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu	- Tham khảo kinh nghiệm quốc tế; - Xây dựng các phương án cho hệ thống cơ sở dữ liệu, phần mềm; - Xây dựng phương án phối hợp giữa các đơn vị liên quan;							Cục QLN&TC ĐN	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức lấy ý kiến một số đơn vị liên quan;</li> <li>- Xây dựng tờ trình, bản thuyết minh chi tiết phương án thí điểm áp dụng;</li> <li>- Trình thông qua phương án thí điểm áp dụng.</li> </ul>								
A.7.8.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức tập huấn hướng dẫn thực hiện;</li> <li>- Áp dụng thí điểm, thường xuyên thu thập ý kiến phản hồi;</li> <li>- Tổng kết đánh giá và nâng cấp hệ thống.</li> </ul>						Cục QLN&TC ĐN	Cục TH&TKTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.7.8.4	Hoạt động 4: Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về nợ công và nợ nước ngoài			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện hệ thống khung cơ sở dữ liệu;</li> <li>- Hoàn thiện phương án phối hợp và làm rõ vai trò trách nhiệm của các đơn vị liên quan;</li> <li>- Trình, thông qua phương án áp dụng;</li> <li>- Xây dựng các văn bản hướng dẫn kê khai, đăng ký, cắm nang hướng dẫn sử dụng,...</li> <li>- Tổ chức các hội nghị công bố, chương trình tập huấn, triển khai thực hiện;</li> <li>- Tổ chức đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên trách.</li> </ul>					Cục QLN&TC ĐN	Cục TH&TKTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.7.8.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện							2017	Cục QLN&TC	Cục TH&TKTC, các Bộ, ngành và

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm		
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp	
									ĐN	địa phương	
<b>A.8</b>	<b>Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính.</b>										
<b>A.8.7</b>	<b>Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính</b>										
A.8.7.1	Hoạt động 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế							- Đã hoàn thành	Vụ PC	Các đơn vị liên quan	
A.8.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế						- Điều tra khảo sát tình hình triển khai thực hiện Luật; - Tổng kết đánh giá.	2016 - 2017	Vụ PC	Các đơn vị liên quan	
<b>A.8.8</b>	<b>Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính</b>										
A.8.8.1	Hoạt động 1: Tổ chức công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính	- Xây dựng sổ tay hướng dẫn; - Thực hiện công tác tuyên truyền.							2013 - 2015	Vụ PC	VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
<b>A.8.9</b>	<b>Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ - GFMS</b>										
								2013 - 2018	Cục TH&TKTC	Ban quản lý dự án Tài chính công, KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLNT&TCĐN, Cục QLG, Cục QLCS, Cục	

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
										KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan
A.8.9.1	Hoạt động 1: Nghiên cứu mô hình và lộ trình xây dựng Hệ thống Thông tin Quản lý Tài chính Công (GFMIS)							Đã hoàn thành	Cục TH&TKTC	Ban quản lý dự án Tài chính công, KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLNT&TCĐN, Cục QLCS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan
A.8.9.2	Hoạt động 2: Trình và phê duyệt mô hình và lộ trình triển khai xây dựng Hệ thống Thông tin Quản lý Tài chính Công (GFMIS)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan; Tổng hợp, nghiên cứu và tiếp thu các ý kiến đóng góp;</li> <li>- Hoàn thiện Dự thảo và chuẩn bị Hồ sơ trình phê duyệt Mô hình và lộ trình triển khai xây dựng Hệ thống Thông tin Quản lý tài Tài chính Công (GFMIS).</li> </ul>						2014	Cục TH&TKTC	Ban quản lý dự án Tài chính công, KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLNT&TCĐN, Cục QLCS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan
A.8.9.3	Hoạt động 3: Chuẩn bị đầu tư (Giai đoạn trước khi triển khai)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn tư vấn quản lý chương trình;</li> <li>- Đánh giá thực trạng tổng thể;</li> <li>- Thiết kế cấp độ dự kiến;</li> <li>- Mua sắm CNTT,</li> <li>- Xây dựng FRS (Mô tả yêu cầu chức năng);</li> <li>- Mời tham gia nộp thầu (EOI – thư bày tỏ nguyện vọng) và danh sách lựa chọn nhà cung cấp;</li> <li>- Xây dựng tài liệu chào thầu;</li> <li>- Liên lạc các bên có nguyện vọng;</li> <li>- Các bên thực hiện nộp thầu;</li> </ul>						2014 - 2015	Cục TH&TKTC	KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLNT&TCĐN, Cục QLCS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan



TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
		- Đánh giá các gói thầu; - Lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.								
A.8.9.4	Hoạt động 4: Thực hiện đầu tư (Giai đoạn triển khai)							2015 - 2017	Cục TH&TKTC	KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLN&TCĐN, Cục QLCS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan
A.8.9.5	Hoạt động 5: Kết thúc đầu tư, đưa Hệ thống vào sử dụng (Giai đoạn sau khi triển khai)							2017 - 2018	Cục TH&TKTC	KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLN&TCĐN, Cục QLCS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan
A.8.10	<b>Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025</b>							2014 - 2020	Cục TH&TKTC	KBNN, TCT, TCHQ, UBCKNN, TCDTNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.8.10.1	Hoạt động 1: Đánh giá kết quả triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT của ngành Tài		- Báo cáo đánh giá tình hình triển khai ứng dụng CNTT					2014	Cục TH&TKTC	KBNN, TCT, TCHQ, UBCKNN, TCDTNN, Cục KHTC và các đơn

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
	chính giai đoạn 2011 – 2015		của ngành Tài chính giai đoạn 2011 – 2015.							vị liên quan
A.8.10.2	Hoạt động 2: Phát triển tầm nhìn CNTT&TT và kế hoạch tổng thể về CNTT&TT của ngành Tài chính		- Xây dựng tầm nhìn và kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT&TT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng 2025.					2014	Cục TH&TKTC	Các đơn vị liên quan
A.8.10.3	Hoạt động 3: Phát triển khung kiến trúc tác nghiệp, ứng dụng, thông tin và hạ tầng cho ngành Tài chính		- Xây dựng các khung: Kiến trúc tác nghiệp; Kiến trúc thông tin; Kiến trúc ứng dụng và Kiến trúc hạ tầng.					2014 - 2015	Cục TH&TKTC	Các đơn vị liên quan
A.8.10.4	Hoạt động 4: Phát triển khung giám sát, quản lý CNTT&TT ngành Tài chính			- Xây dựng khung giám sát quản lý CNTT&TT.				2015	Cục TH&TKTC	Các đơn vị liên quan
A.8.10.5	Hoạt động 5: Đào tạo kỹ năng ứng dụng và nâng cao năng lực quản lý chiến lược và quản trị CNTT&TT ngành Tài chính.				- Đào tạo kỹ năng ứng dụng; - Đào tạo nâng cao năng lực quản lý chiến lược và quản trị CNTT&TT; - Triển khai ứng dụng toàn hệ thống.			2015 - 2020	Cục TH&TKTC	Các đơn vị liên quan
<b>A.8.11</b>	<b>Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá</b>							2014 - 2018	Cục QLГ	Cục TH&TKTC,

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
										Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.8.11.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có	- Rà soát đánh giá cơ sở dữ liệu hiện có; - Báo cáo về kết quả chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.						2014	Cục QLG	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.8.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu	- Tham khảo kinh nghiệm quốc tế; - Xây dựng các phương án cho hệ thống cơ sở dữ liệu, phần mềm; - Xây dựng phương án phối hợp giữa các đơn vị liên quan; - Tổ chức lấy ý kiến một số đơn vị liên quan; - Xây dựng tờ trình, bản thuyết minh chi tiết phương án thí điểm áp dụng; - Trình thông qua phương án thí điểm áp dụng.						2014	Cục QLG	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.8.11.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua tại một số đơn vị, địa phương		- Tổ chức tập huấn hướng dẫn thực hiện; - Áp dụng thí điểm, thường xuyên thu thập ý kiến phản hồi; - Tổng kết đánh giá và nâng cấp hệ thống.					2014- 2015	Cục QLG	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.8.11.4	Hoạt động 4: Áp			- Hoàn thiện hệ thống khung				2015	Cục QLG	Cục TH&TKTC,

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
	dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về giá			cơ sở dữ liệu; - Hoàn thiện phương án phối hợp và làm rõ vai trò trách nhiệm của các đơn vị liên quan; - Trình, thông qua phương án áp dụng; - Xây dựng các văn bản hướng dẫn kê khai, đăng ký, cảm nang hướng dẫn sử dụng,... - Tổ chức các hội nghị công bố, chương trình tập huấn, triển khai thực hiện; - Tổ chức đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên trách.						Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.8.11.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện							2017	Cục QLGS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
<b>A.8.12</b>	<b>Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước</b>							2012 - 2018	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.8.12.1	Hoạt động 1: Rà soát, chuẩn hóa Cơ sở dữ liệu quốc gia hiện có							Đã hoàn thành	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.8.12.2	Hoạt động 2: Nâng cấp lần 1 phần mềm đăng ký quản lý TSNN hiện hành: mục đích cập nhật tất	- Nâng cấp phần mềm; - Xây dựng văn bản hướng dẫn triển khai; - Thực hiện đăng nhập TSNN đủ						2013 - 2014	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
	cả TSNN đủ điều kiện là TSCĐ tại khu vực hành chính sự nghiệp vào phần mềm	điều kiện vào phần mềm.								
A.8.12.3	Hoạt động 3: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 2) để cập nhật TSNN là công trình cấp nước sạch nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng phần mềm về quản lý tài sản là công trình cấp nước sạch nông thôn;</li> <li>- Triển khai nhập dữ liệu vào Phần mềm, chuẩn hóa dữ liệu;</li> <li>- Kết nối dữ liệu về tài sản là công trình cấp nước sạch nông thôn vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN.</li> </ul>						2013 - 2014	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.8.12.4	Hoạt động 4: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 3) để cập nhật TSNN là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng phần mềm về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;</li> <li>- Xây dựng cẩm nang hướng dẫn sử dụng;</li> <li>- Triển khai nhập dữ liệu vào Phần mềm, chuẩn hóa dữ liệu;</li> <li>- Kết nối dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN.</li> </ul>						2013 - 2016	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.8.12.5	Hoạt động 5: Xây dựng dữ liệu đối với một số loại TSNN còn lại để kết nối vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN						- Tất cả TSNN được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN.	2016 - 2018	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị, địa phương có liên quan
<b>B.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2010 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020</b>									
<b>B.1</b>	<b>Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 - 2020</b>							2015	Vụ NSNN	Cục QLNT&TCĐN, Cục TCDN, Cục KHTC, các địa phương, Bộ KHĐT và các đơn vị liên

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
										quan
	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết thực hiện Kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm 2011 - 2015			- Đánh giá tổng kết; - Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có liên quan.				2015	Vụ NSNN	Các đơn vị liên quan
	Hoạt động 2: Xây dựng Kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm 2016 – 2020			- Xây dựng Dự thảo Kế hoạch - Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có liên quan; - Hoàn thiện, báo cáo Chính phủ.				2015 - 2016	Vụ NSNN	Các đơn vị liên quan
<b>B.2</b>	<b>Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 – 2015 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 – 2020</b>							2015 - 2016	Viện CL&CSTC	Vụ NSNN, UBCKNN, Cục QLGSBH, Vụ TCNH, Cục TCDN, Vụ ĐT, Cục KHTC, TCT, TCHQ, các đơn vị liên quan
	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 - 2015			- Tiến hành khảo sát và xây dựng báo cáo khảo sát; - Báo cáo tổng hợp đánh giá; - Hội thảo lấy ý kiến.				2015	Viện CL&CSTC	Các đơn vị liên quan
	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2016 -			- Hội thảo; - Đề xuất giải pháp; - Triển khai thực hiện.				2015 - 2016	Viện CL&CSTC	Các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2014		2015		2016		Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12	Tháng 1-6	Tháng 7-12		Chủ trì	Phối hợp
	2020									
<b>B.3</b>	<b>Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020</b>							2015 - 2020	Vụ PC	VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật giai đoạn 2011 – 2015 triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020			- Báo cáo đánh giá; - Hội thảo lấy ý kiến; - Kiến nghị cho giai đoạn sau.				2011 - 2015	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
	Hoạt động 2: Xây dựng “Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020”				- Hoàn thiện Chương trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp; - Trình Chính phủ, UBTVQH, Quốc hội.			2014	Vụ PC	Các đơn vị liên quan

**BẢNG 3. ƯỚC TÍNH NGUỒN LỰC VÀ CHI PHÍ THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2014-2016**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TT ƯT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
<b>A.</b>	<b>CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ</b>			
<b>A.1</b>	<b>Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia</b>			
<b>A.1.8</b>	<b>Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN</b> - Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội			
A.1.8.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn.	- Tổ chức hội nghị tuyên truyền phổ biến, tập huấn cho các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp do nữ làm chủ.	
A.1.8.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	- Sơ kết đánh giá 3 năm.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	- Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới; - Ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ.
<b>A.1.9</b>	<b>Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT</b> Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội			
A.1.9.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn.		
A.1.9.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	- Sơ kết đánh giá 3 năm.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	- Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới; - Ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ.
<b>A.1.10</b>	<b>Luật Hải quan (sửa đổi)</b>			
A.1.10.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn.	- Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế;	



TT ƯT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
			- Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
A.1.10.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn.		
<b>A.1.11</b>	<b>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu</b>			
A.1.11.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	- Đánh giá tổng kết.	- Nâng cao năng lực cán bộ trong phân tích đánh giá.	
A.1.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	- Xây dựng đề án.	- Chuyên gia quốc tế; - Chuyên gia trong nước; - Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế.	
A.1.11.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn.	- Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
A.1.11.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn.		
<b>A.1.12</b>	<b>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB</b>			
A.1.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế TTĐB	- Xây dựng đề án.	- Chuyên gia quốc tế; - Chuyên gia trong nước; - Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế.	
A.1.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn;	- Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.1.12.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn.		
<b>A.1.13</b>	<b>Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN</b>			
A.1.13.1	Hoạt động 1: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật	- Sơ kết đánh giá 2 năm.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước.	- Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới.
<b>A.1.14</b>	<b>Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên</b>			
A.1.14.3	Hoạt động 2: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về biểu thuế thuế suất thuế tài nguyên	- Triển khai thực hiện.	- Hội nghị tuyên truyền phổ biến.	
A.1.14.4	Hoạt động 3: Tổng kết đánh giá 05 năm triển khai thực hiện Luật thuế tài nguyên	- Đánh giá tổng kết.	- Khảo sát trong nước; - Khảo sát quốc tế; - Hội thảo trong nước.	
A.1.14.5	Hoạt động 4: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo	- Xây dựng giải pháp.	- Hội thảo quốc tế; - Hội thảo trong nước; - Khảo sát quốc tế.	
<b>A.1.15</b>	<b>Luật phí, lệ phí</b>			
A.1.15.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Pháp lệnh phí, lệ phí	- Đánh giá tổng kết.	- Khảo sát đánh giá tác động của Pháp lệnh hiện hành từ góc độ xã hội và giới.	
A.1.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật	- Xây dựng đề án.	- Chuyên gia quốc tế; - Chuyên gia trong nước; - Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	- Có thực hiện rà soát, lồng ghép giới trong quá trình xây dựng Dự án Luật.
<b>A.1.16</b>	<b>Xây dựng chính sách động viên từ đất đai</b>			

TT ƯT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.1.16.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về thu tiền sử dụng đất	- Sửa đổi Nghị định số 120/2010/NĐ-CP.	- Hội thảo trong nước; - Chuyên gia trong nước.	- Có thuê chuyên gia rà soát về vấn đề giới trong quá trình xây dựng.
A.1.16.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định về tiền thuê đất, thuê mặt nước	- Sửa đổi Nghị định số 121/2010/NĐ-CP.	- Hội thảo trong nước; - Chuyên gia trong nước.	
A.1.16.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền phổ biến các nghị định, thông tư	- Tổ chức thực hiện.	- Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
A.1.16.4	Hoạt động 4: Triển khai thực hiện Đề án khai thác nguồn lực từ đất đai và tài sản nhà nước	- Tổ chức thực hiện.	- Các hội thảo, hội nghị; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
<b>A.1.17</b>	<b>Xây dựng Luật thuế bất động sản</b>			
A.1.17.1	Hoạt động 1: Đánh giá chính sách thuế đối với bất động sản	- Đánh giá chính sách.	- Chuyên gia trong nước; - Hội thảo trong nước;	- Có thuê chuyên gia rà soát về vấn đề giới trong quá trình xây dựng; - Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới.
<b>A.1.18</b>	<b>Đề án tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>			
A.1.18.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	- Đánh giá tổng kết.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước.	- Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới.
A.1.18.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo	- Xây dựng giải pháp.	- Hội thảo quốc tế; - Hội thảo trong nước; - Khảo sát quốc tế.	
<b>A.1.19</b>	<b>Đề án tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường</b>			
A.1.19.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường	- Đánh giá tổng kết.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước.	
A.1.19.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo	- Xây dựng giải pháp.	- Hội thảo quốc tế; - Hội thảo trong nước; - Khảo sát quốc tế.	

TT ƯT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
<b>A.2</b>	<b>Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia</b>			
<b>A.2.12</b>	<b>Luật NSNN (sửa đổi)</b>			
A.2.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật NSNN (sửa đổi)	- Xây dựng dự án Luật NSNN.	- Chuyên gia quốc tế; - Chuyên gia trong nước; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ; - Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế.	
A.2.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn.	- Hội thảo trong nước; - Thuê chuyên gia trong nước và quốc tế.	- Rà soát các vấn đề giới có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Luật.
A.2.12.4	Hoạt động 4: Tuyên truyền phổ biến	- Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn.	- Hội thảo phổ biến, cung cấp thông tin về kết quả rà soát các vấn đề giới trong quá trình triển khai thực hiện Luật.	
<b>A.2.13</b>	<b>Cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước</b>			
A.2.13.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về quản lý ngân quỹ và Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện	- Xây dựng Nghị định, Thông tư hướng dẫn.	- Hội thảo trong nước.	
A.2.13.2	Hoạt động 2: Xây dựng các hoạt động hỗ trợ phục vụ triển khai Nghị định	- Xây dựng các hoạt động phụ trợ.	- Hội thảo, hội nghị, phần mềm,...	
A.2.13.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền phổ biến, tập huấn và sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị định	- Tổ chức hội thảo, chương trình tập huấn.	- Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
<b>A.2.14</b>	<b>Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước</b>			
A.2.14.2	Hoạt động 2: Tham khảo kinh nghiệm quốc tế	- Xây dựng chương trình khảo sát.	- Khảo sát nước ngoài; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
A.2.14.3	Hoạt động 3: Hội thảo đề thảo luận về Báo cáo đánh giá thực trạng chính sách,	- Xây dựng chương	- Hội thảo quốc tế;	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
	pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước	trình hội thảo.	- Hội thảo trong nước.	
A.2.14.4	Hoạt động 4: Đăng ký vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật			
A.2.14.5	Hoạt động 5: Xây dựng Dự án Luật	- Xây dựng văn bản pháp luật.	- Chuyên gia quốc tế; - Chuyên gia trong nước; - Đào tạo; - Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế.	
<b>A.2.15</b>	<b>Mô hình Tổng kế toán nhà nước</b>			
A.2.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng Mô hình Tổng Kế toán nhà nước (về cơ chế chính sách)	- Xây dựng mô hình Tổng kế toán nhà nước, các văn bản hướng dẫn.	- Khảo sát nước ngoài; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ; - Chuyên gia trong nước; - Chuyên gia nước ngoài; - Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế.	
A.2.15.3	Hoạt động 3: Xây dựng khung pháp lý để thực hiện chức năng Tổng Kế toán nhà nước	- Xây dựng (các) thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định.	- Khảo sát nước ngoài; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ; - Chuyên gia trong nước; - Chuyên gia nước ngoài; - Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế.	
A.2.15.4	Hoạt động 4: Tổ chức bộ máy và hệ thống thông tin	- Tổ chức bộ máy; - Trang bị hệ thống thông tin.		
<b>A.2.16</b>	<b>Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật giá</b> - Luật số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội về Luật giá			

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.2.16.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật	- Sơ kết đánh giá 2 năm.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước.	- Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới.
<b>A.3</b>	<b>Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hoá nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công</b>			
<b>A.3.5</b>	<b>Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
A.3.5.2	Hoạt động 2: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ	- Xây dựng nội dung sửa đổi.	- Chuyên gia trong nước; - Hội thảo trong nước; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	- Có thuê chuyên gia rà soát về vấn đề giới trong quá trình sửa đổi, ban hành Nghị định, Thông tư; - Ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ.
A.3.5.3	Hoạt động 3: Ban hành Thông tư hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện	- Ban hành Thông tư hướng dẫn; - Tổ chức tuyên truyền phổ biến.		
<b>A.3.6</b>	<b>Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác</b>			
A.3.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định	- Xây dựng Nghị định, Thông tư hướng dẫn	- Chuyên gia trong nước; - Hội thảo trong nước; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	- Có thuê chuyên gia rà soát về vấn đề giới trong quá trình sửa đổi, ban hành Nghị định, Thông tư; - Ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ.
A.3.6.3	Hoạt động 3: Ban hành Thông tư hướng dẫn, tổ chức thực hiện	- Ban hành Thông tư hướng dẫn; - Tổ chức tuyên truyền phổ biến.		
<b>A.4</b>	<b>Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN</b>			
<b>A.4.6</b>	<b>Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp</b>			
A.4.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự thảo Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào	- Xây dựng Dự thảo	- Chuyên gia trong nước;	- Trong quá trình xây dựng Luật

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
	doanh nghiệp	Luật.	- Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế; - Khảo sát nước ngoài; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	- Có rà soát đánh giá tác động xã hội và giới; - Có chú trọng vấn đề lồng ghép giới trong quá trình xây dựng Luật.
A.4.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Xây dựng Nghị định, Thông tư hướng dẫn.	- Chuyên gia trong nước; - Hội thảo trong nước.	
A.4.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- Xây dựng chương trình tuyên truyền phổ biến Luật.	- Chuyên gia trong nước; - Hội thảo trong nước; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
A.4.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật	- Sơ kết đánh giá.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước.	- Có rà soát các quy định của Luật từ góc độ giới.
<b>A.4.7</b>	<b>Thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa</b>			
A.4.7.2	Hoạt động 2: Xây dựng nội dung và Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế chuyên đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa	- Xây dựng Đề án.	- Chuyên gia trong nước; - Hội thảo trong nước; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	- Có rà soát các vấn đề giới có liên quan trong quá trình xây dựng và triển khai Đề án.
A.4.7.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	- Xây dựng chương trình triển khai thực hiện.		
A.4.7.4	Hoạt động 4: Đánh giá sơ kết 2 năm thực hiện	- Sơ kết đánh giá.	- Hội thảo trong nước; - Hội nghị trong nước.	
<b>A.5</b>	<b>Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính</b>			
<b>A.5.12</b>	<b>Phát triển thị trường chứng khoán phái sinh</b>			
A.5.12.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về phát triển thị trường chứng khoán phái sinh	- Xây dựng Nghị định.	- Chuyên gia trong nước; - Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế.	

TT ƯT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.5.12.2	Hoạt động 2: Tổ chức triển khai, ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định	- Ban hành Thông tư hướng dẫn.	- Hội thảo trong nước; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
<b>A.5.13</b>	<b>Phát triển hoạt động định mức tín nhiệm</b>			
A.5.13.2	Hoạt động 2: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Nghị định và xây dựng Thông tư hướng dẫn	- Xây dựng Dự thảo Thông tư hướng dẫn và chương trình phổ biến.	- Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
A.5.13.3	Hoạt động 3: Sơ kết 1 năm thực hiện Nghị định	- Sơ kết đánh giá.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước.	
<b>A.5.14</b>	<b>Hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện</b>			
A.5.14.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định về Quỹ hưu trí tự nguyện	- Xây dựng Nghị định;	- Chuyên gia trong nước; - Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế.	
A.5.14.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Nghị định	- Xây dựng Dự thảo Thông tư hướng dẫn và chương trình phổ biến.	- Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
A.5.14.4	Hoạt động 4: Sơ kết 1 năm triển khai Nghị định	- Sơ kết đánh giá.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước.	
<b>A.5.15</b>	<b>Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán</b>			
A.5.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá vai trò, vị trí, chức năng nhiệm vụ của UBCKNN giai đoạn trước khi ban hành Luật Chứng khoán (sửa đổi)	- Báo cáo đánh giá về vai trò, chứng năng nhiệm vụ của UBCKNN.	- Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	



TT ƯT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.5.15.2	Hoạt động 2: Kiện toàn tổ chức nâng cao vị thế của UBCKNN trong hoạt động quản lý TTCK	- Xây dựng đề án về nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán.	- Khảo sát nước ngoài; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ; - Chuyên gia trong nước; - Chuyên gia nước ngoài; - Hội thảo trong nước.	
<b>A.5.16</b>	<b>Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán</b>			
A.5.16.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thực hiện các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kiểm toán	- Đánh giá tổng kết.		
A.5.16.2	Hoạt động 2: Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung Hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	- Xây dựng và ban hành hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp;	- Khảo sát quốc tế; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ; - Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước;	
A.5.16.3	Hoạt động 3: Tuyên truyền, phổ biến Hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp mới	- Tổ chức hội nghị, xây dựng chương trình tập huấn.		
<b>A.5.17</b>	<b>Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán</b>			
A.5.17.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Kế toán	- Đánh giá tổng kết.		
A.5.17.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán	- Xây dựng Dự án Luật.	- Chuyên gia trong nước; - Chuyên gia nước ngoài; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ; - Hội thảo trong nước; - Khảo sát quốc tế.	
A.5.17.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn.	- Hội thảo trong nước.	
A.5.17.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- Xây dựng sổ tay hướng dẫn, chương trình tuyên truyền phổ	- Chuyên gia trong nước; - Chuyên gia nước ngoài.	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
		biên.		
<b>A.6</b>	<b>Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính</b>			
<b>A.6.2</b>	<b>Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế</b>			
A.6.2.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thực hiện các cam kết	- Đánh giá tổng kết.	- Hội thảo trong nước; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
A.6.2.2	Hoạt động 2: Đề xuất các giải pháp tiếp theo để thực hiện cam kết trong giai đoạn mới	- Đề xuất giải pháp;	- Chuyên gia trong nước; - Chuyên gia nước ngoài.	
A.6.2.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện các giải pháp được đưa ra và sơ kết đánh giá	- Triển khai thực hiện và sơ kết đánh giá.	- Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế.	
<b>A.7</b>	<b>Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia</b>			
<b>A.7.6</b>	<b>Triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)</b> - Luật số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội			
A.7.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Xây dựng Nghị định, Thông tư hướng dẫn.	- Hội thảo trong nước.	
A.7.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn.		
A.7.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	- Sơ kết đánh giá 3 năm.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
<b>A.7.7</b>	<b>Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính</b>			
A.7.7.1	Hoạt động 1: Phân tích dự báo và xây dựng mô hình	- Xây dựng mô hình phân tích dự báo.	- Chuyên gia trong nước; - Chuyên gia nước ngoài; Hội thảo quốc tế; - Hội thảo trong nước;	- Có đánh giá đến tác động xã hội, bao gồm yếu tố giới; - Ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ.

TT ƯT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
			- Mua phần mềm; - Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo ứng dụng phần mềm.	- Khuyến khích cán bộ đăng ký một số khoá học có liên quan của IMF, ADB, WB,...
A.7.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá tác động chính sách	- Xây dựng và lựa chọn phương pháp đánh giá tác động.	- Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
<b>A.7.8</b>	<b>Đề án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia</b>			
A.7.8.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có	- Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có; xây dựng quy trình dữ liệu.		
A.7.8.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu	- Xây dựng các phương án cho hệ thống cơ sở dữ liệu.	- Khảo sát nước ngoài; - Chuyên gia trong nước; - Chuyên gia nước ngoài; - Hội thảo trong nước; - Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo ứng dụng phần mềm.	
A.7.8.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua tại một số đơn vị, địa phương	- Xây dựng chương trình và tổ chức triển khai thí điểm.	- Hội thảo trong nước; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	
A.7.8.4	Hoạt động 4: Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về nợ công và nợ nước ngoài	- Xây dựng chương trình và tổ chức triển khai.		
<b>A.8</b>	<b>Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính.</b>			
<b>A.8.7</b>	<b>Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính</b>			
A.8.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế	- Đánh giá, tổng kết.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước.	
<b>A.8.8</b>	<b>Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính</b>			

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.8.8.1	Hoạt động 1: Tổ chức công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính	- Xây dựng sở tay hướng, chương trình tuyên truyền phổ biến.	- Tổ chức các hội nghị, hội thảo tuyên truyền phổ biến; - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.	- Đảm bảo tiếp cận thông tin đến các đối tượng vùng sâu, vùng xa người nghèo, phụ nữ và dân tộc thiểu số; - Ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ.
<b>A.8.9</b>	<b>Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ - GFMIS</b>			
A.8.9.2	Hoạt động 2: Trình và phê duyệt mô hình và lộ trình triển khai xây dựng Hệ thống Thông tin Quản lý Tài chính Công (GFMIS)		- Tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến.	
A.8.9.3	Hoạt động 3: Chuẩn bị đầu tư (Giai đoạn trước khi triển khai)		- Phần cứng và hạ tầng CNTT và truyền thông; - Chuyên gia tư vấn quản lý.	
A.8.9.4	Hoạt động 4: Thực hiện đầu tư (Giai đoạn triển khai)		- Thiết kế hệ thống và phê duyệt; - Chi phí bảo trì trong 3 năm; - Chi phí học tập và đào tạo.	
<b>A.8.10</b>	<b>Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025</b>			
A.8.10.1	Hoạt động 1: Đánh giá kết quả triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2011 – 2015	- Đánh giá tổng kết.	- Tổ chức khảo sát trong nước.	
A.8.10.2	Hoạt động 2: Phát triển tầm nhìn CNTT&TT và kế hoạch tổng thể về CNTT&TT của ngành Tài chính	- Xây dựng bản kế hoạch tổng thể.	- Chuyên gia trong nước; - Chuyên gia nước ngoài; Tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến; - Đào tạo chuyển giao.	
A.8.10.3	Hoạt động 3: Phát triển khung kiến trúc tác nghiệp, ứng dụng, thông tin và hạ tầng cho ngành Tài chính	- Xây dựng khung.	- Chuyên gia trong nước; - Chuyên gia nước ngoài; Phần mềm triển khai và	

TT ƯT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>ứng dụng;</li> <li>- Tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến;</li> <li>- Đào tạo chuyên giao.</li> </ul>	
A.8.10.4	Hoạt động 4: Phát triển khung giám sát, quản lý CNTT&TT ngành Tài chính	- Xây dựng khung.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước;</li> <li>- Phần mềm triển khai và ứng dụng;</li> <li>- Tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến;</li> <li>- Đào tạo chuyên giao.</li> </ul>	
A.8.10.5	Hoạt động 5: Đào tạo kỹ năng ứng dụng và nâng cao năng lực quản lý chiến lược và quản trị CNTT&TT ngành Tài chính	- Xây dựng chương trình đào tạo.	- Tổ chức các chương trình đào tạo, chương trình tập huấn.	
<b>A.8.11</b>	<b>Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá</b>			
A.8.11.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có	- Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có; xây dựng quy trình dữ liệu.		
A.8.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu	- Xây dựng các phương án cho hệ thống cơ sở dữ liệu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát nước ngoài;</li> <li>- Chuyên gia trong nước;</li> <li>- Chuyên gia nước ngoài;</li> <li>- Hội thảo trong nước;</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo ứng dụng phần mềm.</li> </ul>	
A.8.11.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua tại một số đơn vị, địa phương	- Xây dựng chương trình và tổ chức triển khai thí điểm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội thảo trong nước;</li> <li>- Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ.</li> </ul>	
A.8.11.4	Hoạt động 4: Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	- Xây dựng chương trình và tổ chức triển khai.		

TT ƯT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
<b>A.8.12</b>	<b>Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước</b>			
A.8.12.2	Hoạt động 2: Nâng cấp lần 1 phần mềm đăng ký quản lý TSNN hiện hành: mục đích cập nhật tất cả TSNN đủ điều kiện là TSCĐ tại khu vực hành chính sự nghiệp vào phần mềm	- Nâng cấp phần mềm, xây dựng văn bản hướng dẫn triển khai.	- Chuyên gia, tư vấn trong nước.	
A.8.12.3	Hoạt động 3: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 2) để cập nhật TSNN là công trình cấp nước sạch nông thôn	- Xây dựng phần mềm - Triển khai nhập dữ liệu, kết nối dữ liệu.	- Chuyên gia, tư vấn trong nước.	
A.8.12.4	Hoạt động 4: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 3) để cập nhật TSNN là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	- Xây dựng phần mềm; - Triển khai nhập dữ liệu, kết nối dữ liệu.	- Xây dựng cẩm nang hướng dẫn; - Chuyên gia, tư vấn trong nước.	
A.8.12.5	Hoạt động 5: Xây dựng dữ liệu đối với một số loại TSNN còn lại để kết nối vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN	- Xây dựng phần mềm; - Triển khai nhập dữ liệu, kết nối dữ liệu.	- Chuyên gia, tư vấn trong nước.	
<b>B.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011 – 2015 VÀ TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 – 2020</b>			
<b>B.1</b>	<b>Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 - 2020</b>			
B.1.1.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết thực hiện Kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm 2011 - 2015	- Đánh giá, tổng kết.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước; - Hội thảo quốc tế.	- Có khảo sát, đánh giá tác động xã hội và giới.
B.1.1.2	Hoạt động 2: Xây dựng Kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm 2016 – 2020	- Xây dựng kế hoạch tài chính ngân sách.	- Hội thảo quốc tế; - Hội thảo trong nước và hội thảo chuyên đề (tác động xã hội, giới, ...); - Khảo sát quốc tế; - Chuyên gia quốc tế; - Chuyên gia trong nước.	- Trong quá trình xây dựng có tính đến các vấn đề xã hội và giới.
<b>B.2</b>	<b>Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 – 2015 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 – 2020</b>			

<b>TT ƯT</b>	<b>Đề án/Hoạt động</b>	<b>Nguồn lực trong nước</b>	<b>Nguồn lực nước ngoài</b>	<b>Ghi chú</b>
B.2.1.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 - 2015	- Đánh giá tổng kết.	- Khảo sát trong nước; - Hội thảo trong nước.	- Có khảo sát, đánh giá tác động xã hội và giới.
B.2.1.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2016 - 2020	- Xây dựng giải pháp.	- Hội thảo quốc tế; - Hội thảo trong nước và hội thảo chuyên đề (tác động xã hội, giới,...); - Khảo sát quốc tế.	- Trong quá trình xây dựng có tính đến các vấn đề xã hội và giới.
<b>B.3</b>	<b>Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020</b>			
B.3.1.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật giai đoạn 2011 – 2015 triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020	- Đánh giá tổng kết.	- Hội thảo quốc tế; - Hội thảo trong nước.	- Có tổng kết, đánh giá về vấn đề lồng ghép giới trong quá trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Ngành tài chính.
B.3.1.2	Hoạt động 2: Xây dựng “Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020”	- Xây dựng chương trình.	- Hội thảo trong nước.	- Trong quá trình xây dựng có tính đến các vấn đề xã hội và lồng ghép giới.

**BẢNG 4. KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
<b>CÁC RỦI RO CHUNG</b>						
(1)		Rủi ro về nguồn lực tài chính (BU)				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước.</li> <li>- Lên phương án thực hiện phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Lên chương trình xây dựng đề án phù hợp, tránh tạo ra áp lực tài chính trong một giai đoạn ngắn.</li> </ul>
(2)		Rủi ro về nguồn nhân lực, bao gồm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực (HR)				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước.</li> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Có phương án dự phòng nguồn nhân lực thiếu hụt, nhân lực không đạt yêu cầu chất lượng.</li> <li>- Có biện pháp động viên khuyến khích tinh thần và vật chất phù hợp.</li> </ul>
(3)		Rủi ro do không nhận được sự đồng thuận của các bên có liên quan hoặc mâu thuẫn về lợi ích (SC)				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp.</li> <li>- Tiến hành phân tích tác động của các đề án đến các nhóm lợi ích khác nhau, xác định nhóm ưu tiên cụ thể đồng thời đề ra phương án thực hiện phù hợp thực tiễn.</li> <li>- Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.</li> </ul>
(4)		Rủi ro trong quá trình phối hợp thực hiện giữa các đơn vị liên quan (CO)				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Nâng cao vị thế và tinh thần trách nhiệm của cơ quan điều phối.</li> <li>- Quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị chủ trì và các đơn vị liên quan.</li> </ul>
(5)		Rủi ro do số liệu thiếu tính tin cậy và không đầy đủ (DT)				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu.</li> <li>- Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Áp dụng phương pháp thu thập và xử lý số liệu tiên tiến, phù hợp với thực tiễn.</li> </ul>
(6)		Rủi ro do đề án được ban				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế.</li> </ul>



STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
		hành không phù hợp với bối cảnh kinh tế hoặc thiếu hiệu lực pháp lý (FS)				- Có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng sau khi văn bản pháp luật được ban hành. - Tiến hành rà soát, xin ý kiến của các đơn vị liên quan tránh trùng lặp, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật.
<b>A.</b>	<b>CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ</b>					
<b>A.1</b>	<b>Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia</b>					
<b>A.1.8</b>	<b>Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN</b>					
A.1.8.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	- Đã thực hiện.				
A.1.8.2	Hoạt động 2: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN	- Đã thực hiện.				
A.1.8.3	Hoạt động 3: Ban hành Nghị định và Thông tư hướng dẫn	- Đã thực hiện.				
A.1.8.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- SC; - Mâu thuẫn giữa hạ thuế suất để tăng cường tính cạnh tranh của nền kinh tế và yêu cầu đảm bảo nguồn thu ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ chi.	Cao trong giai đoạn đầu triển khai Luật	Cao trong giai đoạn đầu triển khai Luật	TCT, Vụ CST	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.8.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	- BU; HR; DT.	Cao	Trung bình	TCT, Vụ CST, Vụ HTQT, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương.
<b>A.1.9</b>	<b>Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT</b>					

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.9.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	- Đã thực hiện.				
A.1.9.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật	- Đã thực hiện.				
A.1.9.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Đã thực hiện.				
A.1.9.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- SC; - Không đảm bảo lộ trình và cách thức thực hiện đồng nhất biểu thuế theo mục tiêu của Chiến lược tài chính đến năm 2020.	Trung bình	Cao	TCT, TCHQ, Vụ CST, Cục KHTC	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.9.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	- BU; HR.	Cao	Trung bình	TCT, TCHQ, Vụ CST, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.1.10</b>	<b>Luật Hải quan (sửa đổi)</b>					
A.1.10.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	- Đã thực hiện.				
A.1.10.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật Hải quan (sửa đổi)	- HR; FS; SC; CO.	Cao	Trung bình	TCHQ, Cục KHTC	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. - Tăng cường cơ chế phối hợp; không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.
A.1.10.3	Hoạt động 3: Tổ chức	- HR; CO.	Trung	Trung	TCHQ, Cục	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
	thực hiện Luật		bình	bình	KHTC	- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.10.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- SC. - Thiếu sự đồng bộ với các pháp luật có liên quan và mâu thuẫn giữa các đơn vị liên quan, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.	Trung bình	Cao	TCHQ, Cục KHTC	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.10.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	- BU; HR; DT.	Cao	Trung bình	TCHQ, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.1.11</b>	<b>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu</b>					
A.1.11.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	- HR; BU; DT; CO.	Cao	Trung bình	TCHQ, Vụ CST, Cục KHTC	- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.
A.1.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	- HR; FS; SC; CO; - Những tác động bất lợi từ quá trình hội nhập quốc tế.	Cao	Trung bình	Vụ CST, TCHQ, Vụ PC, Cục KHTC	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Đánh giá, dự báo để xác định những bất lợi của quá trình hội nhập quốc tế để có phương án điều chỉnh kịp thời.</li> </ul>
A.1.11.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- HR; CO.	Trung bình	Trung bình	TCHQ, Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.1.11.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- SC; - Hành vi gian lận trong áp mã tính thuế đối với một số mặt hàng xuất, nhập khẩu.	Trung bình	Cao	TCHQ, Vụ CST, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường tuyên truyền phổ biến.</li> <li>- Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Xây dựng hệ thống kiểm soát chặt chẽ trong áp mã tính thuế; có biện pháp chế tài xử lý đủ sức răn đe.</li> </ul>
A.1.11.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	TCHQ, Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài.</li> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.</li> </ul>
<b>A.1.12</b>	<b>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB</b>					
A.1.12.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	- Đã thực hiện				
A.1.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB	- HR; FS; SC; CO. - Sự khác biệt về quan điểm, không đồng thuận của xã hội trong việc xác định danh mục chịu thuế TTĐB.	Cao	Trung bình	Vụ CST, TCT, TCHQ, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>- Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Xây dựng danh mục phù hợp với thực tế xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan và mục tiêu điều tiết của Nhà nước.</li> </ul>

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- HR; CO.	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.12.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- SC.	Trung bình	Trung bình	TCT, TCHQ, Cục KHTC	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.12.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	TCT, TCHQ, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.1.13</b>	<b>Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN</b>					
A.1.13.1	Hoạt động 1: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	TCT, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.1.14</b>	<b>Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên</b>					
A.1.14.1	Hoạt động 1: Xây dựng biểu thuế suất thuế tài nguyên	- Đã thực hiện.				
A.1.14.2	Hoạt động 2: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về biểu thuế suất thuế tài nguyên	- HR; CO.	Trung bình	Trung bình	TCT, Vụ CST, Cục QLCS, Vụ PC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.14.3	Hoạt động 3: Tổng kết đánh giá 05 năm triển khai thực hiện Luật thuế tài nguyên	- HR; BU; DT; CO.	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, TCT, các đơn vị liên quan	- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo;

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.1.14.4	Hoạt động 4: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo	- HR; FS; SC; CO.	Trung bình	Thấp	Vụ CST, TCT, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>- Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
<b>A.1.15</b>	<b>Luật phí, lệ phí</b>					
A.1.15.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Pháp lệnh phí, lệ phí	- HR; BU; DT; CO.	Cao	Trung bình	TCT, Vụ CST, Vụ HCSN, Cục TCDN, TCHQ, Vụ TCNH, Vụ HTQT, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.1.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật	- HR; FS; SC; CO; - Rủi ro trong xác định danh mục phí, lệ phí; khó khăn trong việc xác định thẩm quyền ban hành giữa Trung ương và địa phương.	Cao	Cao	Vụ CST, Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>- Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng,</li> </ul>

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan. - Rà soát để đảm bảo danh mục phí lệ phí phù hợp với điều kiện và bối cảnh của Việt Nam, đồng thời đảm bảo lộ trình cải cách; Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương.
A.1.15.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- HR; CO.	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.15.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- SC.	Trung bình	Trung bình	TCT, Vụ CST, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.15.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	TCT, Vụ CST, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.1.16</b>	<b>Xây dựng chính sách động viên từ đất đai</b>					
A.1.16.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về thu tiền sử dụng đất	- HR; FS; SC; CO.	Cao	Trung bình	Cục QLCS, TCT, Vụ CST, Vụ PC	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.16.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định về tiền thuê	- HR; FS; SC; CO.	Cao	Trung bình	Cục QLCS, TCT, Vụ	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
	đất, thuê mặt nước				CST, Vụ PC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>- Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.1.16.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền phổ biến các nghị định, thông tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CO; FS;</li> <li>- Sự thiếu đồng bộ về cơ sở dữ liệu dẫn đến việc phức tạp trong triển khai thực hiện.</li> </ul>	Trung bình	Cao	Cục QLCS, TCT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường tuyên truyền phổ biến.</li> <li>- Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Tăng cường đầu tư để hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đất.</li> </ul>
A.1.16.4	Hoạt động 4: Triển khai thực hiện Đề án khai thác nguồn lực từ đất đai và tài sản Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HR; CO.</li> </ul>	Trung bình	Trung bình	Cục QLCS, TCT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
<b>A.1.17</b>	<b>Xây dựng Luật thuế bất động sản</b>					
A.1.17.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HR; BU; DT; CO.</li> </ul>	Cao	Trung bình	TCT, Vụ QLCS và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.1.17.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật và Nghị định quy định chi tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HR; FS; SC; CO.</li> </ul>	Cao	Trung bình	Vụ CST, Cục QLCS, Vụ PC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>- Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều</li> </ul>



STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						chính thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.17.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- HR; CO.	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, TCT, Vụ PC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.1.17.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- SC; - Rủi ro do tính nhạy cảm và sự thiếu đồng bộ trong triển khai thực hiện.	Trung bình	Cao	Vụ CST, TCT và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan. - Rà soát nhằm đảm bảo sự đồng bộ giữa các hệ thống văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện.
A.1.17.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	TCT, Vụ CST và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.1.18</b>	<b>Đề án tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>					
A.1.18.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	- HR; BU; DT; CO.	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, TCT, các đơn vị liên quan	- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.18.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo	- HR; FS; SC; CO.	Trung bình	Thấp	Vụ CST, TCT, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>- Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
<b>A.1.19</b>	<b>Đề án tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường</b>					
A.1.19.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường	- HR; BU; DT; CO.	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, TCT, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.1.19.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo	- HR; FS; SC; CO.	Trung bình	Thấp	Vụ CST, TCT, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>- Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
<b>A.2</b>	<b>Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia</b>					
A.2.12	<b>Luật NSNN (sửa đổi)</b>					

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.2.12.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	- Đã thực hiện.				
A.2.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật NSNN	- HR; FS; SC; CO; - Rủi ro do phạm vi tác động lớn, liên quan đến nhiều nội dung (quản lý kinh tế xã hội, phân cấp ngân sách,...).	Cao	Cao	Vụ PC Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ I, TCT, TCHQ, KBNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan. - Tiến hành đánh giá tác động đầy đủ đối với các mặt mà Luật có thể liên quan tới; Đối với những vấn đề dự kiến có những tác động rộng lớn cần tham khảo, lấy ý kiến rộng rãi trong xã hội, đặc biệt của các bên có liên quan.
A.2.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- HR; CO.	Trung bình	Trung bình	Vụ PC Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ I, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ NSNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.2.12.4	Hoạt động 4: Tuyên truyền phổ biến	- SC.	Trung bình	Trung bình	Vụ PC, Cục KHTC	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.2.12.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
					quan	phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.2.13</b>	<b>Cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước</b>					
A.2.13.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về quản lý ngân quỹ và Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện	- FS.	Cao	Thấp	KBNN	- Tăng cường rà soát đối chiếu với hệ thống văn bản pháp luật có liên quan.
A.2.13.2	Hoạt động 2: Xây dựng các hoạt động hỗ trợ phục vụ triển khai Nghị định	- Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin không đảm bảo cho quá trình triển khai thực hiện.	Trung bình	Cao	KBNN	- Tăng cường huy động nguồn lực, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; Tăng cường cơ chế phối hợp, chia sẻ, xử dụng, nâng cao tính ứng dụng của hệ thống công nghệ thông tin.
A.2.13.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền phổ biến, tập huấn và sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị định	- SC.	Trung bình	Trung bình	KBNN	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
<b>A.2.14</b>	<b>Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước</b>					
A.2.14.1	Hoạt động 1: Đánh giá sơ kết 05 năm triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và đề xuất hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách	- Đã thực hiện.				
A.2.14.2	Hoạt động 2: Tham khảo kinh nghiệm quốc tế	- BU; HR; FS.	Trung bình	Trung bình	Cục QLCS, Vụ TCCB, Cục KHTC và các cán bộ tham gia đoàn khảo sát	- Tăng cường vận động tài trợ trong và ngoài nước. - Có phương án thảo luận và lựa chọn kỹ nhóm nước cần tham khảo kinh nghiệm quốc tế và đi khảo sát. - Tuyển chọn cán bộ đi khảo sát phải có kinh nghiệm trong khảo sát quốc tế và hiểu về lĩnh vực cần khảo sát.

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.2.14.3	Hoạt động 3: Hội thảo để thảo luận về Báo cáo đánh giá thực trạng chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước	- BU; CO.	Trung bình	Thấp	Cục QLCS, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ trong và ngoài nước. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan. - Tích cực tăng cường phổ biến và vận động sự tham gia của các bên có liên quan.
A.2.14.4	Hoạt động 4: Đăng ký vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật	- SC.	Cao	Thấp	Cục QLCS	- Cần rà soát kỹ nội dung trình cấp trên phải đảm bảo là văn bản cần ban hành giải quyết được thực tiễn vướng mắc đang gặp phải. - Cử cán bộ hiểu biết về lĩnh vực và giỏi thuyết trình đi trình.
A.2.14.5	Hoạt động 5: Xây dựng Dự án Luật	- FS.	Cao	Trung bình	Cục QLCS, Cục KHTC	- Sâu sát ngay từ khâu xây dựng đề án, định kỳ kiểm tra tiến độ và chất lượng của đề án trong quá trình xây dựng, tổ chức hội thảo tham khảo ý kiến chuyên gia và dự luận về nội dung của Đề án. - Giao nhiệm vụ, quy trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận tham gia xây dựng đề án. - Tổ chức các chương trình đào tạo về lý luận, pháp luật; tổng kết rút kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ thiết kế và xây dựng đề án.
<b>A.2.15</b>	<b>Mô hình Tổng kế toán nhà nước</b>					
A.2.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thi hành Kế toán nhà nước	- Đã thực hiện.				
A.2.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng Mô hình Tổng kế toán nhà nước (về cơ chế chính sách)	- FS; - Rủi ro đây là vấn đề mới, phức tạp, phạm vi ảnh hưởng lớn.	Cao	Cao	KBNN, Cục KHTC	- Sâu sát ngay từ khâu xây dựng đề án, định kỳ kiểm tra tiến độ và chất lượng của đề án trong quá trình xây dựng, tổ chức hội thảo tham khảo ý kiến chuyên gia và dự luận về nội dung của Đề án. - Giao nhiệm vụ, quy trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận tham gia xây dựng đề án. - Tổ chức các chương trình đào tạo về lý luận, pháp luật; tổng kết rút kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ thiết kế và xây dựng đề án. - Tăng cường nghiên cứu phương pháp luận phù hợp, học tập kinh nghiệm quốc tế đối với vấn đề có liên quan; Trong quá trình xây dựng đề cao công tác đánh giá

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						tác động đối với các đối tượng thụ hưởng và đối tượng chịu tác động, xây dựng các phương án khác nhau nhằm xin ý kiến rộng rãi trong xã hội và các bên liên quan.
A.2.15.3	Hoạt động 3: Xây dựng khung pháp lý để thực hiện chức năng Tổng Kế toán nhà nước	- FS; - Rủi ro đây là vấn đề mới, phức tạp, phạm vi ảnh hưởng lớn.	Cao	Cao	KBNN, Cục KHTC	- Sâu sát ngay từ khâu xây dựng đề án, định kỳ kiểm tra tiến độ và chất lượng của đề án trong quá trình xây dựng, tổ chức hội thảo tham khảo ý kiến chuyên gia và dư luận về nội dung của Đề án. - Giao nhiệm vụ, quy trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận tham gia xây dựng đề án. - Tổ chức các chương trình đào tạo về lý luận, pháp luật; tổng kết rút kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ thiết kế và xây dựng đề án. - Tăng cường nghiên cứu phương pháp luận phù hợp, học tập kinh nghiệm quốc tế đối với vấn đề có liên quan; Trong quá trình xây dựng đề cao công tác đánh giá tác động đối với các đối tượng thụ hưởng và đối tượng chịu tác động, xây dựng các phương án khác nhau nhằm xin ý kiến rộng rãi trong xã hội và các bên liên quan.
A.2.15.4	Hoạt động 4: Tổ chức bộ máy và hệ thống thông tin	- BU; HR.	Trung bình	Thấp	KBNN, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ trong và ngoài nước. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.
<b>A.2.16</b>	<b>Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật giá</b>					
A.2.16.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thi hành Pháp lệnh về giá	- Đã thực hiện.				
A.2.16.2	Hoạt động 2: Xây dựng Đề án Luật giá	- Đã thực hiện.				
A.2.16.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Đã thực hiện.				
A.2.16.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- Đã thực hiện.				
A.2.16.5	Hoạt động 5: Sơ kết 1 năm thực hiện Luật	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	Cục QLGV Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương.

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
					đơn vị liên quan	- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.3</b>	<b>Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công</b>					
<b>A.3.5</b>	<b>Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập</b>					
A.3.5.1	Hoạt động 1: Đánh giá tình hình thực hiện Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Tổng kết đánh giá Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006)	- Đã thực hiện.				
A.3.5.2	Hoạt động 2: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ	- HR; FS; SC; CO; - Rủi ro do có sự phân hóa, khác biệt về đặc thù giữa các ngành, lĩnh vực, vùng miền khiến cho Nghị định khó đảm bảo tính toàn diện, bao trùm trong quá trình áp dụng.	Cao	Cao	Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan. - Xem xét khả năng ứng dụng của Nghị định đối với các đối tượng thụ hưởng khác nhau, sớm tìm ra những điểm bất hợp lý, tiến hành sửa đổi kịp thời, cân đối giữa mục tiêu cải cách và nhiệm vụ cần đảm bảo của các đơn vị chịu tác động.
A.3.5.3	Hoạt động 3: Ban hành Thông tư hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện	- CO; FS.	Trung bình	Trung bình	Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
					liên quan	
<b>A.3.6</b>	<b>Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác</b>					
A.3.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá hệ thống chính sách về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	- Đã thực hiện.				
A.3.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định, Thông tư hướng dẫn	- HR; FS; SC; CO; - Rủi ro do có sự phân hóa, khác biệt về đặc thù giữa các ngành, lĩnh vực, vùng miền khiến cho Nghị định khó đảm bảo tính toàn diện, bao trùm trong quá trình áp dụng.	Cao	Cao	Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan. - Xem xét khả năng ứng dụng của Nghị định đối với các đối tượng thụ hưởng khác nhau, sớm tìm ra những điểm bất hợp lý, tiến hành sửa đổi kịp thời, cân đối giữa mục tiêu cải cách và nhiệm vụ cần đảm bảo của các đơn vị chịu tác động.
A.3.6.3	Hoạt động 3: Ban hành Thông tư hướng dẫn, triển khai thực hiện	- CO; FS.	Trung bình	Trung bình	Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
<b>A.4</b>	<b>Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN</b>					
<b>A.4.6</b>	<b>Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp</b>					
A.4.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá thực trạng chính sách,	- Đã thực hiện.				



STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
	pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất kinh doanh					
A.4.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự thảo Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp	- HR; FS; SC; CO; - Rủi ro về thời hạn xây dựng Đề án; - Rủi ro do đây là Luật mới, có mức độ và phạm vi tác động lớn, yêu cầu đồng bộ với các hệ thống văn bản pháp luật khác (Luật đầu tư công, Luật NSNN,...).	Cao	Cao	Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và Ban soạn thảo Luật	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan. - Đốc thúc, phối hợp thực hiện đúng tiến độ. - Trong quá trình xây dựng cần tham khảo rộng rãi ý kiến của các bên có liên quan, rà soát tính đồng bộ với hệ thống văn bản pháp luật hiện có, đảm bảo tính tiên tiến, phù hợp với lộ trình cải cách.
A.4.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp	- HR; CO.	Trung bình	Trung bình	Cục TCDN, VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.4.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	Cục TCDN, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
A.4.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	Cục TCDN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.4.7</b>	<b>Thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa</b>					

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.4.7.1	Hoạt động 1: Đánh giá thực trạng cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa	- Đã thực hiện.				
A.4.7.2	Hoạt động 2: Xây dựng nội dung và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa	- HR; FS; - Rủi ro do không nhận được sự đồng thuận hoặc không phù hợp với điều kiện thực tế của các đơn vị thụ hưởng.	Cao	Cao	Cục TCDN, Cục KHTC, Ban soạn thảo Quyết định	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Trong quá trình xây dựng, đề cao mục tiêu cải cách, đảm bảo lợi ích chính đáng, hợp lý của các đối tượng có liên quan; Xây dựng cơ chế phù hợp và có lộ trình đảm bảo tính hiệu lực trong quá trình thực hiện.
A.4.7.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	- HR; CO.	Trung bình	Trung bình	Cục TCDN, Cục KHTC	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.4.7.4	Hoạt động 4: Đánh giá sơ kết 2 năm thực hiện	- SC.	Trung bình	Trung bình	Cục TCDN, Cục KHTC	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
<b>A.5</b>	<b>Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính</b>					
<b>A.5.12</b>	<b>Phát triển thị trường chứng khoán phái sinh</b>					
A.5.12.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về phát triển thị trường chứng khoán phái sinh	- HR, FS, SC - Rủi ro do điều kiện thị trường trong nước chưa phù hợp, hệ thống các định chế tài chính phát triển chưa hoàn thiện.	Trung bình	Cao	UBCKNN	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Tăng cường rà soát hồ sơ, đảm bảo sự đồng bộ và cơ sở pháp lý của văn bản. - Trong quá trình xây dựng chú trọng nghiên cứu các điều kiện đảm bảo sự phát triển của thị trường chứng khoán phái sinh; Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						tăng, pháp luật cần thiết.
A.5.12.2	Hoạt động 2: Tổ chức triển khai, ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định	- CO; FS.	Trung bình	Trung bình	UBCKNN	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.5.12.3	Hoạt động 3: Sơ kết 1 năm thực Nghị định	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	UBCKNN	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.5.13</b>	<b>Phát triển hoạt động định mức tín nhiệm</b>					
A.5.13.1	Hoạt động 1: Xây dựng nghị định quy định về thành lập và hoạt động của tổ chức định mức tín nhiệm	- Đã thực hiện.				
A.5.13.2	Hoạt động 2: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Nghị định, và xây dựng Thông tư hướng dẫn	- SC.	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH, Cục KHTC	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.5.13.3	Hoạt động 3: Sơ kết 1 năm thực thi Nghị định	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	Vụ TCNH, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.5.14</b>	<b>Hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện</b>					
A.5.14.1	Hoạt động 1: Xây dựng Đề án hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện	- Đã thực hiện.			Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	
A.5.14.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định về Quỹ hưu trí tự nguyện	- HR, FS, SC.	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						- Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Tăng cường rà soát hồ sơ, đảm bảo sự đồng bộ và cơ sở pháp lý của văn bản.
A.5.14.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Nghị định	- CO; FS.	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.5.14.4	Hoạt động 4: Sơ kết 1 năm triển khai Nghị định	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.5.15</b>	<b>Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán</b>					
A.5.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá vai trò, vị trí, chức năng nhiệm vụ của UBCKNN giai đoạn trước khi ban hành Luật Chứng khoán (sửa đổi)	- HR; BU; DT; CO; - Phụ thuộc vào quan điểm của Chính phủ và tiến trình sửa đổi Luật chứng khoán.	Cao	Trung bình	UBCKNN Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan. - Tăng cường tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan có liên quan; tạo điều kiện, theo dõi chặt chẽ tiến trình xây dựng Luật chứng khoán (sửa đổi).
A.5.15.2	Hoạt động 2: KIỆN TOÀN tổ chức nâng cao vị thế của UBCKNN trong hoạt động quản lý TTCK	- HR; SC; CO; BU.	Trung bình	Trung bình	UBCKNN Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường nâng cao năng lực của tổ chức, hoàn thiện cơ sở pháp lý về vai trò vị thế của UBCKNN, rà soát về chức năng nhiệm vụ và mô hình quản lý để phù hợp với thực tiễn và yêu cầu trong quản lý. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan. - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài.

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
<b>A.5.16</b>	<b>Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán</b>					
A.5.16.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thực hiện các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kiểm toán	- HR; BU; DT; CO.	Cao	Trung bình	Vụ CĐKT, Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.5.16.2	Hoạt động 2: Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung Hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	- HR; FS; SC; CO; - Rủi ro từ lộ trình, cách thức, biện pháp áp dụng.	Trung bình	Thấp	Vụ HTQT, Cục KHTC, Vụ CĐKT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>- Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Trong quá trình xây dựng, đề ra các phương án khác nhau phù hợp với những điều kiện, mục tiêu khác nhau; Tham khảo, lấy ý kiến rộng rãi trong xã hội đặc biệt là của các đối tượng trực tiếp thụ hưởng và bị tác động; Đảm bảo các điều kiện, nhân lực để tiến hành các chương trình phổ biến có hiệu quả.</li> </ul>
A.5.16.3	Hoạt động 3: Tuyên truyền, phổ biến	- SC.	Trung bình	Trung bình	Vụ CĐKT, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường tuyên truyền phổ biến.</li> <li>- Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
<b>A.5.17</b>	<b>Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán</b>					
A.5.17.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Kế toán	- HR; BU; DT; CO.	Cao	Trung bình	Vụ CĐKT, Vụ PC, Cục TCDN, Vụ TCNH, Cục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực</li> </ul>

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
					QL&GSBH, TCT, Cục KHTC các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.5.17.2	Hoạt động 2: Xây dựng Đề án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán	<ul style="list-style-type: none"> <li>HR; FS; SC; CO;</li> <li>Rủi ro đến từ phạm vi tác động rộng của Luật, mức độ phức tạp trong hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan.</li> </ul>	Trung bình	Thấp	Vụ CĐKT, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.</li> <li>Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> <li>Tiến hành đánh giá tác động đầy đủ ở nhiều mặt và đối với nhiều đối tượng chịu tác động khác nhau; Rà soát nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống văn bản có liên quan.</li> </ul>
A.5.17.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- HR; CO.	Trung bình	Trung bình	Vụ CĐKT, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.5.17.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- CO; SC; BU; HR.	Trung bình	Trung bình	Vụ CĐKT, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng cường tuyên truyền phổ biến.</li> <li>Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan.</li> <li>Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> <li>Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài.</li> <li>Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương.</li> </ul>
A.5.17.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực thi Luật	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	Vụ CĐKT, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài.</li> <li>Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương.</li> <li>Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.</li> </ul>
<b>A.6</b>	<b>Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính</b>					

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
<b>A.6.2</b>	<b>Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế</b>					
A.6.2.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thực hiện các cam kết	- HR; BU; DT; CO.	Cao	Trung bình	Vụ HTQT và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.6.2.2	Hoạt động 2: Đề xuất các giải pháp tiếp theo để thực hiện cam kết trong giai đoạn mới	- HR; FS; SC; CO.	Trung bình	Thấp	Vụ HTQT và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>- Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.6.2.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện và sơ kết đánh giá	- CO; SC;BU; HR; DT.	Trung bình	Trung bình	Vụ HTQT và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường tuyên truyền phổ biến.</li> <li>- Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài.</li> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.</li> </ul>
<b>A.7</b>	<b>Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia</b>					
A.7.6	<b>Triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)</b> - Luật số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội					

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.7.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2005	- Đã thực hiện.				
A.7.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)	- Đã thực hiện.				
A.7.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- HR; CO.	Trung bình	Trung bình	Vụ PC, VPB, Cục KHTC	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.7.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật	- SC.	Trung bình	Trung bình	Vụ PC, Cục KHTC	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.
A.7.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	Vụ PC, VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.7.7</b>	<b>Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính</b>					
A.7.7.1	Hoạt động 1: Phân tích dự báo và xây dựng mô hình	- HR; FS; BU; CO; DT.	Cao	Trung bình	Viện CL&CSTC, Cục TH&TKTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo; Có chính sách thu hút nhân tài trong lĩnh vực có liên quan. - Xây dựng mô hình đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu quả trong áp dụng. - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án xây dựng mô hình phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của



STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						số liệu.
A.7.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá tác động chính sách	- HR; BU; DT; CO; FS.	Cao	Trung bình	Viện CL&CSTC, Cục TH&TKTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Thực hiện đánh giá đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu quả trong áp dụng; Thực hiện giám sát chặt chẽ các bước trong toàn bộ quá trình.</li> </ul>
<b>A.7.8</b>	<b>Đề án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia</b>					
A.7.8.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có	- HR; BU; DT; CO.	Cao	Trung bình	Cục QLN&TCĐN, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.7.8.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu	- HR; FS; CO; - Hệ thống cơ sở hạ tầng không đáp ứng .	Cao	Trung bình	Cục QLN&TCĐN, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phù hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng, có khả năng nâng cấp cho phù hợp với sự phát triển nâng cấp của hệ thống cơ sở hạ tầng.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
A.7.8.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm	- Không nhận được sự đồng thuận phối hợp của các đơn	Trung bình	Cao	Cục QLN&TCĐN, Cục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp và nâng cao tính khả thi, tính hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan.</li> </ul>

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
		<ul style="list-style-type: none"> <li>vị thụ hưởng;</li> <li>- Kết quả thí điểm không đạt yêu cầu mong đợi.</li> </ul>			TH&TKTC, các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở dữ liệu ngay từ khâu xây dựng; Không ngừng hoàn thiện và nâng cấp trong quá trình thực hiện thí điểm.</li> <li>- Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ là đối tượng thụ hưởng trước và trong khi thực hiện.</li> </ul>
A.7.8.4	Hoạt động 4: Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về nợ công và nợ nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nhận được sự đồng thuận phối hợp của các đơn vị thụ hưởng;</li> <li>- Kết quả áp dụng không đạt yêu cầu mong đợi;</li> <li>- Hệ thống cơ sở hạ tầng không đáp ứng.</li> </ul>	Cao	Cao	Cục QLN&TCĐN, Cục TH&TKTC, các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp và nâng cao tính khả thi, tính hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan.</li> <li>- Nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở dữ liệu ngay từ khâu xây dựng; Thông qua thí điểm áp dụng, khắc phục kịp thời những bất cập; Không ngừng hoàn thiện và nâng cấp trong quá trình thực hiện.</li> <li>- Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ là đối tượng thụ hưởng trước và trong khi thực hiện.</li> <li>- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phù hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng, có khả năng nâng cấp cho phù hợp với sự phát triển nâng cấp của hệ thống cơ sở hạ tầng.</li> </ul>
A.7.8.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	Cục QLN&TCĐN, Cục TH&TKTC, các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài.</li> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.</li> </ul>
<b>A.8</b>	<b>Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính</b>					
<b>A.8.7</b>	<b>Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính</b>					
A.8.7.1	Hoạt động 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HR; CO; FS; SC;</li> <li>- Phụ thuộc vào tiến trình cải cách thể chế và các tiến trình cải cách hành chính khác.</li> </ul>	Trung bình	Trung bình	Vụ PC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Sâu sát ngay từ khâu xây dựng Đề án, định kỳ kiểm tra tiến độ và chất lượng của Đề án trong quá trình xây dựng, tổ chức Hội thảo tham khảo ý kiến chuyên gia và dư luận.</li> </ul>

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận tham gia xây dựng Đề án.</li> <li>- Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.</li> <li>- Xây dựng tiến trình đổi mới bám sát với tiến trình cải cách thể chế và phù hợp với các hệ thống hành chính có liên quan.</li> </ul>
A.8.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế	- HR; BU; DT; CO.	Trung bình	Trung bình	Vụ PC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
<b>A.8.8</b>	<b>Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính</b>					
A.8.8.1	Hoạt động 1: Tổ chức công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CO; SC; BU; HR;</li> <li>- Cách thức tổ chức tuyên truyền không phù hợp, thiếu hiệu quả, không phù hợp với đối tượng thụ hưởng.</li> </ul>	Trung bình	Trung bình	Vụ PC, VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường tuyên truyền phổ biến.</li> <li>- Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài.</li> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương.</li> <li>- Xây dựng các chương trình tuyên truyền phù hợp với thực tiễn, trình độ, năng lực, nhu cầu của đối tượng thụ hưởng, đồng thời đảm bảo tính hiệu quả, phù hợp với các nguồn lực hiện có.</li> </ul>
<b>A.8.9</b>	<b>Hệ thống Thông tin Quản lý Tài chính Chính phủ - GFMIS</b>					
A.8.9.2	Hoạt động 2: Trình và phê duyệt mô hình và lộ trình triển khai xây dựng Hệ thống Thông tin Quản lý Tài chính Công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HR; FS; CO;</li> <li>- Thiếu sự cam kết từ lãnh đạo cấp cao đối với GFMIS;</li> <li>- Triển khai GFMIS mà</li> </ul>	Trung Bình	Trung Bình	Cục TH&TKTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Lãnh đạo quản lý cấp cao cần được tư vấn kỹ lưỡng và thường xuyên quan tâm,</li> </ul>

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro	
	(GFMIS)	không hiểu kỹ quy trình tái cơ cấu và phương pháp triển khai.				<ul style="list-style-type: none"> <li>chú trọng vào dự án.</li> <li>Quản lý dự án chặt chẽ kết hợp với hiểu biết chuyên môn, kỹ thuật công nghệ sâu sắc sẽ giảm thiểu rủi ro.</li> </ul>	
A.8.9.3	Hoạt động 3: Chuẩn bị đầu tư (Giai đoạn trước khi triển khai)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HR; BU; DT; CO;</li> <li>- Xác định các quy trình/chức năng bổ sung mà chưa có trong GFMIS ban đầu;</li> <li>- Công nghệ không phù hợp dẫn đến tăng chi phí không cần thiết cho hoạt động vận hành và bảo trì.</li> </ul>	Trung Bình	Cao	Cục TH&TKTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Ứng dụng này cần có khả năng hỗ trợ việc thêm/ bổ sung các chức năng ngoài phạm vi hiện tại của dự án.</li> <li>- Nên lựa chọn công nghệ dựa trên các yêu cầu nghiệp vụ và các kỹ năng.</li> </ul>	
A.8.9.4	Hoạt động 4: Thực hiện đầu tư (Giai đoạn triển khai)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nhận được sự đồng thuận phối hợp của các đơn vị thụ hưởng;</li> <li>- Kết quả thí điểm không đạt yêu cầu mong đợi;</li> <li>- Hệ thống công nghệ cao nhưng phức tạp dẫn đến người dùng không sử dụng hệ thống.</li> </ul>	Trung Bình	Trung Bình	Cục TH&TKTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp và nâng cao tính khả thi, tính hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan.</li> <li>- Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin ngay từ khâu xây dựng; Không ngừng hoàn thiện và nâng cấp trong quá trình thực hiện thí điểm.</li> <li>- Dự án nên hướng tới yêu cầu nghiệp vụ hơn là yêu cầu về công nghệ và nên chú trọng vào tính đơn giản, dễ sử dụng.</li> </ul>	
<b>A.8.10</b>	<b>Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025</b>						
A.8.10.1	Hoạt động 1: Đánh giá kết quả triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2011 – 2015	- HR; BU; DT; CO.		Cao	Trung bình	Cục TH&TKTC, và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của</li> </ul>

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						số liệu. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.
A.8.10.2	Hoạt động 2: Phát triển tầm nhìn CNTT&TT và kế hoạch tổng thể về CNTT&TT của ngành Tài chính	- HR; FS; CO; - Thiếu sự cam kết từ lãnh đạo cấp cao; - Triển khai mà không hiểu kỹ quy trình tái cơ cấu và phương pháp triển khai.	Trung Bình	Trung Bình	Cục TH&TKTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan. - Lãnh đạo quản lý cấp cao cần được tư vấn kỹ lưỡng và thường xuyên quan tâm, chú trọng vào dự án. - Quản lý dự án chặt chẽ kết hợp với hiểu biết chuyên môn, kỹ thuật công nghệ sâu sắc sẽ giảm thiểu rủi ro.
A.8.10.3	Hoạt động 3: Phát triển khung kiến trúc tác nghiệp, ứng dụng, thông tin và hạ tầng cho ngành Tài chính	- HR; FS; CO; - Các bên liên quan không thể hiện sự quan tâm nhiều đến kiến trúc ứng dụng CNTT Bộ Tài chính;	Trung Bình	Trung Bình	Cục TH&TKTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan. - Cần liên tục tham khảo ý kiến các bên liên quan và tất cả ý kiến cần được thảo luận để đưa ra quyết định.
A.8.10.4	Hoạt động 4: Phát triển khung giám sát, quản lý CNTT&TT ngành Tài chính	- Hệ thống công nghệ cao nhưng phức tạp; - Công nghệ không phù hợp.				- Việc định hướng triển khai theo công nghệ cần phù hợp với hiện trạng của ngành, tận dụng tối đa nguồn lực đã đầu tư; chú trọng vào tính đơn giản, dễ sử dụng. - Nên lựa chọn công nghệ dựa trên các yêu cầu nghiệp vụ và các kỹ năng.
A.8.10.5	Hoạt động 5: Đào tạo kỹ năng ứng dụng và nâng cao năng lực quản lý chiến lược và quản trị CNTT&TT ngành Tài chính.	- CO; FS; - Hệ thống công nghệ cao nhưng phức tạp.	Trung bình	Trung bình	Cục TH&TKTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền phổ biến. - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan. - Việc định hướng triển khai theo công nghệ cần phù hợp với hiện trạng của ngành, tận dụng tối đa nguồn lực đã đầu tư; chú trọng vào tính đơn giản, dễ sử dụng.
<b>A.8.11</b>	<b>Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá</b>					
A.8.11.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có	- HR; BU; DT; CO.	Cao	Trung bình	Cục QLG, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương	- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						số liệu. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.
A.8.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu	- HR; FS; CO; - Hệ thống công nghệ cao nhưng phức tạp; - Công nghệ không phù hợp.	Trung Bình	Trung Bình	Cục QLG, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan. - Việc định hướng triển khai theo công nghệ cần phù hợp với hiện trạng của ngành, tận dụng tối đa nguồn lực đã đầu tư; chú trọng vào tính đơn giản, dễ sử dụng. - Nên lựa chọn công nghệ dựa trên các yêu cầu nghiệp vụ và các kỹ năng.
A.8.11.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua tại một số đơn vị, địa phương	- Không nhận được sự đồng thuận phối hợp của các đơn vị thụ hưởng; - Kết quả thí điểm không đạt yêu cầu mong đợi; - Nguồn nhân lực của địa phương không đáp ứng.	Trung bình	Cao	Cục QLG, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương	- Tăng cường cơ chế phối hợp và nâng cao tính khả thi, tính hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan. - Nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở dữ liệu ngay từ khâu xây dựng; Không ngừng hoàn thiện và nâng cấp trong quá trình thực hiện thí điểm. - Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ là đối tượng thụ hưởng trước và trong khi thực hiện.
A.8.11.4	Hoạt động 4: Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	- Không nhận được sự đồng thuận phối hợp của các đơn vị thụ hưởng; - Kết quả áp dụng không đạt yêu cầu mong đợi; - Nguồn nhân lực của địa phương không đáp ứng; - Hệ thống cơ sở hạ tầng không đáp ứng.	Cao	Cao	Cục QLG, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương	- Tăng cường cơ chế phối hợp và nâng cao tính khả thi, tính hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan. - Nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở dữ liệu ngay từ khâu xây dựng. - Thông qua thí điểm áp dụng, khắc phục kịp thời những bất cập; Không ngừng hoàn thiện và nâng cấp trong quá trình thực hiện. - Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ là đối tượng thụ hưởng trước và trong khi thực hiện. - Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phù hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng, có khả năng nâng cấp cho phù hợp với sự phát triển nâng cấp của hệ thống cơ sở hạ tầng.
A.8.11.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện	- BU; HR; DT.	Thấp	Trung bình	Cục QLG, các Bộ, Cục KHTC, ngành và địa phương	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài. - Đề cao nguồn lực tại chỗ; Tăng cường nguồn lực phối hợp từ các Bộ, ngành, địa phương. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát.
<b>A.8.12</b>	<b>Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước</b>					

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.8.12.1	Hoạt động 1: Rà soát, chuẩn hóa Cơ sở dữ liệu quốc gia hiện có	- Đã thực hiện				
A.8.12.2	Hoạt động 2: Nâng cấp lần 1 phần mềm đăng ký quản lý TSNN hiện hành: mục đích cập nhật tất cả TSNN đủ điều kiện là TSCĐ tại khu vực hành chính sự nghiệp vào phần mềm	- HR; FS; CO; - Hệ thống cơ sở hạ tầng không đáp ứng .	Cao	Trung bình	Cục QLCS, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị, địa phương có liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phù hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng, có khả năng nâng cấp cho phù hợp với sự phát triển nâng cấp của hệ thống cơ sở hạ tầng. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.
A.8.12.3	Hoạt động 3: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 2) để cập nhật TSNN là công trình cấp nước sạch nông thôn	- HR; FS; CO.	Cao	Trung bình	Cục QLCS, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị, địa phương có liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.
A.8.12.4	Hoạt động 4: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 3) để cập nhật TSNN là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	- HR; FS; CO.	Cao	Trung bình	Cục QLCS, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị, địa phương có liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.
A.8.12.5	Hoạt động 5: Xây dựng dữ liệu đối với một số loại TSNN còn lại để kết nối vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN	- HR; FS; CO.	Cao	Trung bình	Cục QLCS, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị, địa phương có liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.
<b>B.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2010 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020</b>					

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
<b>B.1</b>	<b>Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 - 2020</b>					
<b>B.1.1</b>	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết thực hiện Kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm 2011 - 2015	- HR; BU; DT; CO.	Trung bình	Trung bình	Vụ NSNN, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> </ul>
<b>B.1.2</b>	Hoạt động 2: Xây dựng Kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm 2016 – 2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HR; FS; SC; CO;</li> <li>- Xây dựng các định hướng ưu tiên, các nhiệm vụ trọng tâm không đồng bộ, không phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội chung, của ngành và địa phương.</li> </ul>	Cao	Trung bình	Các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng.</li> <li>- Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan.</li> <li>- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.</li> <li>- Xây dựng kế hoạch tài chính ngân sách cần đảm bảo thực hiện các mục tiêu phát triển đã đề ra, hài hòa lợi ích giữa các bên, phù hợp với lộ trình cải cách, nâng cao tính tự chủ của các đơn vị phụ thuộc, của các địa phương.</li> </ul>
<b>B.2</b>	<b>Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 – 2015 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 – 2020</b>					
<b>B.2.1</b>	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 - 2015	- HR; BU; DT; CO.	Trung bình	Trung bình	Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp.</li> <li>- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo.</li> <li>- Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.</li> <li>- Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu.</li> </ul>



STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						- Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.
B.2.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2016 - 2020	- HR; FS; SC; CO.	Trung bình	Thấp	Viện CL&CSTC, các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.
<b>B.3</b>	<b>Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020 (Phục vụ Quốc hội nhiệm kỳ XIV)</b>					
B.3.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật giai đoạn 2011 – 2015 triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020	- HR; BU; DT; CO; - Chương trình gắn với các định hướng lớn về cải cách thể chế.	Trung bình	Trung bình	Vụ PC, các đơn vị liên quan	- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí. - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan. - Xây dựng chương trình dựa trên các định hướng cải cách thể chế của Chính phủ, đồng thời có định hướng, yêu cầu rõ ràng trong quá trình xây dựng.
B.3.2	Hoạt động 2: Xây dựng “Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020”	- HR; FS; SC; CO.	Trung bình	Thấp	Vụ PC, các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp. - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo. - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng. - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan. - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan.

**BẢNG 5. CÁC ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2020**  
**(theo Quyết định số 224/QĐ-Bộ Tài chính và rà soát bổ sung mới)**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
<b>A.</b>		<b>CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN</b>				
<b>A.1</b>		<b>Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia</b>				
<b>A.1.1</b>	<b>03</b>	<b>Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020</b>	- Đã hoàn thành chiến lược, triển khai thực hiện chiến lược - Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020	2011 - 2020	TCT	Vụ CST, Cục KHTC, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
<b>A.1.2</b>	<b>04</b>	<b>Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020</b>	- Đã hoàn thành chiến lược, triển khai thực hiện chiến lược - Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Hải quan đến năm 2020	2011 - 2020	TCHQ	Vụ CST, Cục KHTC, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
<b>A.1.3</b>	<b>05</b>	<b>Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030</b>	- Đã hoàn thành chiến lược, triển khai thực hiện chiến lược - Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 27/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	2012 - 2020	Cục QLN&TCĐN	Vụ NSNN, Vụ ĐT, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
<b>A.1.4</b>	<b>06</b>	<b>Luật thuế thu nhập cá nhân</b>	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện Luật - Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 của Quốc hội về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân	2011 - 2012	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
<b>A.1.5</b>	<b>14</b>	<b>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế</b>	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện Luật - Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế	2012 - 2013	TCT	TCHQ, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.1.6	16	Quỹ phát triển hạ tầng cơ sở	- Đang hoàn thiện	2012 - 2013	Vụ TCNH	Cục QLN&TCĐN, Vụ ĐT, Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.7	17	Khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai và tài sản nhà nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020	- Đã hoàn thành	2012 - 2013	Cục QLCS	Vụ CST, Vụ ĐT, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.1.8	07	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2017	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Cục KHTC, các đơn vị liên quan
A.1.9	08	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2016	Vụ CST,	TCT, TCHQ, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.10	15	Xây dựng Luật Hải quan (sửa đổi)	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2018	TCHQ	Vụ PC, Cục KHTC các đơn vị liên quan
A.1.11	9	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2017	Vụ CST, TCHQ	Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.12	10	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2019	Vụ CST,	TCT, TCHQ, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.13		Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN	- MTAP 2014 - 2016	2015 - 2016	TCT	Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.14	13	Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên	- Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên - MTAP 2014 - 2016 triển khai thực hiện Nghị quyết 712/2013/UBTVQH13	2013 - 2016	Vụ CST	TCT, QLCS và các đơn vị liên quan
A.1.15	11	Xây dựng Luật phí, lệ phí	- MTAP 2014 - 2016	2016 - 2019	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Vụ HCSN, Cục TCDN, Vụ I, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.16	Mới	Xây dựng chính sách động viên từ đất đai	- MTAP 2014 - 2016	2013-2015	Cục QLCS	TCT, Vụ CST, Vụ PC và

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
						các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.17	12	Xây dựng Luật thuế bất động sản	- MTAP 2014 - 2016	2016 - 2020	Vụ CST	TCT, Cục QLCS, Vụ PC, Cục KHTC, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.18	Mới	Tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	- MTAP 2014 - 2016	2015	Vụ CST	TCT, các đơn vị liên quan
	Mới	Tổng kết, đánh giá 03 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường	- MTAP 2014 - 2016	2015	Vụ CST	TCT, Các đơn vị liên quan
A.2		<b>Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia</b>				
A.2.1	01	Kế hoạch tài chính – ngân sách 5 năm 2011 – 2015	- Đã hoàn thành	2011 - 2015	Vụ NSNN	Các đơn vị liên quan
A.2.2	18	Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020	- Đã hoàn thành và triển khai đề án - Quyết định số 138/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020	2011 - 2020	KBNN	Vụ NSNN, Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.2.3	20	Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020	- Đã hoàn thành và triển khai đề án - Quyết định số 2091/QĐ-TTg ngày 28/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020	2011 - 2020	TCDTNN	Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục KHTC, Vụ PC, Vụ I, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.2.4	24	Luật Dự trữ quốc gia	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện Luật - Luật số 22/2012/QH13 của Quốc hội ngày 20/11/2012 về Luật dự trữ quốc gia	2011 - 2012	TCDTNN	Vụ NSNN, Cục QLG, Vụ PC, Vụ I và các đơn vị liên quan
A.2.5	25	Đề án tạo nguồn cải cách tiền lương	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2011 - 2013	Vụ NSNN	Vụ HCSN, Vụ PC, Vụ I, Cục TCDN, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.2.6	26	Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan quản lý Nhà nước	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2020	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.2.7	27	Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước – Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	- Đã ban hành Nghị định số 66/2012/NĐ-CP ngày 6/9/2012 quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11/1/2013 về quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	2012 - 2015	Cục QLCS	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.8	28	Mô hình quản lý đầu tư công (Số 28)	- Phối hợp với bộ KHĐT	2012 – 2013	Bộ KHĐT	Vụ ĐT, Vụ NSNN, KBNN và các đơn vị liên quan
A.2.9	29	Thực hiện cơ chế giá thị trường đối với dịch vụ kết cấu hạ tầng	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2013	Cục QLG và Cục QLCS	Vụ ĐT, Vụ CST và các đơn vị liên quan
A.2.10	30	Quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của nhà nước, xây dựng lộ trình điều chỉnh giá một số mặt hàng thiết yếu	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá; Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn	2012	Cục QLG, Vụ HCSN	Cục TCDN và các đơn vị liên quan
A.2.11	35	Đổi mới quy chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, cung cấp dịch vụ công sử dụng NSNN	- Phối hợp với Bộ KHĐT trong việc xây dựng Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 về Luật Đấu thầu	2014 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.2.12	21	Luật NSNN (sửa đổi)	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2017	Vụ PC	Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ I, Cục KHTC, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ NSNN và các đơn vị liên quan
A.2.13	22	Cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2017	KBNN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.14	27	Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2015	Cục QLCS	Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
						liên quan
A.2.15	19	Mô hình Tổng kế toán nhà nước	- MTAP 2014 - 2016	2012 - 2020	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CĐKT, Vụ TCCB, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC, và các đơn vị liên quan
A.2.16	23	Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật giá	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2015	Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.3		<b>Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hoá nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công</b>				
A.3.1	32	Đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực y tế	- Phối hợp với Bộ Y tế - Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập	2012 - 2013	Bộ Y tế	Vụ HCSN, Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.3.2	33	Đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo	- Phối hợp với Bộ GD&ĐT	2012 - 2013	Bộ GD&ĐT	Vụ HCSN, Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.3.3	34	Đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ	- Phối hợp với Bộ KH&CN	2012 - 2013	Bộ KH&CN	Vụ HCSN, Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.3.4	37	Tiêu chí xác định đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp	- Đã hoàn thành - Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa	2011 - 2012	Cục QLCS	Vụ HCSN và các đơn vị liên quan
A.3.5	31	Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	- MTAP 2014 - 2016	2012 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.3.6	Mới	Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4		<b>Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN</b>				
A.4.1	38	Tái cấu trúc DNNN, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện đề án - Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011- 2015”	2012 - 2015	Cục TCDN	Vụ TCNH, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.2	39	Hoàn thiện cơ chế quản lý đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện đề án - Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp - Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 Về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ - Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước	2012 - 2013	Cục TCDN	Vụ PC, Vụ NSNN, Vụ ĐT, Vụ TCNH, UBCKNN và các đơn vị liên quan
A.4.3	41	Hoàn thiện cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện đề án - Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	2012 - 2013	Cục TCDN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.4.4	43	Tái cơ cấu và nâng cao năng lực công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện xử lý nợ, tái cơ cấu các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện đề án - Quyết định số 1905/QĐ-BTC ngày 9/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Công ty Mua bán nợ Việt Nam	2012 - 2013	Cục TCDN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.4.5	42	Hoàn thiện cơ chế xử lý nợ trong quá trình tái cơ cấu DNNN	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện đề án - Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	2013	Cục TCDN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.4.6	40	Luật đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2017	Cục TCDN	Vụ ĐT, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC, và các đơn vị liên quan
A.4.7	36	Thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2016	Cục TCDN	Vụ PC, Vụ HCSN, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.5		<b>Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính</b>				
A.5.1	44	Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020	- Đã hoàn thành, triển khai chiến lược - Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 15/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020	2012 - 2020	Cục QL&GSBH	Vụ TCNH, UBCKNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.5.2	45	Đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020	- Đã hoàn thành, triển khai đề án - Quyết định số 128/2007/QĐ-TTg ngày 2/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020	2011 - 2020	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục QL&GSBH, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.5.3	46	Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến năm 2020	- Đã hoàn thành, triển khai chiến lược - Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 1/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020	2012 - 2020	UBCKNN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.4	47	Tái cấu trúc thị trường chứng khoán	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Quyết định số 1826/2012/QĐ-TTg ngày 6/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tái cấu trúc thị trường chứng khoán à doanh nghiệp bảo hiểm	2012 - 2013	UBCKNN	Vụ TCNH, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan



TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.5.5	47	Tái cấu trúc các doanh nghiệp bảo hiểm	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Quyết định số 1826/2012/QĐ-TTg ngày 6/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm	2012 - 2013	Cục QL&GSBH	Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.5.6	51	Chiến lược kế toán - kiểm toán giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030	- Đã hoàn thành, triển khai chiến lược - Quyết định số 480/QĐ-TTg ngày 18/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược kế toán Kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030 - Quyết định số 2261/QĐ-BTC ngày 10/9/2013 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai Chiến lược kế toán kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030	2012 - 2013	Vụ CĐKT	Cục TCDN, KBNN, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.5.7	53	Luật Kiểm toán độc lập	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện Luật - Luật số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc hội về Luật kiểm toán độc lập	2011 - 2013	Vụ CĐKT	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.8	56	Nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên - Quyết định số 304/QĐ-TTg ngày 6/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia	2012	Cục QLN&TCĐN	Vụ TCNH và các đơn vị liên quan
A.5.9	57	Phát triển hoạt động tư vấn thẩm định giá	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên - Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 6/8/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá	2012 - 2020	Cục QLG	Các đơn vị liên quan.
A.5.10	58	Phát triển hoạt động đại lý hải quan	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên - Nghị định số 14/2011/NĐ-CP ngày 16/2/2011 của Chính phủ về Quy định về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	2012 - 2013	TCHQ	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.11	60	Hoàn thiện mô hình doanh nghiệp kinh doanh xổ số, đặt cược, casino, trò chơi có thưởng	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 11/7/2011 của	2011 - 2012	Vụ TCNH	Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
			Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập Công ty kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán tại Việt Nam - Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 5/10/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 1/3/2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số			
A.5.12	Mới	Phát triển thị trường chứng khoán phái sinh	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2016	UBCKNN	Vụ PC, các đơn vị liên quan
A.5.13	55	Phát triển hoạt động định mức tín nhiệm	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2017	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.14	Mới	Hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2016	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên qua
A.5.15	61	Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán	- MTAP 2014 - 2016	2015 - 2016	UBCKNN	Vụ TCNH, Viện CL&CSTC, và các đơn vị liên quan
A.5.16	54	Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán	- MTAP 2014 - 2016	2012 -2020	Vụ CĐKT	Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.17	52	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán	- MTAP 2014 - 2016	2014 - 2018	Vụ CĐKT	Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.18	59	Phát triển hoạt động của đại lý thuế	- Thực hiện ở giai đoạn sau	2017 - 2020	TCT	Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.19	49	Luật Chứng khoán (sửa đổi)	- Thực hiện ở giai đoạn sau	2017 - 2020	UBCKNN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.20	50	Luật kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi)	- Thực hiện ở giai đoạn sau	2017 - 2020	Cục QL&GSBH	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.6		<b>Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính</b>				

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.6.1	62	Hội nhập tài chính	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên - Báo cáo Bộ về “Đánh giá tác động hội nhập quốc tế sau 5 năm gia nhập WTO và 10 năm Hội nhập kinh tế quốc tế”	2011 - 2020	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ TCNH, Vụ CĐKT, Cục QLG, Cục QL&GSBH, UBCKNN, TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.6.2	63	Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế	- MTAP 2014 - 2016	2014 – 2016	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ CĐKT, Cục QL&GSBH, Cục KHTC, UBCKNN, TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.7		<b>Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia</b>				
A.7.1	65	Kiến toan tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra tài chính	- Đã hoàn thành, Triển khai thực hiện Đề án - Nghị định số 82/2012/NĐ-CP ngày 9/10/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính	2012 - 2013	Thanh tra Bộ	Vụ NSNN, Vụ ĐT, Vụ TCNH, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.7.2	66	Tổng kết tình hình vay và trả nợ công giai đoạn 2006-2010 và kế hoạch 2011-2015	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Báo cáo về Tổng kết tình hình vay và trả nợ công giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch 2011 - 2015	2012	Cục QLN&TCĐN	Vụ NSNN, Vụ ĐT, Viện CL&CSTC, KBNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.7.3	67	Chương trình quản lý nợ trung hạn 3 năm liền kề	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 4/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quản lý nợ trung hạn 2013 - 2015	2012 - 2017	Cục QLN&TCĐN	Vụ NSNN, Vụ ĐT, Viện CL&CSTC, KBNN và các đơn vị liên quan
A.7.4	71	Quy chế giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước	2012	Cục TCDN	Vụ TCNH, Vụ CĐKT, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.7.5	67	Chương trình quản lý nợ trung hạn 3 năm liền kề	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên - Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 4/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quản lý nợ trung hạn 2013-2015	2014 - 2016	Cục QLN&TCĐN	Vụ NSNN, Vụ ĐT, Viện CL&CSTC, KBNN và các đơn vị liên quan
A.7.6	Mới	Triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2016	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.7.7	80	Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính	- MTAP 2014 - 2016	2011 - 2020	Viện CL&CSTC	Các đơn vị liên quan
A.7.8	Mới	Đề án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia	- MTAP 2014 - 2016	2014 - 2018	Cục QLN&TCĐN	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan
A.7.9	68	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công	- Thực hiện ở giai đoạn sau	2017 - 2020	Cục QLN&TCĐN	Vụ PC, Vụ TCNH, Vụ NSNN, Vụ ĐT, Viện CL&CSTC, KBNN và các đơn vị liên quan
A.7.10	70	Đề án thành lập Tổng cục quản lý, giám sát tài chính doanh nghiệp	- Tạm thời chưa thực hiện	2017 - 2020	Cục TCDN	Vụ PC, Vụ TCCB và các đơn vị liên quan
A.8		<b>Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính</b>				
A.8.1	73	Xây dựng định mức biên chế trong ngành Tài chính	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2013	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
A.8.2	74	Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, đánh giá tác động của chính sách tài chính	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2013	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.8.3	75	Phát triển nguồn nhân lực ngành Tài chính	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2013	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
A.8.4	76	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực tài chính	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2011 - 2020	Cục TH&TKTC	TCT, TCHQ, KBNN, UBCKNN, Cục QLG và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.8.5	78	Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với KBNN, TCT, TCHQ, UBCKNN, TCDTNN và một số cục, viện thuộc Bộ	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 – 2015	Các đơn vị liên quan và Cục KHTC	Vụ PC, Vụ TCCB, VPB và các đơn vị liên quan
A.8.6	79	Chương trình hành động và kế hoạch thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản nhà nước, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ giai đoạn 2011-2015	- Đã hoàn thành chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2014	Cục KHTC	Các đơn vị liên quan
		Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước	- Đề án đang nhận được tài trợ của Quỹ MDTF-2 - Tiếp tục triển khai sau khi kết thúc dự án MDTF-2	2010 - 2013	Cục QLCS	Các đơn vị liên quan
A.8.7	77	Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính	- MTAP 2014 - 2016	2011 - 2017	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.8.8	81	Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2015	Vụ PC	VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.8.9	Mới	Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ - GFMS	- MTAP 2014 - 2016	2013 - 2018	Cục TH&TKTC	Ban quản lý dự án Tài chính công, KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QL&TCĐN, Cục QLG, Cục QLCS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan
A.8.10	Mới	Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025	- MTAP 2014 - 2016	2014 - 2020	Cục TH&TKTC	KBNN, TCT, TCHQ, UBCKNN, TCDTNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.8.11	Mới	Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	- MTAP 2014 - 2016	2014 - 2018	Cục QLG	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.8.12	Mới	Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước	- MTAP 2014 - 2016	2012 - 2018	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị, địa phương có liên quan
<b>B.</b>		<b>ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2010 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020</b>				

TT ƯT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu-kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
B.1	Mới	<b>Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 - 2020</b>	- MTAP 2014 - 2016	2015	Vụ NSNN	Cục QLN&TCĐN, Cục TCDN, Cục KHTC, Bộ KHĐT và các đơn vị liên quan
B.2	Mới	<b>Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 – 2015 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 – 2020</b>	- MTAP 2014 - 2016	2015 - 2016	Viện CL&CSTC	Vụ NSNN, UBCKNN, Cục QLGSBH, Vụ TCNH, Cục TCDN, Vụ ĐT, Cục KHTC, TCT, TCHQ, các đơn vị liên quan
B.3	Mới	<b>Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 – 2020</b>	- MTAP 2014 - 2016	2015 - 2020	Vụ PC	VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

**PHỤ LỤC I: CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC CÁC TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI TÀI TRỢ GIAI ĐOẠN 2011 – 2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-Bộ Tài chính ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
<b>I. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ KẾT THÚC (tính đến 31/12/2013)</b>							
P1.1	Cải cách quản lý tài chính công	DFID	Quản lý tài chính công	10/2003 - 5/2011	11,315,000	-	Nhằm đạt được sự tăng trưởng quản lý tài chính công, thông tin minh bạch, từ đó nâng cao chất lượng các dịch vụ công sử dụng các nguồn lực của khu vực công.
		WB		10/2003 - 10/2013	74,675,000	10,140,000	
P1.2	Quỹ tín thác đa biên các Nhà tài trợ hỗ trợ Sáng kiến cải cách quản lý tài chính công của CPVN - Gd2 (MDTF2)	Chính phủ Úc, Canada, Đan Mạch, Hà Lan, Thụy Sĩ và EC.	Quản lý tài chính công.	6/2009 - 12/2013	7,188,320	375,000	Dự án MDTF2 sẽ tập trung vào hỗ trợ thực hiện các chiến lược cải cách phát triển của Bộ Tài chính được nêu trong Tài liệu duy nhất 2007. Các mục tiêu ngắn hạn sẽ nhằm hỗ trợ chi phí để đạt được các kết quả trong nhóm các lĩnh vực cải cách ưu tiên được nêu trong Tài liệu duy nhất, bao gồm: Quản lý chi NSNN; Quản lý thu NSNN; Quản lý nợ CP; Quản lý Tài sản nhà nước và Quản lý giá.
P1.2.1.A	<i>Đề án 1A: Chuẩn bị thí điểm PEFA</i>		Quản lý chi NSNN	2010-2011			Nâng cao hiểu biết của các cán bộ chủ chốt về phạm vi, tiêu chí của hệ thống đánh giá PEFA; xây dựng Kế hoạch đánh giá thí điểm PEFA.
P1.2.1.B	<i>Đề án 1B: Xây dựng kế hoạch triển khai thí điểm PEFA</i>		Quản lý chi NSNN	2011-2013			Xây dựng kế hoạch triển khai thí điểm PEFA và phổ biến Báo cáo PEFA.
P1.2.2.A	<i>Đề án 2A: Xây dựng mô hình Tổng kế toán nhà nước</i>		Quản lý chi NSNN	2010-2011			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất Mô hình Tổng kế toán nhà nước, các nội dung cần thực hiện và lộ trình triển khai thực hiện xây dựng mô hình.</li> <li>- Xây dựng khuôn khổ pháp lý, chế độ kế toán Nhà nước và mô hình tổ chức bộ máy thực hiện tổng kế toán Nhà nước.</li> <li>- Khuyến nghị về các điều kiện thực hiện mô hình và việc triển khai thực hiện tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực triển khai Tổng kế toán Nhà nước; nội dung và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho phù hợp với mô hình.</li> </ul>
P1.2.2.B	<i>Đề án 2B: Xây dựng Kế hoạch thiết lập hệ thống Kế toán Nhà nước</i>			2011-2013			Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch thiết lập hệ thống kế toán Nhà nước.

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU' (USD)	Mục tiêu
P1.2.3	<b>Đề án 3: Cải cách quản lý ngân quỹ của Chính phủ</b>		Quản lý chi NSNN	2010-2013			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng khuôn khổ pháp lý quy định rõ cơ chế, trách nhiệm của Bộ Tài chính và các đơn vị liên quan trong công tác quản lý ngân quỹ vận hành tài khoản tập trung, cơ chế sử dụng ngân quỹ mua lại Trái phiếu Chính phủ.</li> <li>- Xây dựng hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro ngân quỹ.</li> <li>- Xây dựng hệ thống dự báo luồng tiền.</li> </ul>
P1.2.4.A	<b>Đề án 4A: Chuẩn mực Kế toán công quốc tế</b>		Quản lý chi NSNN	2010-2011			Nghiên cứu hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế để lựa chọn và áp dụng một vài chuẩn mực phù hợp nhất với Việt Nam.
P1.2.4.B	<b>Đề án 4B: Xác định các Chuẩn mực Kế toán công phù hợp và Xây dựng lộ trình triển khai</b>		Quản lý chi NSNN	2011-2013			Xác định các Chuẩn mực Kế toán công phù hợp và Xây dựng lộ trình triển khai.
P1.2.4.C	<b>Đề án 4C: Cập nhật hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam</b>		Quản lý chi NSNN	2011-2013			Hỗ trợ cập nhật hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam.
P1.2.5	<b>Đề án 5: Soạn thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động kiểm toán nội bộ của các cơ quan, tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước</b>		Quản lý chi NSNN	2010-2011			Hỗ trợ xây dựng Dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động kiểm toán nội bộ của các cơ quan, tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước.
P1.2.6.A	<b>Đề án 6A: Xây dựng dự án Luật Thuế Nhà đất, đất và các văn bản hướng dẫn thực hiện</b>		Quản lý thu NSNN	2010-2011			Hỗ trợ xây dựng dự án Luật Thuế Nhà đất, đất và các văn bản hướng dẫn thực hiện.
P1.2.6.B	<b>Đề án 6B: Nghiên cứu đề xuất hướng hoàn thiện chính sách thuế bất động sản tại Việt Nam</b>		Quản lý thu NSNN	2013			Hoàn thiện chính sách thuế bất động sản tại Việt Nam.
P1.2.7	<b>Đề án 7: Xây dựng Luật thuế tài nguyên và các văn bản hướng dẫn thực hiện</b>		Quản lý thu NSNN	2010-2011			Hỗ trợ xây dựng Luật thuế tài nguyên và các văn bản hướng dẫn thực hiện.



TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU' (USD)	Mục tiêu
P1.2.8	<b>Đề án 8: Xây dựng dự án Luật thuế bảo vệ môi trường</b>		Quản lý thu NSNN	2010-2011			Hỗ trợ Xây dựng dự án Luật thuế bảo vệ môi trường.
P1.2.9	<b>Đề án 9: Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược cải cách hệ thống chính sách thuế đến 2020</b>		Quản lý thu NSNN	2012			Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược cải cách hệ thống chính sách thuế đến 2020 trong các lĩnh vực cụ thể (thu từ đất, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế bảo vệ môi trường, phí và lệ phí, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thu từ thăm dò, sử dụng tài nguyên thiên nhiên).
P1.2.10	<b>Đề án 10: Xây dựng Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật quản lý thuế và dự thảo các văn bản hướng dẫn thi hành</b>		Quản lý thu NSNN	2013			Hỗ trợ xây dựng Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật quản lý thuế và Dự thảo các văn bản hướng dẫn thi hành.
P1.2.11	<b>Đề án 11: Xây dựng Chính sách phát triển hệ thống quản lý nợ bền vững</b>		Quản lý nợ công	2010-2012			Quản lý nợ bền vững bằng các công cụ: phân tích bền vững nợ, hệ thống chỉ tiêu giám sát nợ, cơ cấu danh mục nợ trong nước – ngoài nước, ngắn hạn trung hạn và dài hạn v...v; Xử lý rủi ro đối với các dự án vay lại sử dụng vốn ODA có hạn chế về khả năng trả nợ nhằm đảm bảo tính bền vững của khoản vay nước ngoài và khoản cho vay lại; Tăng cường năng lực cho cán bộ Cục QLN&TCĐN tại một số cơ quan quản lý nợ tiền tiền trên thế giới.
P1.2.12	<b>Đề án 12: Xây dựng chiến lược phát triển thị trường trái phiếu chính phủ</b>		Quản lý thị trường tài chính	2011			Hỗ trợ xây dựng chiến lược phát triển thị trường trái phiếu chính phủ.
P1.2.13	<b>Đề án 13 Xây dựng chính sách về quản lý, sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng</b>		Quản lý công sản	2011			Nghiên cứu và học tập kinh nghiệm quốc tế về quản lý và sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng; Đánh giá thực trạng quản lý và sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng ở Việt Nam; Tư vấn hỗ trợ xây dựng báo cáo đánh giá tác động của hệ thống văn bản pháp qui hiện hành đến công tác quản lý và sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng.
P1.2.14	<b>Đề án 14: Xây dựng Dự thảo Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng giao thông</b>		Quản lý công sản	2011			Hỗ trợ xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng giao thông.
P1.2.15	<b>Đề án 15: Hiện đại hóa quản lý công</b>		Quản lý	2011-2013			Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công sản.

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU' (USD)	Mục tiêu
	<i>sản</i>		công sản				
P1.2.16	<b>Đề án 16: Mở rộng thí điểm rà soát chuẩn hóa dữ liệu tài sản nhà nước</b>		Quản lý công sản	2013			Thí điểm rà soát chuẩn hóa dữ liệu tài sản nhà nước tại một số tỉnh ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam.
P1.2.17	<b>Đề án 17: Hỗ trợ triển khai thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung</b>		Quản lý công sản	2013			Hỗ trợ triển khai thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung.
P1.2.18	<b>Đề án 18: Những định hướng lớn về giá cả trong Chiến lược tài chính giai đoạn 2011-2020</b>		Quản lý giá	2010			Đánh giá thực trạng quản lý điều hành giá của Việt Nam và đưa ra những định hướng lớn về giá cả trong Chiến lược tài chính 2011 - 2020.
P1.2.19	<b>Đề án 19: Chính sách hỗ trợ từ NSNN đối với bảo hiểm nông nghiệp</b>		Quản lý bảo hiểm	2011-2012			Hỗ trợ xây dựng chính sách hỗ trợ từ NSNN đối với bảo hiểm nông nghiệp.
P1.2.20	<b>Đề án 20: Xây dựng cơ chế giám sát các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước</b>		Quản lý tài chính doanh nghiệp	2011-2013			Xây dựng cơ chế giám sát các Tập đoàn, Tổng Công ty Nhà nước.
P1.2.21	<b>Đề án 21: Tăng cường công tác quản lý nguồn nhân lực của Bộ Tài chính</b>		Khác	2010-2011			Mô tả chức danh công việc của công chức làm việc tại cơ quan Bộ Tài chính; Xây dựng qui trình tuyển dụng cán bộ thống nhất của Bộ Tài chính.
P1.2.22	<b>Đề án 22: Cập nhật Tài liệu duy nhất 2011</b>		Khác	2011			Cập nhật Tài liệu duy nhất năm 2011.
P1.2.23	<b>Đề án 23: Triển khai Chiến lược Phát triển Tài chính giai đoạn 2011 - 2020</b>		Khác	2013			Xây dựng Tài liệu Chương trình hành động trung hạn triển khai Chiến lược phát triển tài chính giai đoạn 2011-2020.
P1.2.24	<b>Đề án 24: Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác phân tích, dự báo tài khóa, xây dựng chính sách và chiến lược tài chính giai đoạn 2011 - 2020</b>		Khác	2013			Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác phân tích, dự báo tài khóa, xây dựng chính sách và chiến lược tài chính giai đoạn 2011 - 2020.
P1.2.25	<b>Đề án 25: Đánh giá việc triển khai cải cách quản lý tài chính công thông qua giám sát và đánh giá tình hình triển khai pháp luật trong ngành Tài chính</b>		Khác	2011-2013			Đánh giá việc triển khai cải cách quản lý tài chính công thông qua giám sát và đánh giá tình hình triển khai pháp luật trong ngành Tài chính.
P1.2.26	<b>Đề án 26: Hỗ trợ Xây dựng Dự án An</b>		Khác	2013			Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin ngành Tài chính.

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU' (USD)	Mục tiêu
	<i>toàn bảo mật thông tin ngành Tài chính</i>						
P1.3	Dự án Cải cách quản lý thuế - Giai đoạn 2	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu NSNN	8/2008 - 7/2011	1,700,000	283,564	Tăng cường năng lực quản lý cho cơ quan thuế để hỗ trợ cho triển khai thành công hệ thống tự khai tự nộp.
P1.4	Dự án tăng cường quản lý hải quan tại cảng Hải Phòng	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu NSNN	9/2009- 4/2011	9,289,028	255,655	Nâng cao năng lực nghiệp vụ cho cán bộ hải quan trong việc kiểm tra, phân tích, xử lý đối với công-ten-nơ xuất khẩu, nhập khẩu bằng kỹ thuật hiện đại, từng bước thay thế hình thức kiểm tra thủ công.
P1.5	Dự án hợp tác khu vực về quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan khu vực sông Mê Kông	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu NSNN	1/2008 - 7/2011	1,181,800	97,727	Tăng cường năng lực quản lý rủi ro cho Hải quan các nước Campuchia, Thái Lan và Việt Nam; hướng tới đạt được các chuẩn mực quốc tế.
P1.6	Dự án "Tăng cường hệ thống đào tạo nhằm nâng cao năng lực cán bộ cửa khẩu của Hải quan Việt Nam"	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu NSNN	10/2009- 7/2012	1,831,896	245,225	(1) Tăng cường hệ thống đào tạo cho các công chức hải quan cửa khẩu. (2) Nâng cao hệ thống cung cấp và chia sẻ thông tin cần thiết cho việc quản lý hải quan. (3) Nâng cao hệ thống cung cấp và chia sẻ thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp hưởng các dịch vụ quản lý hải quan.
P1.7	Dự án Hỗ trợ phân tích chính sách tài chính	UNDP	Khác	4/2008 - 12/2011	3,500,000	100,000	Hỗ trợ cho Nhóm phân tích chính sách (PAG) để triển khai các chức năng và nhiệm vụ được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao, góp phần nâng cao năng lực phân tích, xây dựng chính sách tài chính và phát triển vai trò của công tác tư vấn chính sách trong Bộ Tài chính trong thời gian triển khai dự án.
P1.8	Dự án Hải quan một cửa quốc gia	USTDA - Hoa Kỳ	Quản lý thu NSNN	15/9/2010- 15/9/2012	718,600	-	Hỗ trợ Việt Nam triển khai một số hoạt động trong các cấu phần của "Kế hoạch tổng thể về triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và tham gia Cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 2008-2012".
P1.9	Dự án Hỗ trợ đánh giá thực hiện và sửa đổi Thông tư 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 19/5/2009 về giá nước	AusAID	Quản lý giá	6/2011- 3/2012	143,270	10,000	Hỗ trợ cho Bộ Tài chính đánh giá tình hình thực hiện Thông tư 95 hướng dẫn về nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn và nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 19/5/2009, đảm bảo chính sách về giá tiêu thụ nước sạch cần là động lực nhằm khuyến khích sự tham gia của tất cả các ngành, các thực thể kinh tế, đồng thời khuyến khích ngành nước nâng cao chất lượng nguồn nước cung cấp, vệ sinh sức khoẻ và dịch vụ, giảm chi phí sản xuất, thất thoát nước.

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU' (USD)	Mục tiêu
P1.10	Dự án "Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Nghị định của Chính phủ về quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp"	Quỹ MDTF, B-WTO, Bộ Công thương	Quản lý tài chính doanh nghiệp	12/2009-6/2011	149,625	15,000	Hỗ trợ xây dựng Dự thảo Nghị định của Chính phủ về quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp, qua đó hỗ trợ nâng cao năng lực cho Ban soạn thảo Nghị định và hỗ trợ cho quá trình cải cách và chuyển đổi của các DNNN phù hợp với những thay đổi về khung pháp lý.
P1.11	Dự án "Hỗ trợ xây dựng Luật Quản lý giá"	Quỹ MDTF, B-WTO, Bộ Công thương	Quản lý giá	12/2009-9/2011	277,107	27,710	Hỗ trợ việc soạn thảo Luật quản lý giá và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật quản lý giá; hỗ trợ việc đưa công tác quản lý giá vào nề nếp theo khuôn khổ của pháp luật.
P1.12	Dự án "Hoàn thiện chính sách đất đai khi cổ phần hoá công ty nhà nước"	Quỹ MDTF, B-WTO, Bộ Công thương	Quản lý công sản	12/2009-3/2011	108,245	10,813	Hỗ trợ tạo lập khuôn khổ pháp lý về chính sách đất đai khi sắp xếp lại DNNN nhằm thực hiện đúng pháp luật, đảm bảo tính hiệu quả trong khai thác và sử dụng tài nguyên quốc gia, tạo thuận lợi cho việc cơ cấu lại DNNN, từ đó làm tăng thêm các nguồn lực trong nước để phát triển và hội nhập kinh tế thế giới.
P1.13	Dự án "Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành"	Quỹ MDTF, B-WTO, Bộ Công thương	Quản lý giá	10/2011-10/2012	109,769	10,154	Hỗ trợ cơ quan soạn thảo Luật giá tăng cường năng lực và trợ giúp kỹ thuật cho Ban soạn thảo Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật về quản lý giá; hỗ trợ việc đưa công tác quản lý giá vào nề nếp theo khuôn khổ của pháp luật, từ đó tăng thêm nguồn nội lực cho đất nước phát triển và hội nhập quốc tế.
P1.14	Dự án Phát triển thị trường vốn Việt Nam (VIE/026)	CP Luxemburg	Quản lý thị trường tài chính	1/2008 - 30/6/2013	4,181,818	418,182	Xây dựng công cụ và hệ thống giám sát thị trường vốn và các tổ chức trung gian thông qua hỗ trợ UBCKNN trong việc quản lý quỹ đầu tư, quỹ hưu trí, đạo đức nghề nghiệp, quản trị công ty và các dịch vụ qua biên giới.
P1.15	Dự án "Hỗ trợ xây dựng cơ chế quản lý tài sản là công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn"	DFID, AusAID, ĐSQ Đan Mạch	Quản lý công sản	10/6/2012-30/6/2013	100,643	10,000	- Các công trình sau khi đầu tư phải thực hiện giao trách nhiệm quản lý vận hành, theo dõi hạch toán đầy đủ giá trị và hiện vật theo quy định. - Có cơ chế quản lý, sử dụng phù hợp nhằm phát huy hiệu quả đầu tư; góp phần cải thiện đời sống của nhân dân và đảm bảo sự bền vững của chương trình nước sạch nông thôn.

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU' (USD)	Mục tiêu
P1.16	Tài trợ bổ sung hợp phần 3 Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai thuộc Dự án quản lý rủi ro thiên tai	WB (vốn vay)		2010-2013	75,000,000 <sup>1</sup>	40,000	Hỗ trợ cho Việt Nam thiết lập khuôn khổ toàn diện về quản lý rủi ro thiên tai nhằm giúp bên vay: (i) giảm nguy cơ thiệt hại của các Tỉnh thụ hưởng trước thảm họa bão lụt; (ii) tăng hiệu quả thực hiện các hoạt động phục hồi và tái thiết sau thiên tai; (iii) tăng cường năng lực cho các tổ chức quản lý rủi ro thiên tai ở cấp trung ương và địa phương.
P1.17	Dự án Xây dựng năng lực kiểm toán nội bộ cho Thanh tra Bộ Tài chính	WB	Thanh tra tài chính	2011-2013	150,000	45,000	Tăng cường năng lực kiểm toán nội bộ của Thanh tra Bộ Tài chính nói riêng và năng lực kiểm toán nội bộ của khu vực công nói chung.
P1.18	Dự án "Tập hợp bằng chứng để nghiên cứu chính sách thuế và giá hiệu quả, bền vững đối với các loại sản phẩm thuốc lá nhằm hạn chế sử dụng thuốc lá ở Việt Nam" (viết tắt: Dự án thuế thuốc lá)	Sáng kiến Bloomberg	Quản lý thu	06/2012 - 9/2013	150,000	-	Hỗ trợ Bộ Tài chính nghiên cứu, tập hợp bằng chứng để nghiên cứu chính sách thuế và giá hiệu quả, bền vững đối với các loại sản phẩm thuốc lá nhằm hạn chế sử dụng thuốc lá ở Việt Nam.
P1.19	Chương trình hỗ trợ cải cách quản lý thuế và chính sách thuế Việt Nam	IMF-SECO	Quản lý thu	2011-2012			Hỗ trợ kỹ thuật tập trung vào 03 nội dung chính: (i) Quản lý thuế, (ii) Quản lý hải quan và thuế thương mại (Cải cách Luật thuế XNK); và (iii) Chính sách thuế.
P1.20	Đơn giản hoá Thủ tục hành chính thuế Việt Nam	IFC	Quản lý thu	2011			Tăng cường tính hiệu quả của hệ thống quản lý thuế, giảm chi phí tuân thủ và các chi phí hành chính mà cơ quan thuế đang phải đối mặt.
P1.21	Chương trình hợp tác song phương giữa Bộ Tài chính và JICA về nâng cao năng lực quản lý dự án và quản lý tài chính công	JICA - Nhật Bản	Khác	2011-2013			Tăng cường năng lực về quản lý dự án cho cán bộ phụ trách các dự án của Bộ Tài chính và hỗ trợ tổ chức một số hội thảo về quản lý tài chính công.
P1.22	Hợp tác với Bộ Ngân khố Hoa Kỳ	Bộ Ngân khố Hoa Kỳ	Quản lý thu và quản lý thị trường tài chính	2011			Hỗ trợ quản lý thuế và quản lý thị trường tài chính (thị trường vốn, thị trường trái phiếu).
P1.23	Chương trình hợp tác với Bộ Tài chính Đức	Bộ Tài chính Đức	Quản lý tài chính	2012-2013			Hỗ trợ tổ chức một số hội thảo về tái cấu trúc DNNN.

<sup>1</sup> Bộ Tài chính là cơ quan quản lý và điều phối, không phải là cơ quan sử dụng và thụ hưởng trực tiếp khoản vay này. Khoản vay là dành để hỗ trợ các địa phương bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong giai đoạn 2010-2013

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU' (USD)	Mục tiêu
			doanh nghiệp				
P1.24	Chương trình hợp tác tài chính với Adetef (Pháp)	Adetef-Pháp	Quản lý thu, quản lý chi, thanh tra tài chính	2011-2013			Hỗ trợ thực hiện một số hoạt động khảo sát, hội thảo trong lĩnh vực quản lý thu, chi NSNN và thanh tra tài chính.
<b>II. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN</b>							
P1.25	Chương trình "Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty" - Giai đoạn 1	ADB	Quản lý tài chính doanh nghiệp	12/2009-6/2015	130,000,000	120,200	Tái cấu trúc nợ để cải thiện tình hình tài chính, tái cấu trúc doanh nghiệp, đổi mới quy trình hoạt động hoặc quản lý, đổi mới thể chế nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của DNNN.
P1.26	Dự án hỗ trợ kỹ thuật lần 1 "Hỗ trợ triển khai Chương trình Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty"	ADB	Quản lý tài chính doanh nghiệp	04/2012-04/2014	1,200,000	250,000	Hỗ trợ các doanh nghiệp có vốn nhà nước quy mô lớn tận dụng tối ưu hơn các nguồn lực, nâng cao tính minh bạch, lợi nhuận và tính cạnh tranh cao hơn trên cơ sở tái cơ cấu lại doanh nghiệp theo hướng hoạt động tập trung vào các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính, đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp.
P1.27	Dự án hỗ trợ kỹ thuật lần 2 "Hỗ trợ triển khai Chương trình Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty"	ADB	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01/2014-12/2014	800,000	100,000	Hỗ trợ cải cách DNNN và đổi mới quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao lợi nhuận của các doanh nghiệp được tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả quản lý các DNNN.
P1.28	Dự án "Tăng cường phân cấp quản lý dự án – Giai đoạn 3"	ADB	Khác	12/2012 - 12/2014	580,000	120,000	Tăng cường công tác quản lý tài chính của các dự án ODA và vốn vay ưu đãi nói chung, các dự án do ADB tài trợ nói riêng, để góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA và các nguồn vốn ưu đãi.
P1.29	Dự án hỗ trợ kỹ thuật xây dựng phần mềm quản lý tài sản là công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	AusAID, BNG Đan Mạch, DFID	Quản lý công sản	6/2013-3/2014	261,058	13,832	Hoàn thiện cơ chế quản lý và công cụ quản lý đối với tài sản là công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tập trung để phục vụ cho công tác quản lý, sử dụng và khai thác đảm bảo các công trình này được sử dụng hiệu quả, bền vững.
P1.30	Nền tài chính công (Cấu phần 2 thuộc Chương trình cải cách kinh tế vĩ mô)	GIZ-CP Đức	Quản lý chi	20011 - 2014	3,640,000	-	Hỗ trợ thực hiện chính sách ngân sách và chính sách tài khoá, nền tài chính công phù hợp với các chuẩn mực quốc tế ở mức độ cao hơn.
P1.31	Dự án Cải cách quản lý hành chính thuế giai đoạn 3	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu	9/2011 - 9/2014	1,100,000	289,889	Tăng cường môi trường tuân thủ tự nguyện cho người nộp thuế thông qua việc hoàn thiện hệ thống thuế.

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU' (USD)	Mục tiêu
P1.32	Dự án "JICA Hợp tác kỹ thuật thực hiện Hải quan điện tử"	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu	2012- 2015	5,884,615	697,115	Tiếp tục tạo thuận lợi thương mại tại Việt Nam, tạo dựng môi trường cần thiết cho việc vận hành và bảo trì VNACCS/VCIS.
P1.33	Dự án Quỹ đầu tư phát triển địa phương	WB (vốn vay)		2009-2014	190,000,000 <sup>2</sup>	2,700,000	Dự án nhằm cung cấp nguồn tài chính bổ sung cho các dự án đầu tư của địa phương và cải thiện năng lực của các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương thông qua việc thu hút tài chính từ khu vực tư nhân cho phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.
P1.34	Dự án Tăng cường năng lực Vụ Chế độ Kế toán & kiểm toán	WB	Kế toán- kiểm toán	12/2012 - 12/2015	200,000	26,900	Tăng cường chức năng giám sát của Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán đối với toàn bộ hoạt động kế toán và kiểm toán trong cả nước, góp phần đảm bảo chất lượng Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán độc lập cho các doanh nghiệp, các đơn vị kế toán nhà nước và các dự án.
P1.35	Dự án hiện đại hóa quản lý thuế	PHRD - Nhật Bản (không hoàn lại)	Quản lý thu	1/2008 - 5/2015	5,000,000	12,500,000	Hỗ trợ ngành thuế triển khai thành công kế hoạch cải cách, nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong công tác quản lý thuế và tăng mức độ tuân thủ tự nguyện thông qua việc nâng cao tính hiệu quả về chất lượng và chi phí quản lý, tính minh bạch và độ tin cậy của hệ thống quản lý thuế.
		WB (vốn vay)		1/2008 - 5/2015	80,000,000		
P1.36	Dự án hợp phần "Tăng cường năng lực tổng thể Thanh tra tài chính giai đoạn 2009 - 2014"	Chính phủ Thụy Điển, Đan Mạch, Canada và Hà Lan	Thanh tra tài chính	10/2009 - 9/2014	1,342,096	233,477	(1) Chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ, mẫu biểu thanh tra. (2) Xây dựng hệ thống quản lý, hệ thống cảnh báo rủi ro. (3) Đổi mới công tác quản lý cán bộ thanh tra . (4) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo. (5) Ứng dụng CNTT trong hoạt động thanh tra. (6) Theo dõi và giám sát dựa trên kết quả.
P1.37	Dự án "Xây dựng, triển khai Hải quan điện tử và thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia phục vụ hiện đại hoá Hải quan tại Việt Nam"	Chính phủ Nhật Bản	Quản lý thu	2012 - 2015	31,849,192	628,709	Hỗ trợ toàn diện cho Hải quan Việt Nam tiếp nhận chuyển giao hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS, làm chủ hệ thống và tổ chức triển khai hệ thống CNTT một cách đồng bộ.

<sup>2</sup> Đây là dự án do Bộ Tài chính quản lý nguồn vốn vay để cho vay lại; không phải là cơ quan sử dụng và thụ hưởng trực tiếp nguồn vốn vay này.